

QUẢN LÝ THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI  
(INFORMATION ON OWNERSHIP BY FOREIGN INVESTORS)

Ngày hiệu lực/Effective date: 05/08/2026

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| I. DEPOX   |                                      |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | AGC                                  | VN000000AGC7         | 8.300.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.067.000                                                                              | 305.600                                                                          | 3.761.400                                                                                                           |
| 2          | ATC                                  | VN000000ATC0         | 8.002.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.980                                                                              | 2.400.600                                                                        | 1.520.380                                                                                                           |
| 3          | BAS                                  | VN000000BAS4         | 9.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.704.000                                                                              | 3.330                                                                            | 4.700.670                                                                                                           |
| 4          | BVA                                  | VN000000BVA8         | 16.800.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.232.000                                                                              | 0                                                                                | 8.232.000                                                                                                           |
| 5          | CIC                                  | VN000000CIC9         | 4.635.062                                          | 49,0000000                                                                            | 2.271.180                                                                              | 340.933                                                                          | 1.930.247                                                                                                           |
| 6          | CIE                                  | VN000000CIE5         | 1.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 490.000                                                                                | 0                                                                                | 490.000                                                                                                             |
| 7          | CTM                                  | VN000000CTM5         | 4.399.996                                          | 49,0000000                                                                            | 2.155.998                                                                              | 486                                                                              | 2.155.512                                                                                                           |
| 8          | DCC                                  | VN000000DCC0         | 35.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 17.444.000                                                                             | 809.580                                                                          | 16.634.420                                                                                                          |
| 9          | DTR                                  | VN000000DTR2         | 80.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 10         | DVD                                  | VN000000DVD8         | 11.910.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.835.900                                                                              | 161.610                                                                          | 5.674.290                                                                                                           |
| 11         | FBT                                  | VN000000FBT1         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                              | 2.220                                                                            | 7.347.780                                                                                                           |
| 12         | FPC                                  | VN000000FPC7         | 32.999.991                                         | 49,0000000                                                                            | 16.169.995                                                                             | 16.535.847                                                                       | -365.852                                                                                                            |
| 13         | GBS                                  | VN000000GBS1         | 13.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.615.000                                                                              | 6.615.000                                                                        | 0                                                                                                                   |
| 14         | GEC                                  | VN000000GEC9         | 2.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 980.000                                                                                | 0                                                                                | 980.000                                                                                                             |
| 15         | GTX                                  | VN000000GTX3         | 35.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 16         | HHL                                  | VN000000HHL1         | 2.748.270                                          | 49,0000000                                                                            | 1.346.652                                                                              | 9.140                                                                            | 1.337.512                                                                                                           |
| 17         | HIS                                  | VN000000HIS4         | 6.393.253                                          | 49,0000000                                                                            | 3.132.693                                                                              | 0                                                                                | 3.132.693                                                                                                           |
| 18         | HTB                                  | VN000000HTB7         | 1.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 882.000                                                                                | 0                                                                                | 882.000                                                                                                             |
| 19         | ICL                                  | VN000000ICL0         | 9.879.506                                          | 49,0000000                                                                            | 4.840.957                                                                              | 0                                                                                | 4.840.957                                                                                                           |
| 20         | IMT                                  | VN000000IMT2         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                              | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 21         | KAI                                  | VN000000KAI6         | 750.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 750.000.000                                                                            | 150.000.000                                                                      | 600.000.000                                                                                                         |
| 22         | KSG                                  | VN000000KSG2         | 17.062.450                                         | 49,0000000                                                                            | 8.360.600                                                                              | 0                                                                                | 8.360.600                                                                                                           |
| 23         | LMR                                  | VN000000LMR0         | 10.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 4.900.000                                                                              | 340.000                                                                          | 4.560.000                                                                                                           |
| 24         | MAX                                  | VN000000MAX1         | 7.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.528.000                                                                              | 98.700                                                                           | 3.429.300                                                                                                           |
| 25         | MC3                                  | VN000000MC30         | 3.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 26         | MCL                                  | VN000000MCL2         | 2.220.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.087.800                                                                              | 100                                                                              | 1.087.700                                                                                                           |
| 27         | MCV                                  | VN000000MCV1         | 12.092.161                                         | 49,0000000                                                                            | 5.925.158                                                                              | 2.524.447                                                                        | 3.400.711                                                                                                           |
| 28         | MT7                                  | VN000000MT72         | 3.793.993                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 29         | NSN                                  | VN000000NSN2         | 2.959.314                                          | 49,0000000                                                                            | 1.450.063                                                                              | 9.146                                                                            | 1.440.917                                                                                                           |
| 30         | NSP                                  | VN000000NSP7         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 1.000                                                                            | 2.449.000                                                                                                           |
| 31         | NTS                                  | VN000000NTS9         | 2.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 980.000                                                                                | 0                                                                                | 980.000                                                                                                             |
| 32         | NVC                                  | VN000000NVC9         | 16.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.840.000                                                                              | 30.700                                                                           | 7.809.300                                                                                                           |
| 33         | NVN                                  | VN000000NVN6         | 10.656.800                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 6.910                                                                            | -6.910                                                                                                              |
| 34         | OLC                                  | VN000000OLC8         | 1.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 490.000                                                                                | 0                                                                                | 490.000                                                                                                             |
| 35         | OTG                                  | VN000000OTG2         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.500.000                                                                             | 0                                                                                | 24.500.000                                                                                                          |
| 36         | PXH                                  | VN000000PXH9         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                             | 0                                                                                | 14.700.000                                                                                                          |
| 37         | RIC1                                 | VN000000RIC10        | 41.660.585                                         | 49,0000000                                                                            | 20.413.686                                                                             | 41.660.585                                                                       | -21.246.899                                                                                                         |
| 38         | SME                                  | VN000000SME3         | 22.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 11.025.000                                                                             | 112.850                                                                          | 10.912.150                                                                                                          |
| 39         | SMV                                  | VN000000SMV7         | 16.773.746                                         | 100,0000000                                                                           | 16.773.746                                                                             | 10.128.157                                                                       | 6.645.589                                                                                                           |
| 40         | STJ                                  | VN000000STJ7         | 4.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.058.000                                                                              | 0                                                                                | 2.058.000                                                                                                           |
| 41         | TAS                                  | VN000000TAS6         | 13.900.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.811.000                                                                              | 2.695.990                                                                        | 4.115.010                                                                                                           |
| 42         | TCR1                                 | VN000000TCR17        | 35.059.646                                         | 49,0000000                                                                            | 17.179.226                                                                             | 35.059.552                                                                       | -17.880.326                                                                                                         |
| 43         | THV                                  | VN000000THV5         | 57.749.995                                         | 49,0000000                                                                            | 28.297.497                                                                             | 170.015                                                                          | 28.127.482                                                                                                          |
| 44         | TLC                                  | VN000000TLC7         | 11.080.000                                         | 50,0000000                                                                            | 5.540.000                                                                              | 44.000                                                                           | 5.496.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO          | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 2<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|---------------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                   | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                          | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 45                  | TMD                                  | VN000000TMD3         | 4.513.859                                          | 49,0000000                                                                                 | 2.211.790                                                                              | 0                                                                                | 2.211.790                                                                                                           |
| 46                  | TRI                                  | VN000000TRI1         | 27.548.360                                         | 49,0000000                                                                                 | 13.498.696                                                                             | 12.713.508                                                                       | 785.188                                                                                                             |
| 47                  | TVI                                  | VN000000TVI3         | 31.158.679                                         | 49,0000000                                                                                 | 15.267.752                                                                             | 0                                                                                | 15.267.752                                                                                                          |
| 48                  | V68                                  | VN000000V689         | 33.000.000                                         | 49,0000000                                                                                 | 16.170.000                                                                             | 0                                                                                | 16.170.000                                                                                                          |
| 49                  | VCH                                  | VN000000VCH1         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                                 | 1.960.000                                                                              | 2.800                                                                            | 1.957.200                                                                                                           |
| 50                  | VCV                                  | VN000000VCV2         | 11.007.183                                         | 49,0000000                                                                                 | 5.393.519                                                                              | 191.900                                                                          | 5.201.619                                                                                                           |
| 51                  | VTT                                  | VN000000VTT0         | 10.500.000                                         | 49,0000000                                                                                 | 5.145.000                                                                              | 2.677.500                                                                        | 2.467.500                                                                                                           |
| <b>Tổng (DEPOX)</b> |                                      |                      | 1.550.704.849                                      |                                                                                            | 1.085.864.888                                                                          | 285.652.206                                                                      | 800.212.682                                                                                                         |
| <b>II. GBX</b>      |                                      |                      |                                                    |                                                                                            |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1                   | BVBS14199                            | VNBVBS141995         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 2                   | BVBS15141                            | VNBVBS151416         | 1.367.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.367.000                                                                              | 0                                                                                | 1.367.000                                                                                                           |
| 3                   | BVBS15145                            | VNBVBS151457         | 1.516.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.516.000                                                                              | 0                                                                                | 1.516.000                                                                                                           |
| 4                   | BVBS15146                            | VNBVBS151465         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 5                   | BVBS15147                            | VNBVBS151473         | 960.000                                            | 100,0000000                                                                                | 960.000                                                                                | 0                                                                                | 960.000                                                                                                             |
| 6                   | BVBS15148                            | VNBVBS151481         | 900.000                                            | 100,0000000                                                                                | 900.000                                                                                | 0                                                                                | 900.000                                                                                                             |
| 7                   | BVBS15149                            | VNBVBS151499         | 200.000                                            | 100,0000000                                                                                | 200.000                                                                                | 0                                                                                | 200.000                                                                                                             |
| 8                   | BVBS15155                            | VNBVBS151556         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 9                   | BVBS15160                            | VNBVBS151606         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 10                  | BVBS15173                            | VNBVBS151739         | 1.100.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.100.000                                                                              | 0                                                                                | 1.100.000                                                                                                           |
| 11                  | BVBS15176                            | VNBVBS151762         | 750.000                                            | 100,0000000                                                                                | 750.000                                                                                | 0                                                                                | 750.000                                                                                                             |
| 12                  | BVBS15177                            | VNBVBS151770         | 350.000                                            | 100,0000000                                                                                | 350.000                                                                                | 0                                                                                | 350.000                                                                                                             |
| 13                  | BVBS15178                            | VNBVBS151788         | 200.000                                            | 100,0000000                                                                                | 200.000                                                                                | 0                                                                                | 200.000                                                                                                             |
| 14                  | BVBS16365                            | VNBVBS163650         | 400.000                                            | 100,0000000                                                                                | 400.000                                                                                | 0                                                                                | 400.000                                                                                                             |
| 15                  | BVBS16367                            | VNBVBS163676         | 1.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.500.000                                                                              | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 16                  | BVBS16368                            | VNBVBS163684         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 17                  | BVBS16369                            | VNBVBS163692         | 500.000                                            | 100,0000000                                                                                | 500.000                                                                                | 0                                                                                | 500.000                                                                                                             |
| 18                  | BVBS16370                            | VNBVBS163700         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 19                  | BVBS16373                            | VNBVBS163734         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 20                  | BVBS16394                            | VNBVBS163940         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 21                  | BVBS16395                            | VNBVBS163957         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 22                  | BVBS16403                            | VNBVBS164039         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 23                  | BVBS16405                            | VNBVBS164054         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 24                  | BVBS16406                            | VNBVBS164062         | 2.860.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.860.000                                                                              | 0                                                                                | 2.860.000                                                                                                           |
| 25                  | BVBS16408                            | VNBVBS164088         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 26                  | BVBS16409                            | VNBVBS164096         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 27                  | BVBS16410                            | VNBVBS164104         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 28                  | BVBS16411                            | VNBVBS164112         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 29                  | BVBS17052                            | VNBVBS170523         | 1.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.500.000                                                                              | 500.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 30                  | BVBS17053                            | VNBVBS170531         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 31                  | BVBS17054                            | VNBVBS170549         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 32                  | BVBS17055                            | VNBVBS170556         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 33                  | BVBS17056                            | VNBVBS170564         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 34                  | BVBS17057                            | VNBVBS170572         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 35                  | BVBS17058                            | VNBVBS170580         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 36                  | BVBS17059                            | VNBVBS170598         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 37                  | BVBS17060                            | VNBVBS170606         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 38                  | BVBS17061                            | VNBVBS170614         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 1.000.000                                                                        | 3.000.000                                                                                                           |
| 39                  | BVBS17062                            | VNBVBS170622         | 3.900.000                                          | 100,0000000                                                                                | 3.900.000                                                                              | 1.000.000                                                                        | 2.900.000                                                                                                           |
| 40                  | BVBS17063                            | VNBVBS170630         | 3.400.000                                          | 100,0000000                                                                                | 3.400.000                                                                              | 0                                                                                | 3.400.000                                                                                                           |
| 41                  | BVBS17064                            | VNBVBS170648         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 3.000.000                                                                              | 1.000.000                                                                        | 2.000.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 3                                                                                     | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 42         | BVBS17065                            | VNBVBS170655         | 2.080.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.080.000                                                                              | 0                                                                                | 2.080.000                                                                                                           |
| 43         | BVBS17081                            | VNBVBS170812         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 44         | BVBS17082                            | VNBVBS170820         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 45         | BVBS17083                            | VNBVBS170838         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 46         | BVBS17084                            | VNBVBS170846         | 4.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.200.000                                                                              | 0                                                                                | 4.200.000                                                                                                           |
| 47         | BVBS17085                            | VNBVBS170853         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 48         | BVBS17086                            | VNBVBS170861         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 49         | BVBS17087                            | VNBVBS170879         | 2.800.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.800.000                                                                              | 0                                                                                | 2.800.000                                                                                                           |
| 50         | BVBS17088                            | VNBVBS170887         | 2.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.200.000                                                                              | 0                                                                                | 2.200.000                                                                                                           |
| 51         | BVBS17089                            | VNBVBS170895         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 52         | BVBS17090                            | VNBVBS170903         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 53         | BVBS17091                            | VNBVBS170911         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 54         | BVBS17092                            | VNBVBS170929         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 1.000.000                                                                        | 1.000.000                                                                                                           |
| 55         | BVBS17093                            | VNBVBS170937         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 1.000.000                                                                        | 1.000.000                                                                                                           |
| 56         | BVBS17094                            | VNBVBS170945         | 1.920.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.920.000                                                                              | 0                                                                                | 1.920.000                                                                                                           |
| 57         | BVBS17095                            | VNBVBS170952         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 1.000.000                                                                        | 1.000.000                                                                                                           |
| 58         | BVBS18196                            | VNBVBS181967         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 59         | BVBS18222                            | VNBVBS182221         | 100.000                                            | 100,0000000                                                                           | 100.000                                                                                | 0                                                                                | 100.000                                                                                                             |
| 60         | BVBS18223                            | VNBVBS182239         | 190.000                                            | 100,0000000                                                                           | 190.000                                                                                | 0                                                                                | 190.000                                                                                                             |
| 61         | BVBS18225                            | VNBVBS182254         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 62         | BVBS18226                            | VNBVBS182262         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 63         | BVBS18227                            | VNBVBS182270         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 64         | BVBS18228                            | VNBVBS182288         | 4.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.500.000                                                                              | 0                                                                                | 4.500.000                                                                                                           |
| 65         | BVBS18229                            | VNBVBS182296         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 66         | BVBS18230                            | VNBVBS182304         | 9.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.500.000                                                                              | 0                                                                                | 9.500.000                                                                                                           |
| 67         | BVBS18231                            | VNBVBS182312         | 2.400.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.400.000                                                                              | 0                                                                                | 2.400.000                                                                                                           |
| 68         | BVBS19126                            | VNBVBS191263         | 1.220.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.220.000                                                                              | 0                                                                                | 1.220.000                                                                                                           |
| 69         | BVBS19127                            | VNBVBS191271         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 70         | BVBS19144                            | VNBVBS191446         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 71         | BVBS19145                            | VNBVBS191453         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 72         | BVBS19146                            | VNBVBS191461         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 73         | BVBS19147                            | VNBVBS191479         | 8.798.250                                          | 100,0000000                                                                           | 8.798.250                                                                              | 0                                                                                | 8.798.250                                                                                                           |
| 74         | BVBS20120                            | VNBVBS201203         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 75         | BVBS20121                            | VNBVBS201211         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 76         | BVBS20126                            | VNBVBS201260         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                              | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 77         | BVBS20127                            | VNBVBS201278         | 14.750.000                                         | 100,0000000                                                                           | 14.750.000                                                                             | 0                                                                                | 14.750.000                                                                                                          |
| 78         | BVBS21129                            | VNBVBS211293         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 79         | BVBS21130                            | VNBVBS211301         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 80         | BVBS21131                            | VNBVBS211319         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                             | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 81         | BVBS21132                            | VNBVBS211327         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                             | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 82         | BVBS21133                            | VNBVBS211335         | 14.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 14.000.000                                                                             | 0                                                                                | 14.000.000                                                                                                          |
| 83         | BVBS21144                            | VNBVBS211442         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 84         | BVBS21148                            | VNBVBS211483         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                             | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 85         | BVBS21149                            | VNBVBS211491         | 11.240.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.240.000                                                                             | 0                                                                                | 11.240.000                                                                                                          |
| 86         | BVBS22146                            | VNBVBS221466         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 87         | BVBS22155                            | VNBVBS221557         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 88         | BVBS22246                            | VNBVBS222464         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 89         | BVBS22247                            | VNBVBS222472         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 90         | BVBS22248                            | VNBVBS222480         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 91         | BVBS22249                            | VNBVBS222498         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 4<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                          | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 92         | BVBS22250                            | VNBVBS222506         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 93         | BVBS22275                            | VNBVBS222753         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 94         | BVBS22276                            | VNBVBS222761         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 95         | BVBS23182                            | VNBVBS231820         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 96         | BVBS23183                            | VNBVBS231838         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 97         | BVBS23184                            | VNBVBS231846         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 98         | BVBS23185                            | VNBVBS231853         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 99         | BVBS23186                            | VNBVBS231861         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 100        | BVBS23187                            | VNBVBS231879         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 101        | BVBS23188                            | VNBVBS231887         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 20.000.000                                                                             | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 102        | BVBS23189                            | VNBVBS231895         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 103        | BVBS23234                            | VNBVBS232349         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 104        | BVBS23235                            | VNBVBS232356         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 105        | BVBS23243                            | VNBVBS232430         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 106        | BVBS23244                            | VNBVBS232448         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 107        | BVBS23245                            | VNBVBS232455         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 20.000.000                                                                             | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 108        | BVBS23246                            | VNBVBS232463         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 109        | BVBS23260                            | VNBVBS232604         | 9.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 9.500.000                                                                              | 0                                                                                | 9.500.000                                                                                                           |
| 110        | BVBS23261                            | VNBVBS232612         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 111        | BVBS23270                            | VNBVBS232703         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 112        | BVBS23271                            | VNBVBS232711         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 113        | BVBS23272                            | VNBVBS232729         | 16.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 16.000.000                                                                             | 0                                                                                | 16.000.000                                                                                                          |
| 114        | BVBS23273                            | VNBVBS232737         | 31.010.000                                         | 100,0000000                                                                                | 31.010.000                                                                             | 0                                                                                | 31.010.000                                                                                                          |
| 115        | BVBS25021                            | VNBVBS250218         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 116        | BVBS25022                            | VNBVBS250226         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 117        | BVBS25023                            | VNBVBS250234         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 118        | BVBS25031                            | VNBVBS250317         | 500.000                                            | 100,0000000                                                                                | 500.000                                                                                | 0                                                                                | 500.000                                                                                                             |
| 119        | BVDB15241                            | VNBVDB152411         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 120        | BVDB15242                            | VNBVDB152429         | 290.000                                            | 100,0000000                                                                                | 290.000                                                                                | 290.000                                                                          | 0                                                                                                                   |
| 121        | BVDB15244                            | VNBVDB152445         | 1.250.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.250.000                                                                              | 250.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 122        | BVDB15247                            | VNBVDB152478         | 500.000                                            | 100,0000000                                                                                | 500.000                                                                                | 0                                                                                | 500.000                                                                                                             |
| 123        | BVDB15248                            | VNBVDB152486         | 500.000                                            | 100,0000000                                                                                | 500.000                                                                                | 500.000                                                                          | 0                                                                                                                   |
| 124        | BVDB15251                            | VNBVDB152510         | 200.000                                            | 100,0000000                                                                                | 200.000                                                                                | 0                                                                                | 200.000                                                                                                             |
| 125        | BVDB16205                            | VNBVDB162055         | 1.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.500.000                                                                              | 500.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 126        | BVDB17265                            | VNBVDB172658         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 127        | BVDB17266                            | VNBVDB172666         | 11.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 11.500.000                                                                             | 0                                                                                | 11.500.000                                                                                                          |
| 128        | BVDB17267                            | VNBVDB172674         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.000.000                                                                             | 500.000                                                                          | 14.500.000                                                                                                          |
| 129        | BVDB17268                            | VNBVDB172682         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 25.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 24.000.000                                                                                                          |
| 130        | BVDB17269                            | VNBVDB172690         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 131        | BVDB17270                            | VNBVDB172708         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 20.000.000                                                                             | 830.000                                                                          | 19.170.000                                                                                                          |
| 132        | BVDB17271                            | VNBVDB172716         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 133        | BVDB17315                            | VNBVDB173151         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 134        | BVDB17316                            | VNBVDB173169         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 135        | BVDB17317                            | VNBVDB173177         | 10.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.500.000                                                                             | 0                                                                                | 10.500.000                                                                                                          |
| 136        | BVDB17318                            | VNBVDB173185         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 20.000.000                                                                             | 3.960.000                                                                        | 16.040.000                                                                                                          |
| 137        | BVDB17319                            | VNBVDB173193         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 20.000.000                                                                             | 280.000                                                                          | 19.720.000                                                                                                          |
| 138        | BVDB17320                            | VNBVDB173201         | 25.450.000                                         | 100,0000000                                                                                | 25.450.000                                                                             | 3.860.000                                                                        | 21.590.000                                                                                                          |
| 139        | BVDB18041                            | VNBVDB180412         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 140        | BVDB18042                            | VNBVDB180420         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 141        | BVDB18043                            | VNBVDB180438         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 5<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                          | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 142        | BVDB18061                            | VNBVDB180610         | 14.950.000                                         | 100,0000000                                                                                | 14.950.000                                                                             | 0                                                                                | 14.950.000                                                                                                          |
| 143        | BVDB18063                            | VNBVDB180636         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 144        | BVDB19041                            | VNBVDB190411         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 145        | BVDB19042                            | VNBVDB190429         | 8.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 8.500.000                                                                              | 0                                                                                | 8.500.000                                                                                                           |
| 146        | BVDB19061                            | VNBVDB190619         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 50.000                                                                           | 9.950.000                                                                                                           |
| 147        | BVDB19062                            | VNBVDB190627         | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 30.000.000                                                                             | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 148        | BVDB19063                            | VNBVDB190635         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 149        | BVDB19064                            | VNBVDB190643         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 150        | BVDB19081                            | VNBVDB190817         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 151        | BVDB19082                            | VNBVDB190825         | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 30.000.000                                                                             | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 152        | BVDB19083                            | VNBVDB190833         | 11.470.000                                         | 100,0000000                                                                                | 11.470.000                                                                             | 0                                                                                | 11.470.000                                                                                                          |
| 153        | BVDB19084                            | VNBVDB190841         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 154        | BVDB20084                            | VNBVDB200848         | 50.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 50.000.000                                                                             | 0                                                                                | 50.000.000                                                                                                          |
| 155        | BVDB20085                            | VNBVDB200855         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 156        | BVDB20086                            | VNBVDB200863         | 12.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 12.500.000                                                                             | 0                                                                                | 12.500.000                                                                                                          |
| 157        | BVDB20087                            | VNBVDB200871         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 158        | BVDB20099                            | VNBVDB200996         | 50.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 50.000.000                                                                             | 0                                                                                | 50.000.000                                                                                                          |
| 159        | BVDB20100                            | VNBVDB201002         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 160        | BVDB20101                            | VNBVDB201010         | 26.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 26.000.000                                                                             | 0                                                                                | 26.000.000                                                                                                          |
| 161        | BVDB20102                            | VNBVDB201028         | 15.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.500.000                                                                             | 0                                                                                | 15.500.000                                                                                                          |
| 162        | BVDB20103                            | VNBVDB201036         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 9.000.000                                                                              | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 163        | BVDB21061                            | VNBVDB210615         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 164        | BVDB21063                            | VNBVDB210631         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 165        | BVDB21076                            | VNBVDB210763         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 166        | BVDB21078                            | VNBVDB210789         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 167        | BVDB21091                            | VNBVDB210912         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 168        | BVDB21092                            | VNBVDB210920         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 169        | BVDB21093                            | VNBVDB210938         | 40.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 40.000.000                                                                             | 0                                                                                | 40.000.000                                                                                                          |
| 170        | BVDB21094                            | VNBVDB210946         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 13.000.000                                                                             | 0                                                                                | 13.000.000                                                                                                          |
| 171        | HCMB14181                            | VNHCMB141816         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 12.000.000                                                                             | 1.500.000                                                                        | 10.500.000                                                                                                          |
| 172        | HCMB15312                            | VNHCMB153126         | 5.100.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.100.000                                                                              | 0                                                                                | 5.100.000                                                                                                           |
| 173        | HCMB15313                            | VNHCMB153134         | 1.400.000                                          | 100,0000000                                                                                | 1.400.000                                                                              | 400.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 174        | HCMB16506                            | VNHCMB165062         | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 30.000.000                                                                             | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 175        | HCMB17435                            | VNHCMB174353         | 7.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 7.500.000                                                                              | 0                                                                                | 7.500.000                                                                                                           |
| 176        | HCMB17436                            | VNHCMB174361         | 12.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 12.500.000                                                                             | 300.000                                                                          | 12.200.000                                                                                                          |
| 177        | HCMB18240                            | VNHCMB182406         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 8.000.000                                                                              | 500.000                                                                          | 7.500.000                                                                                                           |
| 178        | HCMB20133                            | VNHCMB201339         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 179        | HCMB20134                            | VNHCMB201347         | 16.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 16.000.000                                                                             | 0                                                                                | 16.000.000                                                                                                          |
| 180        | TB1328154                            | VNTB13281548         | 42.120.000                                         | 100,0000000                                                                                | 42.120.000                                                                             | 573.781                                                                          | 41.546.219                                                                                                          |
| 181        | TD1429094                            | VNTD14290942         | 120.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 120.000.000                                                                            | 8.476.804                                                                        | 111.523.196                                                                                                         |
| 182        | TD1429095                            | VNTD14290959         | 30.080.000                                         | 100,0000000                                                                                | 30.080.000                                                                             | 1.300.000                                                                        | 28.780.000                                                                                                          |
| 183        | TD1530258                            | VNTD15302589         | 90.490.000                                         | 100,0000000                                                                                | 90.490.000                                                                             | 1.110.000                                                                        | 89.380.000                                                                                                          |
| 184        | TD1530287                            | VNTD15302878         | 100.365.964                                        | 100,0000000                                                                                | 100.365.964                                                                            | 5.400.000                                                                        | 94.965.964                                                                                                          |
| 185        | TD1530288                            | VNTD15302886         | 51.308.060                                         | 100,0000000                                                                                | 51.308.060                                                                             | 4.100.000                                                                        | 47.208.060                                                                                                          |
| 186        | TD1530289                            | VNTD15302894         | 43.576.000                                         | 100,0000000                                                                                | 43.576.000                                                                             | 80.000                                                                           | 43.496.000                                                                                                          |
| 187        | TD1530290                            | VNTD15302902         | 33.200.600                                         | 100,0000000                                                                                | 33.200.600                                                                             | 2.900.000                                                                        | 30.300.600                                                                                                          |
| 188        | TD1626457                            | VNTD16264572         | 28.250.000                                         | 100,0000000                                                                                | 28.250.000                                                                             | 2.442.000                                                                        | 25.808.000                                                                                                          |
| 189        | TD1631461                            | VNTD16314617         | 80.459.000                                         | 100,0000000                                                                                | 80.459.000                                                                             | 4.500.000                                                                        | 75.959.000                                                                                                          |
| 190        | TD1631462                            | VNTD16314625         | 62.890.000                                         | 100,0000000                                                                                | 62.890.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 61.890.000                                                                                                          |
| 191        | TD1631463                            | VNTD16314633         | 78.050.000                                         | 100,0000000                                                                                | 78.050.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 77.050.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 192        | TD1631464                            | VNTD16314641         | 54.272.000                                         | 100,0000000                                                                           | 54.272.000                                                                             | 250.000                                                                          | 54.022.000                                                                                                          |
| 193        | TD1631465                            | VNTD16314658         | 41.600.000                                         | 100,0000000                                                                           | 41.600.000                                                                             | 500.000                                                                          | 41.100.000                                                                                                          |
| 194        | TD1636466                            | VNTD16364661         | 12.314.800                                         | 100,0000000                                                                           | 12.314.800                                                                             | 810.000                                                                          | 11.504.800                                                                                                          |
| 195        | TD1636502                            | VNTD16365023         | 20.830.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.830.000                                                                             | 4.370.000                                                                        | 16.460.000                                                                                                          |
| 196        | TD1646468                            | VNTD16464685         | 59.658.956                                         | 100,0000000                                                                           | 59.658.956                                                                             | 14.200.000                                                                       | 45.458.956                                                                                                          |
| 197        | TD1646469                            | VNTD16464693         | 46.370.000                                         | 100,0000000                                                                           | 46.370.000                                                                             | 450.000                                                                          | 45.920.000                                                                                                          |
| 198        | TD1646495                            | VNTD16464958         | 74.906.845                                         | 100,0000000                                                                           | 74.906.845                                                                             | 1.440.000                                                                        | 73.466.845                                                                                                          |
| 199        | TD1646503                            | VNTD16465039         | 73.751.000                                         | 100,0000000                                                                           | 73.751.000                                                                             | 1.086.741                                                                        | 72.664.259                                                                                                          |
| 200        | TD1727396                            | VNTD17273960         | 61.360.000                                         | 100,0000000                                                                           | 61.360.000                                                                             | 5.642.500                                                                        | 55.717.500                                                                                                          |
| 201        | TD1727397                            | VNTD17273978         | 53.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 53.000.000                                                                             | 1.300.000                                                                        | 51.700.000                                                                                                          |
| 202        | TD1727398                            | VNTD17273986         | 53.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 53.500.000                                                                             | 4.080.000                                                                        | 49.420.000                                                                                                          |
| 203        | TD1727399                            | VNTD17273994         | 29.300.000                                         | 100,0000000                                                                           | 29.300.000                                                                             | 2.000.000                                                                        | 27.300.000                                                                                                          |
| 204        | TD1732401                            | VNTD17324011         | 59.533.000                                         | 100,0000000                                                                           | 59.533.000                                                                             | 2.683.000                                                                        | 56.850.000                                                                                                          |
| 205        | TD1732402                            | VNTD17324029         | 52.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 52.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 51.000.000                                                                                                          |
| 206        | TD1732403                            | VNTD17324037         | 58.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 58.000.000                                                                             | 0                                                                                | 58.000.000                                                                                                          |
| 207        | TD1732404                            | VNTD17324045         | 23.900.000                                         | 100,0000000                                                                           | 23.900.000                                                                             | 0                                                                                | 23.900.000                                                                                                          |
| 208        | TD1732405                            | VNTD17324052         | 21.160.000                                         | 100,0000000                                                                           | 21.160.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 20.160.000                                                                                                          |
| 209        | TD1737406                            | VNTD17374065         | 58.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 58.500.000                                                                             | 1.845.000                                                                        | 56.655.000                                                                                                          |
| 210        | TD1737407                            | VNTD17374073         | 51.300.000                                         | 100,0000000                                                                           | 51.300.000                                                                             | 300.000                                                                          | 51.000.000                                                                                                          |
| 211        | TD1737408                            | VNTD17374081         | 55.180.000                                         | 100,0000000                                                                           | 55.180.000                                                                             | 500.000                                                                          | 54.680.000                                                                                                          |
| 212        | TD1737427                            | VNTD17374271         | 24.010.000                                         | 100,0000000                                                                           | 24.010.000                                                                             | 0                                                                                | 24.010.000                                                                                                          |
| 213        | TD1747409                            | VNTD17474097         | 54.501.593                                         | 100,0000000                                                                           | 54.501.593                                                                             | 5.250.000                                                                        | 49.251.593                                                                                                          |
| 214        | TD1747410                            | VNTD17474105         | 56.670.000                                         | 100,0000000                                                                           | 56.670.000                                                                             | 3.040.000                                                                        | 53.630.000                                                                                                          |
| 215        | TD1747411                            | VNTD17474113         | 56.650.000                                         | 100,0000000                                                                           | 56.650.000                                                                             | 2.230.451                                                                        | 54.419.549                                                                                                          |
| 216        | TD1747430                            | VNTD17474303         | 58.792.000                                         | 100,0000000                                                                           | 58.792.000                                                                             | 5.047.000                                                                        | 53.745.000                                                                                                          |
| 217        | TD1747431                            | VNTD17474311         | 30.770.000                                         | 100,0000000                                                                           | 30.770.000                                                                             | 2.180.000                                                                        | 28.590.000                                                                                                          |
| 218        | TD1747432                            | VNTD17474329         | 21.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 21.000.000                                                                             | 630.000                                                                          | 20.370.000                                                                                                          |
| 219        | TD1828112                            | VNTD18281129         | 81.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 81.000.000                                                                             | 9.000.000                                                                        | 72.000.000                                                                                                          |
| 220        | TD1828113                            | VNTD18281137         | 77.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 77.500.000                                                                             | 3.500.000                                                                        | 74.000.000                                                                                                          |
| 221        | TD1828114                            | VNTD18281145         | 72.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 72.000.000                                                                             | 0                                                                                | 72.000.000                                                                                                          |
| 222        | TD1828115                            | VNTD18281152         | 75.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 75.000.000                                                                             | 0                                                                                | 75.000.000                                                                                                          |
| 223        | TD1828116                            | VNTD18281160         | 84.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 84.500.000                                                                             | 0                                                                                | 84.500.000                                                                                                          |
| 224        | TD1828117                            | VNTD18281178         | 80.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 80.000.000                                                                             | 0                                                                                | 80.000.000                                                                                                          |
| 225        | TD1828118                            | VNTD18281186         | 78.950.000                                         | 100,0000000                                                                           | 78.950.000                                                                             | 0                                                                                | 78.950.000                                                                                                          |
| 226        | TD1828119                            | VNTD18281194         | 79.810.000                                         | 100,0000000                                                                           | 79.810.000                                                                             | 2.000.000                                                                        | 77.810.000                                                                                                          |
| 227        | TD1828120                            | VNTD18281202         | 104.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 104.000.000                                                                            | 500.000                                                                          | 103.500.000                                                                                                         |
| 228        | TD1828121                            | VNTD18281210         | 43.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 43.000.000                                                                             | 1.723.376                                                                        | 41.276.624                                                                                                          |
| 229        | TD1833122                            | VNTD18331221         | 83.890.000                                         | 100,0000000                                                                           | 83.890.000                                                                             | 1.180.000                                                                        | 82.710.000                                                                                                          |
| 230        | TD1833123                            | VNTD18331239         | 82.200.000                                         | 100,0000000                                                                           | 82.200.000                                                                             | 0                                                                                | 82.200.000                                                                                                          |
| 231        | TD1833124                            | VNTD18331247         | 86.700.000                                         | 100,0000000                                                                           | 86.700.000                                                                             | 0                                                                                | 86.700.000                                                                                                          |
| 232        | TD1833126                            | VNTD18331262         | 74.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 74.000.000                                                                             | 0                                                                                | 74.000.000                                                                                                          |
| 233        | TD1833127                            | VNTD18331270         | 79.250.000                                         | 100,0000000                                                                           | 79.250.000                                                                             | 0                                                                                | 79.250.000                                                                                                          |
| 234        | TD1833128                            | VNTD18331288         | 58.100.000                                         | 100,0000000                                                                           | 58.100.000                                                                             | 0                                                                                | 58.100.000                                                                                                          |
| 235        | TD1833129                            | VNTD18331296         | 85.400.000                                         | 100,0000000                                                                           | 85.400.000                                                                             | 0                                                                                | 85.400.000                                                                                                          |
| 236        | TD1833130                            | VNTD18331304         | 100.000                                            | 100,0000000                                                                           | 100.000                                                                                | 0                                                                                | 100.000                                                                                                             |
| 237        | TD1838132                            | VNTD18381325         | 75.650.000                                         | 100,0000000                                                                           | 75.650.000                                                                             | 0                                                                                | 75.650.000                                                                                                          |
| 238        | TD1848138                            | VNTD18481380         | 58.230.000                                         | 100,0000000                                                                           | 58.230.000                                                                             | 2.720.000                                                                        | 55.510.000                                                                                                          |
| 239        | TD1848139                            | VNTD18481398         | 7.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.500.000                                                                              | 0                                                                                | 7.500.000                                                                                                           |
| 240        | TD1926171                            | VNTD19261716         | 14.400.000                                         | 100,0000000                                                                           | 14.400.000                                                                             | 500.000                                                                          | 13.900.000                                                                                                          |
| 241        | TD1929175                            | VNTD19291754         | 126.500.000                                        | 100,0000000                                                                           | 126.500.000                                                                            | 5.360.000                                                                        | 121.140.000                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 7<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                          | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 242        | TD1929176                            | VNTD19291762         | 122.200.000                                        | 100,0000000                                                                                | 122.200.000                                                                            | 3.000.000                                                                        | 119.200.000                                                                                                         |
| 243        | TD1929177                            | VNTD19291770         | 132.120.000                                        | 100,0000000                                                                                | 132.120.000                                                                            | 0                                                                                | 132.120.000                                                                                                         |
| 244        | TD1929178                            | VNTD19291788         | 127.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 127.500.000                                                                            | 3.050.000                                                                        | 124.450.000                                                                                                         |
| 245        | TD1929179                            | VNTD19291796         | 134.769.030                                        | 100,0000000                                                                                | 134.769.030                                                                            | 0                                                                                | 134.769.030                                                                                                         |
| 246        | TD1929180                            | VNTD19291804         | 129.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 129.500.000                                                                            | 2.500.000                                                                        | 127.000.000                                                                                                         |
| 247        | TD1929181                            | VNTD19291812         | 43.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 43.500.000                                                                             | 0                                                                                | 43.500.000                                                                                                          |
| 248        | TD1934187                            | VNTD19341872         | 125.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 125.000.000                                                                            | 5.000.000                                                                        | 120.000.000                                                                                                         |
| 249        | TD1934188                            | VNTD19341880         | 123.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 123.000.000                                                                            | 0                                                                                | 123.000.000                                                                                                         |
| 250        | TD1934189                            | VNTD19341898         | 128.050.000                                        | 100,0000000                                                                                | 128.050.000                                                                            | 3.000.000                                                                        | 125.050.000                                                                                                         |
| 251        | TD1934190                            | VNTD19341906         | 124.330.000                                        | 100,0000000                                                                                | 124.330.000                                                                            | 2.090.000                                                                        | 122.240.000                                                                                                         |
| 252        | TD1934191                            | VNTD19341914         | 144.732.368                                        | 100,0000000                                                                                | 144.732.368                                                                            | 2.130.000                                                                        | 142.602.368                                                                                                         |
| 253        | TD1934192                            | VNTD19341922         | 140.950.000                                        | 100,0000000                                                                                | 140.950.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 139.450.000                                                                                                         |
| 254        | TD1934193                            | VNTD19341930         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 255        | TD1939200                            | VNTD19392008         | 101.415.000                                        | 100,0000000                                                                                | 101.415.000                                                                            | 3.250.000                                                                        | 98.165.000                                                                                                          |
| 256        | TD1939201                            | VNTD19392016         | 46.031.424                                         | 100,0000000                                                                                | 46.031.424                                                                             | 330.000                                                                          | 45.701.424                                                                                                          |
| 257        | TD1949205                            | VNTD19492055         | 79.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 79.500.000                                                                             | 4.390.000                                                                        | 75.110.000                                                                                                          |
| 258        | TD1949206                            | VNTD19492063         | 36.240.000                                         | 100,0000000                                                                                | 36.240.000                                                                             | 1.255.490                                                                        | 34.984.510                                                                                                          |
| 259        | TD2027008                            | VNTD20270086         | 14.800.000                                         | 100,0000000                                                                                | 14.800.000                                                                             | 0                                                                                | 14.800.000                                                                                                          |
| 260        | TD2027010                            | VNTD20270102         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 261        | TD2030011                            | VNTD20300115         | 122.290.000                                        | 100,0000000                                                                                | 122.290.000                                                                            | 5.500.000                                                                        | 116.790.000                                                                                                         |
| 262        | TD2030012                            | VNTD20300123         | 127.070.000                                        | 100,0000000                                                                                | 127.070.000                                                                            | 2.000.000                                                                        | 125.070.000                                                                                                         |
| 263        | TD2030013                            | VNTD20300131         | 128.250.000                                        | 100,0000000                                                                                | 128.250.000                                                                            | 500.000                                                                          | 127.750.000                                                                                                         |
| 264        | TD2030014                            | VNTD20300149         | 155.730.000                                        | 100,0000000                                                                                | 155.730.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 154.230.000                                                                                                         |
| 265        | TD2030015                            | VNTD20300156         | 136.155.985                                        | 100,0000000                                                                                | 136.155.985                                                                            | 0                                                                                | 136.155.985                                                                                                         |
| 266        | TD2030016                            | VNTD20300164         | 132.980.000                                        | 100,0000000                                                                                | 132.980.000                                                                            | 0                                                                                | 132.980.000                                                                                                         |
| 267        | TD2030017                            | VNTD20300172         | 165.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 165.000.000                                                                            | 500.000                                                                          | 164.500.000                                                                                                         |
| 268        | TD2030018                            | VNTD20300180         | 180.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 180.000.000                                                                            | 0                                                                                | 180.000.000                                                                                                         |
| 269        | TD2030020                            | VNTD20300206         | 134.510.000                                        | 100,0000000                                                                                | 134.510.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 133.510.000                                                                                                         |
| 270        | TD2030135                            | VNTD20301352         | 75.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 75.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 74.000.000                                                                                                          |
| 271        | TD2035021                            | VNTD20350219         | 131.970.000                                        | 100,0000000                                                                                | 131.970.000                                                                            | 0                                                                                | 131.970.000                                                                                                         |
| 272        | TD2035022                            | VNTD20350227         | 132.450.000                                        | 100,0000000                                                                                | 132.450.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 131.450.000                                                                                                         |
| 273        | TD2035023                            | VNTD20350235         | 131.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 131.000.000                                                                            | 0                                                                                | 131.000.000                                                                                                         |
| 274        | TD2035024                            | VNTD20350243         | 137.070.000                                        | 100,0000000                                                                                | 137.070.000                                                                            | 0                                                                                | 137.070.000                                                                                                         |
| 275        | TD2035025                            | VNTD20350250         | 145.820.000                                        | 100,0000000                                                                                | 145.820.000                                                                            | 0                                                                                | 145.820.000                                                                                                         |
| 276        | TD2035026                            | VNTD20350268         | 147.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 147.000.000                                                                            | 0                                                                                | 147.000.000                                                                                                         |
| 277        | TD2035027                            | VNTD20350276         | 134.420.000                                        | 100,0000000                                                                                | 134.420.000                                                                            | 0                                                                                | 134.420.000                                                                                                         |
| 278        | TD2035028                            | VNTD20350284         | 145.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 145.000.000                                                                            | 0                                                                                | 145.000.000                                                                                                         |
| 279        | TD2035029                            | VNTD20350292         | 120.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 120.000.000                                                                            | 0                                                                                | 120.000.000                                                                                                         |
| 280        | TD2040031                            | VNTD20400311         | 128.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 128.000.000                                                                            | 138.500                                                                          | 127.861.500                                                                                                         |
| 281        | TD2040032                            | VNTD20400329         | 151.150.000                                        | 100,0000000                                                                                | 151.150.000                                                                            | 0                                                                                | 151.150.000                                                                                                         |
| 282        | TD2050035                            | VNTD20500359         | 138.790.000                                        | 100,0000000                                                                                | 138.790.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 137.290.000                                                                                                         |
| 283        | TD2050036                            | VNTD20500367         | 86.375.000                                         | 100,0000000                                                                                | 86.375.000                                                                             | 900.000                                                                          | 85.475.000                                                                                                          |
| 284        | TD2126162                            | VNTD21261621         | 9.200.000                                          | 100,0000000                                                                                | 9.200.000                                                                              | 500.000                                                                          | 8.700.000                                                                                                           |
| 285        | TD2128007                            | VNTD21280076         | 42.310.000                                         | 100,0000000                                                                                | 42.310.000                                                                             | 6                                                                                | 42.309.994                                                                                                          |
| 286        | TD2128008                            | VNTD21280084         | 12.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 12.500.000                                                                             | 0                                                                                | 12.500.000                                                                                                          |
| 287        | TD2131012                            | VNTD21310121         | 149.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 149.000.000                                                                            | 2.059.151                                                                        | 146.940.849                                                                                                         |
| 288        | TD2131013                            | VNTD21310139         | 171.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 171.500.000                                                                            | 0                                                                                | 171.500.000                                                                                                         |
| 289        | TD2131014                            | VNTD21310147         | 174.360.000                                        | 100,0000000                                                                                | 174.360.000                                                                            | 0                                                                                | 174.360.000                                                                                                         |
| 290        | TD2131015                            | VNTD21310154         | 170.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 170.000.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 169.000.000                                                                                                         |
| 291        | TD2131016                            | VNTD21310162         | 191.560.000                                        | 100,0000000                                                                                | 191.560.000                                                                            | 3.000.000                                                                        | 188.560.000                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 8<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                          | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 292        | TD2131017                            | VNTD21310170         | 187.620.000                                        | 100,0000000                                                                                | 187.620.000                                                                            | 3.500.000                                                                        | 184.120.000                                                                                                         |
| 293        | TD2131018                            | VNTD21310188         | 191.050.000                                        | 100,0000000                                                                                | 191.050.000                                                                            | 2.000.000                                                                        | 189.050.000                                                                                                         |
| 294        | TD2131019                            | VNTD21310196         | 103.970.000                                        | 100,0000000                                                                                | 103.970.000                                                                            | 2.000.000                                                                        | 101.970.000                                                                                                         |
| 295        | TD2136025                            | VNTD21360258         | 164.310.000                                        | 100,0000000                                                                                | 164.310.000                                                                            | 500.000                                                                          | 163.810.000                                                                                                         |
| 296        | TD2136026                            | VNTD21360266         | 176.600.000                                        | 100,0000000                                                                                | 176.600.000                                                                            | 0                                                                                | 176.600.000                                                                                                         |
| 297        | TD2136027                            | VNTD21360274         | 170.300.000                                        | 100,0000000                                                                                | 170.300.000                                                                            | 0                                                                                | 170.300.000                                                                                                         |
| 298        | TD2136028                            | VNTD21360282         | 170.030.000                                        | 100,0000000                                                                                | 170.030.000                                                                            | 0                                                                                | 170.030.000                                                                                                         |
| 299        | TD2136029                            | VNTD21360290         | 180.160.000                                        | 100,0000000                                                                                | 180.160.000                                                                            | 0                                                                                | 180.160.000                                                                                                         |
| 300        | TD2136030                            | VNTD21360308         | 175.640.000                                        | 100,0000000                                                                                | 175.640.000                                                                            | 0                                                                                | 175.640.000                                                                                                         |
| 301        | TD2141038                            | VNTD21410384         | 151.280.000                                        | 100,0000000                                                                                | 151.280.000                                                                            | 4.474.000                                                                        | 146.806.000                                                                                                         |
| 302        | TD2141039                            | VNTD21410392         | 87.570.000                                         | 100,0000000                                                                                | 87.570.000                                                                             | 0                                                                                | 87.570.000                                                                                                          |
| 303        | TD2151042                            | VNTD21510423         | 159.250.000                                        | 100,0000000                                                                                | 159.250.000                                                                            | 0                                                                                | 159.250.000                                                                                                         |
| 304        | TD2151043                            | VNTD21510431         | 145.440.000                                        | 100,0000000                                                                                | 145.440.000                                                                            | 600.000                                                                          | 144.840.000                                                                                                         |
| 305        | TD2232105                            | VNTD22321051         | 186.420.000                                        | 100,0000000                                                                                | 186.420.000                                                                            | 2.000.000                                                                        | 184.420.000                                                                                                         |
| 306        | TD2232107                            | VNTD22321077         | 130.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 130.000.000                                                                            | 0                                                                                | 130.000.000                                                                                                         |
| 307        | TD2232109                            | VNTD22321093         | 207.950.000                                        | 100,0000000                                                                                | 207.950.000                                                                            | 0                                                                                | 207.950.000                                                                                                         |
| 308        | TD2232110                            | VNTD22321101         | 100.350.000                                        | 100,0000000                                                                                | 100.350.000                                                                            | 0                                                                                | 100.350.000                                                                                                         |
| 309        | TD2232111                            | VNTD22321119         | 207.400.000                                        | 100,0000000                                                                                | 207.400.000                                                                            | 0                                                                                | 207.400.000                                                                                                         |
| 310        | TD2232112                            | VNTD22321127         | 90.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 90.000.000                                                                             | 0                                                                                | 90.000.000                                                                                                          |
| 311        | TD2232113                            | VNTD22321135         | 181.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 181.000.000                                                                            | 0                                                                                | 181.000.000                                                                                                         |
| 312        | TD2232114                            | VNTD22321143         | 180.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 180.000.000                                                                            | 0                                                                                | 180.000.000                                                                                                         |
| 313        | TD2237020                            | VNTD22370207         | 163.050.000                                        | 100,0000000                                                                                | 163.050.000                                                                            | 0                                                                                | 163.050.000                                                                                                         |
| 314        | TD2237118                            | VNTD22371189         | 149.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 149.500.000                                                                            | 0                                                                                | 149.500.000                                                                                                         |
| 315        | TD2237123                            | VNTD22371239         | 177.400.000                                        | 100,0000000                                                                                | 177.400.000                                                                            | 0                                                                                | 177.400.000                                                                                                         |
| 316        | TD2237125                            | VNTD22371254         | 132.750.000                                        | 100,0000000                                                                                | 132.750.000                                                                            | 0                                                                                | 132.750.000                                                                                                         |
| 317        | TD2237126                            | VNTD22371262         | 132.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 132.500.000                                                                            | 0                                                                                | 132.500.000                                                                                                         |
| 318        | TD2242128                            | VNTD22421281         | 22.650.000                                         | 100,0000000                                                                                | 22.650.000                                                                             | 0                                                                                | 22.650.000                                                                                                          |
| 319        | TD2252132                            | VNTD22521320         | 86.250.000                                         | 100,0000000                                                                                | 86.250.000                                                                             | 0                                                                                | 86.250.000                                                                                                          |
| 320        | TD2328098                            | VNTD23280983         | 196.300.000                                        | 100,0000000                                                                                | 196.300.000                                                                            | 10.720.000                                                                       | 185.580.000                                                                                                         |
| 321        | TD2328099                            | VNTD23280991         | 43.780.000                                         | 100,0000000                                                                                | 43.780.000                                                                             | 8.790.000                                                                        | 34.990.000                                                                                                          |
| 322        | TD2328100                            | VNTD23281007         | 67.350.000                                         | 100,0000000                                                                                | 67.350.000                                                                             | 9.300.000                                                                        | 58.050.000                                                                                                          |
| 323        | TD2328101                            | VNTD23281015         | 11.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 11.500.000                                                                             | 0                                                                                | 11.500.000                                                                                                          |
| 324        | TD2330107                            | VNTD23301078         | 9.500.000                                          | 100,0000000                                                                                | 9.500.000                                                                              | 0                                                                                | 9.500.000                                                                                                           |
| 325        | TD2333116                            | VNTD23331166         | 163.320.000                                        | 100,0000000                                                                                | 163.320.000                                                                            | 172.789                                                                          | 163.147.211                                                                                                         |
| 326        | TD2333117                            | VNTD23331174         | 180.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 180.000.000                                                                            | 500.000                                                                          | 179.500.000                                                                                                         |
| 327        | TD2333118                            | VNTD23331182         | 147.950.000                                        | 100,0000000                                                                                | 147.950.000                                                                            | 0                                                                                | 147.950.000                                                                                                         |
| 328        | TD2333119                            | VNTD23331190         | 214.720.000                                        | 100,0000000                                                                                | 214.720.000                                                                            | 2.000.000                                                                        | 212.720.000                                                                                                         |
| 329        | TD2333120                            | VNTD23331208         | 210.980.000                                        | 100,0000000                                                                                | 210.980.000                                                                            | 2.500.000                                                                        | 208.480.000                                                                                                         |
| 330        | TD2333121                            | VNTD23331216         | 207.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 207.500.000                                                                            | 0                                                                                | 207.500.000                                                                                                         |
| 331        | TD2333122                            | VNTD23331224         | 64.900.000                                         | 100,0000000                                                                                | 64.900.000                                                                             | 4.500.000                                                                        | 60.400.000                                                                                                          |
| 332        | TD2338131                            | VNTD23381310         | 165.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 165.000.000                                                                            | 1.200.000                                                                        | 163.800.000                                                                                                         |
| 333        | TD2338132                            | VNTD23381328         | 221.700.000                                        | 100,0000000                                                                                | 221.700.000                                                                            | 0                                                                                | 221.700.000                                                                                                         |
| 334        | TD2338133                            | VNTD23381336         | 157.830.000                                        | 100,0000000                                                                                | 157.830.000                                                                            | 1.350.000                                                                        | 156.480.000                                                                                                         |
| 335        | TD2338134                            | VNTD23381344         | 208.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 208.500.000                                                                            | 0                                                                                | 208.500.000                                                                                                         |
| 336        | TD2338135                            | VNTD23381351         | 202.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 202.500.000                                                                            | 0                                                                                | 202.500.000                                                                                                         |
| 337        | TD2338136                            | VNTD23381369         | 212.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 212.500.000                                                                            | 0                                                                                | 212.500.000                                                                                                         |
| 338        | TD2338137                            | VNTD23381377         | 153.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 153.500.000                                                                            | 0                                                                                | 153.500.000                                                                                                         |
| 339        | TD2343146                            | VNTD23431461         | 20.490.000                                         | 100,0000000                                                                                | 20.490.000                                                                             | 0                                                                                | 20.490.000                                                                                                          |
| 340        | TD2353151                            | VNTD23531518         | 124.940.000                                        | 100,0000000                                                                                | 124.940.000                                                                            | 0                                                                                | 124.940.000                                                                                                         |
| 341        | TD2429007                            | VNTD24290072         | 167.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 167.500.000                                                                            | 11.000.000                                                                       | 156.500.000                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 9<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                          | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 342        | TD2429008                            | VNTD24290080         | 180.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 180.000.000                                                                            | 0                                                                                | 180.000.000                                                                                                         |
| 343        | TD2429010                            | VNTD24290106         | 39.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 39.000.000                                                                             | 3.000.000                                                                        | 36.000.000                                                                                                          |
| 344        | TD2429012                            | VNTD24290122         | 101.200.000                                        | 100,0000000                                                                                | 101.200.000                                                                            | 750.000                                                                          | 100.450.000                                                                                                         |
| 345        | TD2431013                            | VNTD24310136         | 7.950.000                                          | 100,0000000                                                                                | 7.950.000                                                                              | 0                                                                                | 7.950.000                                                                                                           |
| 346        | TD2434019                            | VNTD24340190         | 193.280.000                                        | 100,0000000                                                                                | 193.280.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 191.780.000                                                                                                         |
| 347        | TD2434020                            | VNTD24340208         | 165.950.000                                        | 100,0000000                                                                                | 165.950.000                                                                            | 0                                                                                | 165.950.000                                                                                                         |
| 348        | TD2434021                            | VNTD24340216         | 189.660.000                                        | 100,0000000                                                                                | 189.660.000                                                                            | 0                                                                                | 189.660.000                                                                                                         |
| 349        | TD2434022                            | VNTD24340224         | 195.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 195.000.000                                                                            | 500.000                                                                          | 194.500.000                                                                                                         |
| 350        | TD2434023                            | VNTD24340232         | 270.420.000                                        | 100,0000000                                                                                | 270.420.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 269.420.000                                                                                                         |
| 351        | TD2434024                            | VNTD24340240         | 235.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 235.000.000                                                                            | 500.000                                                                          | 234.500.000                                                                                                         |
| 352        | TD2434025                            | VNTD24340257         | 231.200.000                                        | 100,0000000                                                                                | 231.200.000                                                                            | 6.500.000                                                                        | 224.700.000                                                                                                         |
| 353        | TD2434026                            | VNTD24340265         | 247.390.000                                        | 100,0000000                                                                                | 247.390.000                                                                            | 0                                                                                | 247.390.000                                                                                                         |
| 354        | TD2434027                            | VNTD24340273         | 248.200.000                                        | 100,0000000                                                                                | 248.200.000                                                                            | 0                                                                                | 248.200.000                                                                                                         |
| 355        | TD2439029                            | VNTD24390294         | 177.160.000                                        | 100,0000000                                                                                | 177.160.000                                                                            | 0                                                                                | 177.160.000                                                                                                         |
| 356        | TD2439030                            | VNTD24390302         | 170.350.000                                        | 100,0000000                                                                                | 170.350.000                                                                            | 0                                                                                | 170.350.000                                                                                                         |
| 357        | TD2439031                            | VNTD24390310         | 176.080.000                                        | 100,0000000                                                                                | 176.080.000                                                                            | 0                                                                                | 176.080.000                                                                                                         |
| 358        | TD2439032                            | VNTD24390328         | 135.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 135.000.000                                                                            | 3.500.000                                                                        | 131.500.000                                                                                                         |
| 359        | TD2444038                            | VNTD24440388         | 44.700.000                                         | 100,0000000                                                                                | 44.700.000                                                                             | 0                                                                                | 44.700.000                                                                                                          |
| 360        | TD2444039                            | VNTD24440396         | 15.600.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.600.000                                                                             | 0                                                                                | 15.600.000                                                                                                          |
| 361        | TD2454043                            | VNTD24540435         | 41.360.000                                         | 100,0000000                                                                                | 41.360.000                                                                             | 0                                                                                | 41.360.000                                                                                                          |
| 362        | TD2454046                            | VNTD24540468         | 71.755.000                                         | 100,0000000                                                                                | 71.755.000                                                                             | 200.000                                                                          | 71.555.000                                                                                                          |
| 363        | TD2530008                            | VNTD25300086         | 42.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 42.000.000                                                                             | 0                                                                                | 42.000.000                                                                                                          |
| 364        | TD2530009                            | VNTD25300094         | 198.000.000                                        | 100,0000000                                                                                | 198.000.000                                                                            | 0                                                                                | 198.000.000                                                                                                         |
| 365        | TD2530010                            | VNTD25300102         | 175.770.000                                        | 100,0000000                                                                                | 175.770.000                                                                            | 11.650.000                                                                       | 164.120.000                                                                                                         |
| 366        | TD2535021                            | VNTD25350214         | 268.160.000                                        | 100,0000000                                                                                | 268.160.000                                                                            | 0                                                                                | 268.160.000                                                                                                         |
| 367        | TD2535022                            | VNTD25350222         | 303.900.000                                        | 100,0000000                                                                                | 303.900.000                                                                            | 0                                                                                | 303.900.000                                                                                                         |
| 368        | TD2535023                            | VNTD25350230         | 298.350.000                                        | 100,0000000                                                                                | 298.350.000                                                                            | 1.900.000                                                                        | 296.450.000                                                                                                         |
| 369        | TD2535024                            | VNTD25350248         | 314.600.000                                        | 100,0000000                                                                                | 314.600.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 313.600.000                                                                                                         |
| 370        | TD2535025                            | VNTD25350255         | 281.295.000                                        | 100,0000000                                                                                | 281.295.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 279.795.000                                                                                                         |
| 371        | TD2535026                            | VNTD25350263         | 307.500.000                                        | 100,0000000                                                                                | 307.500.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 306.500.000                                                                                                         |
| 372        | TD2535027                            | VNTD25350271         | 316.960.200                                        | 100,0000000                                                                                | 316.960.200                                                                            | 0                                                                                | 316.960.200                                                                                                         |
| 373        | TD2535028                            | VNTD25350289         | 416.651.350                                        | 100,0000000                                                                                | 416.651.350                                                                            | 5.900.000                                                                        | 410.751.350                                                                                                         |
| 374        | TD2535029                            | VNTD25350297         | 633.590.000                                        | 100,0000000                                                                                | 633.590.000                                                                            | 0                                                                                | 633.590.000                                                                                                         |
| 375        | TD2540037                            | VNTD25400373         | 122.295.000                                        | 100,0000000                                                                                | 122.295.000                                                                            | 0                                                                                | 122.295.000                                                                                                         |
| 376        | TD2545046                            | VNTD25450469         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 377        | TD2555052                            | VNTD25550524         | 30.926.000                                         | 100,0000000                                                                                | 30.926.000                                                                             | 0                                                                                | 30.926.000                                                                                                          |
| 378        | TD2629001                            | VNTD26290013         | 5.450.000                                          | 100,0000000                                                                                | 5.450.000                                                                              | 2.500.000                                                                        | 2.950.000                                                                                                           |
| 379        | TD2631008                            | VNTD26310084         | 272.550.000                                        | 100,0000000                                                                                | 272.550.000                                                                            | 0                                                                                | 272.550.000                                                                                                         |
| 380        | TD2631010                            | VNTD26310100         | 85.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 85.500.000                                                                             | 0                                                                                | 85.500.000                                                                                                          |
| 381        | TD2636021                            | VNTD26360212         | 589.510.000                                        | 100,0000000                                                                                | 589.510.000                                                                            | 4.000.000                                                                        | 585.510.000                                                                                                         |
| 382        | TD2636022                            | VNTD26360220         | 528.200.000                                        | 100,0000000                                                                                | 528.200.000                                                                            | 3.100.000                                                                        | 525.100.000                                                                                                         |
| 383        | TD2636023                            | VNTD26360238         | 435.050.000                                        | 100,0000000                                                                                | 435.050.000                                                                            | 8.500.000                                                                        | 426.550.000                                                                                                         |
| 384        | TD2636024                            | VNTD26360246         | 60.738.000                                         | 100,0000000                                                                                | 60.738.000                                                                             | 0                                                                                | 60.738.000                                                                                                          |
| 385        | TD2641037                            | VNTD26410371         | 27.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 27.000.000                                                                             | 0                                                                                | 27.000.000                                                                                                          |
| 386        | TD2656067                            | VNTD26560670         | 7.650.000                                          | 100,0000000                                                                                | 7.650.000                                                                              | 0                                                                                | 7.650.000                                                                                                           |
| 387        | TL1535299                            | VNTL15352998         | 19.500.000                                         | 100,0000000                                                                                | 19.500.000                                                                             | 0                                                                                | 19.500.000                                                                                                          |
| 388        | TL1535300                            | VNTL15353004         | 15.600.000                                         | 100,0000000                                                                                | 15.600.000                                                                             | 0                                                                                | 15.600.000                                                                                                          |
| 389        | TL1535301                            | VNTL15353012         | 11.200.000                                         | 100,0000000                                                                                | 11.200.000                                                                             | 0                                                                                | 11.200.000                                                                                                          |
| 390        | TL1535302                            | VNTL15353020         | 16.000.000                                         | 100,0000000                                                                                | 16.000.000                                                                             | 0                                                                                | 16.000.000                                                                                                          |
| 391        | TL1545363                            | VNTL15453630         | 64.727.400                                         | 100,0000000                                                                                | 64.727.400                                                                             | 1.264.600                                                                        | 63.462.800                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 10<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| Tổng (GBX) |                                      |                      | 27.287.447.825                                     |                                                                                             | 27.287.447.825                                                                         | 322.885.189                                                                      | 26.964.562.636                                                                                                      |
| III. HCX   |                                      |                      |                                                    |                                                                                             |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | BAB123032                            | VNBAB1230325         | 596.000                                            | 100,0000000                                                                                 | 596.000                                                                                | 0                                                                                | 596.000                                                                                                             |
| 2          | BAB124016                            | VNBAB1240167         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 5.000.000                                                                              | 5.619                                                                            | 4.994.381                                                                                                           |
| 3          | BAB124025                            | VNBAB1240258         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 4          | BAB124026                            | VNBAB1240266         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 2.756                                                                            | 2.997.244                                                                                                           |
| 5          | BAB125022                            | VNBAB1250224         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 6          | BAB125023                            | VNBAB1250232         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 7          | BAB126029                            | VNBAB1260298         | 9.406.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 9.406.000                                                                              | 0                                                                                | 9.406.000                                                                                                           |
| 8          | BAB126030                            | VNBAB1260306         | 4.945.500                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.945.500                                                                              | 0                                                                                | 4.945.500                                                                                                           |
| 9          | BAF126003                            | VNBAF1260034         | 10.000                                             | 100,0000000                                                                                 | 10.000                                                                                 | 3.615                                                                            | 6.385                                                                                                               |
| 10         | BCG122006                            | VNBCG1220065         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 5.000.000                                                                              | 9.632                                                                            | 4.990.368                                                                                                           |
| 11         | BID122005                            | VNBID1220051         | 1.570.272                                          | 100,0000000                                                                                 | 1.570.272                                                                              | 10.000                                                                           | 1.560.272                                                                                                           |
| 12         | BID123004                            | VNBID1230043         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 13         | BID126007                            | VNBID1260073         | 19.851.508                                         | 100,0000000                                                                                 | 19.851.508                                                                             | 100.900                                                                          | 19.750.608                                                                                                          |
| 14         | BID126008                            | VNBID1260081         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 15         | BID126009                            | VNBID1260099         | 3.160.253                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.160.253                                                                              | 100.000                                                                          | 3.060.253                                                                                                           |
| 16         | BID126022                            | VNBID1260222         | 9.148.938                                          | 100,0000000                                                                                 | 9.148.938                                                                              | 0                                                                                | 9.148.938                                                                                                           |
| 17         | BID126023                            | VNBID1260230         | 4.465.850                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.465.850                                                                              | 0                                                                                | 4.465.850                                                                                                           |
| 18         | BID126024                            | VNBID1260248         | 37.412                                             | 100,0000000                                                                                 | 37.412                                                                                 | 0                                                                                | 37.412                                                                                                              |
| 19         | BVB124020                            | VNBVB1240205         | 14.685.500                                         | 100,0000000                                                                                 | 14.685.500                                                                             | 0                                                                                | 14.685.500                                                                                                          |
| 20         | BVB125003                            | VNBVB1250030         | 12.543.800                                         | 100,0000000                                                                                 | 12.543.800                                                                             | 740                                                                              | 12.543.060                                                                                                          |
| 21         | CH124021                             | VNCH1240213          | 3.000                                              | 100,0000000                                                                                 | 3.000                                                                                  | 0                                                                                | 3.000                                                                                                               |
| 22         | CH424002                             | VNCH4240020          | 654.785                                            | 100,0000000                                                                                 | 654.785                                                                                | 25.077                                                                           | 629.708                                                                                                             |
| 23         | CH425021                             | VNCH4250219          | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 20.000.000                                                                             | 2.283.360                                                                        | 17.716.640                                                                                                          |
| 24         | CH426028                             | VNCH4260283          | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 25.000.000                                                                             | 3.460.380                                                                        | 21.539.620                                                                                                          |
| 25         | CMX123035                            | VNCMX1230355         | 2.104.200                                          | 100,0000000                                                                                 | 2.104.200                                                                              | 2.001.452                                                                        | 102.748                                                                                                             |
| 26         | CTD126006                            | VNCTD1260060         | 14.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 14.000.000                                                                             | 1.233.029                                                                        | 12.766.971                                                                                                          |
| 27         | CTG121031                            | VNCTG1210316         | 34.922.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 34.922.000                                                                             | 1.637.600                                                                        | 33.284.400                                                                                                          |
| 28         | CTG123019                            | VNCTG1230199         | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 30.000.000                                                                             | 1.010.100                                                                        | 28.989.900                                                                                                          |
| 29         | CTG123033                            | VNCTG1230330         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 15.000.000                                                                             | 7.000                                                                            | 14.993.000                                                                                                          |
| 30         | CTG123034                            | VNCTG1230348         | 15.923.700                                         | 100,0000000                                                                                 | 15.923.700                                                                             | 0                                                                                | 15.923.700                                                                                                          |
| 31         | CTG125001                            | VNCTG1250015         | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 30.000.000                                                                             | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 32         | CTG125002                            | VNCTG1250023         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 33         | CTG125013                            | VNCTG1250130         | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 30.000.000                                                                             | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 34         | CTG125014                            | VNCTG1250148         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 35         | CTG126005                            | VNCTG1260055         | 22.214.950                                         | 100,0000000                                                                                 | 22.214.950                                                                             | 1.000                                                                            | 22.213.950                                                                                                          |
| 36         | CVT122009                            | VNCVT1220090         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 37         | DSE125004                            | VNDSE1250044         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 486                                                                              | 2.999.514                                                                                                           |
| 38         | DSE125018                            | VNDSE1250184         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 744.974                                                                          | 9.255.026                                                                                                           |
| 39         | F88126002                            | VNF881260025         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 40         | F88126015                            | VNF881260157         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 41         | HDB124023                            | VNHDB1240234         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 476.550                                                                          | 9.523.450                                                                                                           |
| 42         | HDB125011                            | VNHDB1250118         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 25.000.000                                                                             | 4.000.000                                                                        | 21.000.000                                                                                                          |
| 43         | HDB125012                            | VNHDB1250126         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 25.000.000                                                                             | 500.000                                                                          | 24.500.000                                                                                                          |
| 44         | HDB125024                            | VNHDB1250241         | 324.000                                            | 100,0000000                                                                                 | 324.000                                                                                | 300.000                                                                          | 24.000                                                                                                              |
| 45         | HDB125025                            | VNHDB1250258         | 24.992.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 24.992.000                                                                             | 0                                                                                | 24.992.000                                                                                                          |
| 46         | HDB126016                            | VNHDB1260166         | 22.822.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 22.822.000                                                                             | 3.000.000                                                                        | 19.822.000                                                                                                          |
| 47         | HDB126017                            | VNHDB1260174         | 24.124.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 24.124.000                                                                             | 0                                                                                | 24.124.000                                                                                                          |
| 48         | HDC425001                            | VNHDC4250014         | 4.999.999                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.999.999                                                                              | 495.745                                                                          | 4.504.254                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 11                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 49         | KLB124009                            | VNKL B1240090        | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 10.041                                                                           | 7.989.959                                                                                                           |
| 50         | KLB125015                            | VNKL B1250156        | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 51         | KLB125016                            | VNKL B1250164        | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                              | 9.641                                                                            | 8.990.359                                                                                                           |
| 52         | KLB125031                            | VNKL B1250313        | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 713                                                                              | 9.999.287                                                                                                           |
| 53         | KLB126021                            | VNKL B1260213        | 2.225.324                                          | 100,0000000                                                                           | 2.225.324                                                                              | 0                                                                                | 2.225.324                                                                                                           |
| 54         | LPB121036                            | VNLPB1210365         | 1.731.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.731.000                                                                              | 831.280                                                                          | 899.720                                                                                                             |
| 55         | LPB122011                            | VNLPB1220117         | 931.696                                            | 100,0000000                                                                           | 931.696                                                                                | 0                                                                                | 931.696                                                                                                             |
| 56         | LPB122013                            | VNLPB1220133         | 1.012.300                                          | 100,0000000                                                                           | 1.012.300                                                                              | 0                                                                                | 1.012.300                                                                                                           |
| 57         | LPB123009                            | VNLPB1230090         | 87.030                                             | 100,0000000                                                                           | 87.030                                                                                 | 0                                                                                | 87.030                                                                                                              |
| 58         | LPB123016                            | VNLPB1230165         | 2.370.420                                          | 100,0000000                                                                           | 2.370.420                                                                              | 1.200.000                                                                        | 1.170.420                                                                                                           |
| 59         | LPB125006                            | VNLPB1250064         | 29.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 29.000.000                                                                             | 1.364.969                                                                        | 27.635.031                                                                                                          |
| 60         | LPB125007                            | VNLPB1250072         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 61         | LPB125027                            | VNLPB1250270         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                              | 1.200.000                                                                        | 7.800.000                                                                                                           |
| 62         | LPB125028                            | VNLPB1250288         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 63         | LPB126018                            | VNLPB1260188         | 147.035                                            | 100,0000000                                                                           | 147.035                                                                                | 0                                                                                | 147.035                                                                                                             |
| 64         | LPB126019                            | VNLPB1260196         | 10.017.850                                         | 100,0000000                                                                           | 10.017.850                                                                             | 0                                                                                | 10.017.850                                                                                                          |
| 65         | LPB126020                            | VNLPB1260204         | 1.000                                              | 100,0000000                                                                           | 1.000                                                                                  | 0                                                                                | 1.000                                                                                                               |
| 66         | MML121021                            | VNMML1210211         | 19.999.800                                         | 100,0000000                                                                           | 19.999.800                                                                             | 402.537                                                                          | 19.597.263                                                                                                          |
| 67         | MNB425035                            | VNMNB4250353         | 1.800.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.800.000                                                                              | 1.180                                                                            | 1.798.820                                                                                                           |
| 68         | MSN123008                            | VNMSN1230089         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.000.000                                                                              | 203.784                                                                          | 6.796.216                                                                                                           |
| 69         | MSN123009                            | VNMSN1230097         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 1.724.237                                                                        | 6.275.763                                                                                                           |
| 70         | MSN123010                            | VNMSN1230105         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                             | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 71         | MSN123014                            | VNMSN1230147         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                             | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 72         | NAB125004                            | VNNAB1250047         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 1.244.228                                                                        | 8.755.772                                                                                                           |
| 73         | NAB126025                            | VNNAB1260251         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 74         | NPM123021                            | VNNPM1230218         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 75         | NPM123022                            | VNNPM1230226         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 76         | NPM123023                            | VNNPM1230234         | 5.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.500.000                                                                              | 0                                                                                | 5.500.000                                                                                                           |
| 77         | NPM123024                            | VNNPM1230242         | 4.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.500.000                                                                              | 30.000                                                                           | 4.470.000                                                                                                           |
| 78         | NVL122001                            | VNNVL1220011         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 13.000.000                                                                             | 151                                                                              | 12.999.849                                                                                                          |
| 79         | SBT425026                            | VNSBT4250266         | 4.992.969                                          | 100,0000000                                                                           | 4.992.969                                                                              | 523.312                                                                          | 4.469.657                                                                                                           |
| 80         | SBT426026                            | VNSBT4260265         | 9.971.053                                          | 100,0000000                                                                           | 9.971.053                                                                              | 4.009.251                                                                        | 5.961.802                                                                                                           |
| 81         | SHB125010                            | VNSHB1250108         | 23.506.190                                         | 100,0000000                                                                           | 23.506.190                                                                             | 593.955                                                                          | 22.912.235                                                                                                          |
| 82         | SHB125017                            | VNSHB1250173         | 26.493.810                                         | 100,0000000                                                                           | 26.493.810                                                                             | 2.668.449                                                                        | 23.825.361                                                                                                          |
| 83         | TCX126011                            | VNTCX1260118         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 15.539                                                                           | 9.984.461                                                                                                           |
| 84         | TDP124010                            | VNTDP1240106         | 2.276.200                                          | 100,0000000                                                                           | 2.276.200                                                                              | 1.823.576                                                                        | 452.624                                                                                                             |
| 85         | TMS426010                            | VNTMS4260106         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 1.112.017                                                                        | 2.887.983                                                                                                           |
| 86         | TNG124027                            | VNTNG1240278         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 436.605                                                                          | 3.563.395                                                                                                           |
| 87         | VAB125020                            | VNVAB1250206         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 4.647                                                                            | 2.995.353                                                                                                           |
| 88         | VAB125029                            | VNVAB1250297         | 2.994.070                                          | 100,0000000                                                                           | 2.994.070                                                                              | 0                                                                                | 2.994.070                                                                                                           |
| 89         | VAB125034                            | VNVAB1250347         | 922.235                                            | 100,0000000                                                                           | 922.235                                                                                | 0                                                                                | 922.235                                                                                                             |
| 90         | VBA121033                            | VNVBA1210333         | 1.769.146                                          | 100,0000000                                                                           | 1.769.146                                                                              | 63.816                                                                           | 1.705.330                                                                                                           |
| 91         | VBA123036                            | VNVBA1230364         | 100.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 100.000.000                                                                            | 2.739.597                                                                        | 97.260.403                                                                                                          |
| 92         | VBA124019                            | VNVBA1240199         | 100.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 100.000.000                                                                            | 10.529.610                                                                       | 89.470.390                                                                                                          |
| 93         | VBA125019                            | VNVBA1250198         | 100.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 100.000.000                                                                            | 552.000                                                                          | 99.448.000                                                                                                          |
| 94         | VBB123017                            | VNVBB1230172         | 0                                                  | 100,0000000                                                                           | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 95         | VBB124007                            | VNVBB1240072         | 8.355                                              | 100,0000000                                                                           | 8.355                                                                                  | 0                                                                                | 8.355                                                                                                               |
| 96         | VCK125005                            | VNVCK1250054         | 50.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 50.000.000                                                                             | 194.494                                                                          | 49.805.506                                                                                                          |
| 97         | VHM121025                            | VNVHM1210251         | 20.900.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.900.000                                                                             | 134.866                                                                          | 20.765.134                                                                                                          |
| 98         | VIC123029                            | VNVIC1230290         | 7.364.300                                          | 100,0000000                                                                           | 7.364.300                                                                              | 484.930                                                                          | 6.879.370                                                                                                           |

| STT/<br>NO        | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 12<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|-------------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 99                | VIC124003                            | VNVIC1240034         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 20.000.000                                                                             | 234.303                                                                          | 19.765.697                                                                                                          |
| 100               | VIC124005                            | VNVIC1240059         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 20.000.000                                                                             | 61.058                                                                           | 19.938.942                                                                                                          |
| 101               | VND125032                            | VNVND1250320         | 9.993.900                                          | 100,0000000                                                                                 | 9.993.900                                                                              | 410.000                                                                          | 9.583.900                                                                                                           |
| 102               | VND125033                            | VNVND1250338         | 9.990.150                                          | 100,0000000                                                                                 | 9.990.150                                                                              | 850.971                                                                          | 9.139.179                                                                                                           |
| 103               | VPI124001                            | VNVPI1240010         | 6.500.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.500.000                                                                              | 948.058                                                                          | 5.551.942                                                                                                           |
| <b>Tổng (HCX)</b> |                                      |                      | 1.309.511.500                                      |                                                                                             | 1.309.511.500                                                                          | 58.023.830                                                                       | 1.251.487.670                                                                                                       |
| <b>IV. STO</b>    |                                      |                      |                                                    |                                                                                             |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1                 | AAA                                  | VN000000AAA4         | 393.742.730                                        | 100,0000000                                                                                 | 393.742.730                                                                            | 6.428.389                                                                        | 387.314.341                                                                                                         |
| 2                 | AAM                                  | VN000000AAM9         | 12.346.411                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.049.741                                                                              | 103.236                                                                          | 5.946.505                                                                                                           |
| 3                 | AAN                                  | VN000000AAN7         | 91.649.951                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 4                 | AAT                                  | VN000000AAT4         | 70.819.103                                         | 50,0000000                                                                                  | 35.409.551                                                                             | 212.681                                                                          | 35.196.870                                                                                                          |
| 5                 | ABR                                  | VN000000ABR6         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.800.000                                                                              | 9.686.492                                                                        | 113.508                                                                                                             |
| 6                 | ABS                                  | VN000000ABS4         | 80.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.352                                                                            | -1.352                                                                                                              |
| 7                 | ABT                                  | VN000000ABT2         | 14.387.207                                         | 50,0000000                                                                                  | 7.193.603                                                                              | 271.888                                                                          | 6.921.715                                                                                                           |
| 8                 | ACB                                  | VN000000ACB8         | 5.804.421.957                                      | 30,0000000                                                                                  | 1.741.326.587                                                                          | 1.405.489.668                                                                    | 335.836.919                                                                                                         |
| 9                 | ACC                                  | VN000000ACC6         | 104.999.993                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 7.846.896                                                                        | -7.846.896                                                                                                          |
| 10                | ACG                                  | VN000000ACG7         | 150.787.946                                        | 50,0000000                                                                                  | 75.393.973                                                                             | 58.013.649                                                                       | 17.380.324                                                                                                          |
| 11                | ACL                                  | VN000000ACL7         | 50.159.019                                         | 39,5400000                                                                                  | 19.832.876                                                                             | 1.061.981                                                                        | 18.770.895                                                                                                          |
| 12                | ADG                                  | VN000000ADG5         | 21.380.521                                         | 65,0000000                                                                                  | 13.897.338                                                                             | 5.559.780                                                                        | 8.337.558                                                                                                           |
| 13                | ADP                                  | VN000000ADP6         | 23.039.850                                         | 100,0000000                                                                                 | 23.039.850                                                                             | 229.840                                                                          | 22.810.010                                                                                                          |
| 14                | ADS                                  | VN000000ADS0         | 76.394.727                                         | 50,0000000                                                                                  | 38.197.363                                                                             | 113.607                                                                          | 38.083.756                                                                                                          |
| 15                | AFX                                  | VN000000AFX5         | 35.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 16                | AGG                                  | VN000000AGG8         | 162.528.081                                        | 50,0000000                                                                                  | 81.264.040                                                                             | 1.302.394                                                                        | 79.961.646                                                                                                          |
| 17                | AGR                                  | VN000000AGR5         | 228.311.823                                        | 100,0000000                                                                                 | 228.311.823                                                                            | 638.935                                                                          | 227.672.888                                                                                                         |
| 18                | ANT                                  | VN000000ANT7         | 28.804.349                                         | 49,0000000                                                                                  | 14.114.131                                                                             | 37.690                                                                           | 14.076.441                                                                                                          |
| 19                | ANV                                  | VN000000ANV3         | 266.667.500                                        | 49,0000000                                                                                  | 130.667.075                                                                            | 7.304.980                                                                        | 123.362.095                                                                                                         |
| 20                | APG                                  | VN000000APG9         | 223.621.942                                        | 100,0000000                                                                                 | 223.621.942                                                                            | 63.338.298                                                                       | 160.283.644                                                                                                         |
| 21                | APH                                  | VN000000APH7         | 243.884.268                                        | 100,0000000                                                                                 | 243.884.268                                                                            | 68.033.567                                                                       | 175.850.701                                                                                                         |
| 22                | ASG                                  | VN000000ASG3         | 90.784.669                                         | 30,0000000                                                                                  | 27.235.400                                                                             | 702.872                                                                          | 26.532.528                                                                                                          |
| 23                | ASM                                  | VN000000ASM1         | 407.194.183                                        | 49,0000000                                                                                  | 199.525.149                                                                            | 51.160.519                                                                       | 148.364.630                                                                                                         |
| 24                | ASP                                  | VN000000ASP4         | 37.339.929                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.296.565                                                                             | 18.296.500                                                                       | 65                                                                                                                  |
| 25                | AST                                  | VN000000AST6         | 53.999.929                                         | 49,0000000                                                                                  | 26.459.965                                                                             | 24.983.898                                                                       | 1.476.067                                                                                                           |
| 26                | ATP                                  | VN000000ATP2         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 27                | BAF                                  | VN000000BAF1         | 364.824.906                                        | 50,0000000                                                                                  | 182.412.453                                                                            | 10.164.125                                                                       | 172.248.328                                                                                                         |
| 28                | BCE                                  | VN000000BCE0         | 41.999.846                                         | 50,0000000                                                                                  | 20.999.923                                                                             | 1.156.334                                                                        | 19.843.589                                                                                                          |
| 29                | BCM                                  | VN000000BCM3         | 1.035.000.000                                      | 34,0000000                                                                                  | 351.900.000                                                                            | 7.049.986                                                                        | 344.850.014                                                                                                         |
| 30                | BFC                                  | VN000000BFC7         | 57.167.993                                         | 50,0000000                                                                                  | 28.583.996                                                                             | 153.122                                                                          | 28.430.874                                                                                                          |
| 31                | BHN                                  | VN000000BHN0         | 231.800.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 113.582.000                                                                            | 40.711.601                                                                       | 72.870.399                                                                                                          |
| 32                | BIC                                  | VN000000BIC1         | 202.067.057                                        | 50,0000000                                                                                  | 101.033.528                                                                            | 85.730.112                                                                       | 15.303.416                                                                                                          |
| 33                | BID                                  | VN000000BID9         | 7.280.065.210                                      | 30,0000000                                                                                  | 2.184.019.563                                                                          | 1.274.758.519                                                                    | 909.261.044                                                                                                         |
| 34                | BKG                                  | VN000000BKG8         | 71.609.020                                         | 50,0000000                                                                                  | 35.804.510                                                                             | 132.840                                                                          | 35.671.670                                                                                                          |
| 35                | BMC                                  | VN000000BMC3         | 12.392.630                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 569.606                                                                          | -569.606                                                                                                            |
| 36                | BMI                                  | VN000000BMI0         | 150.547.626                                        | 49,0000000                                                                                  | 73.768.336                                                                             | 38.894.702                                                                       | 34.873.634                                                                                                          |
| 37                | BMP                                  | VN000000BMP5         | 81.860.938                                         | 100,0000000                                                                                 | 81.860.938                                                                             | 67.631.167                                                                       | 14.229.771                                                                                                          |
| 38                | BRC                                  | VN000000BRC2         | 12.374.997                                         | 50,0000000                                                                                  | 6.187.498                                                                              | 204.510                                                                          | 5.982.988                                                                                                           |
| 39                | BSI                                  | VN000000BSI7         | 269.901.549                                        | 100,0000000                                                                                 | 269.901.549                                                                            | 95.769.579                                                                       | 174.131.970                                                                                                         |
| 40                | BSR                                  | VN000000BSR8         | 5.007.299.686                                      | 49,0000000                                                                                  | 2.453.576.846                                                                          | 57.341.222                                                                       | 2.396.235.624                                                                                                       |
| 41                | BTP                                  | VN000000BTP0         | 60.485.600                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.110.948                                                                        | -1.110.948                                                                                                          |
| 42                | BTT                                  | VN000000BTT2         | 13.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 654.143                                                                          | -654.143                                                                                                            |
| 43                | BVB                                  | VN000000BVB6         | 640.820.000                                        | 5,0000000                                                                                   | 32.041.000                                                                             | 398.234                                                                          | 31.642.766                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 13                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 44         | BVH                                  | VN000000BVH3         | 742.322.764                                        | 49,0000000                                                                            | 363.738.154                                                                            | 203.067.310                                                                      | 160.670.844                                                                                                         |
| 45         | BWE                                  | VN000000BWE8         | 219.928.644                                        | 49,0000000                                                                            | 107.765.035                                                                            | 5.082.779                                                                        | 102.682.256                                                                                                         |
| 46         | C32                                  | VN000000C325         | 30.059.290                                         | 50,0000000                                                                            | 15.029.645                                                                             | 101.204                                                                          | 14.928.441                                                                                                          |
| 47         | C47                                  | VN000000C473         | 36.342.269                                         | 49,0000000                                                                            | 17.807.711                                                                             | 24.608                                                                           | 17.783.103                                                                                                          |
| 48         | CACB2511                             | VN0CACB25116         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 13.000.000                                                                             | 0                                                                                | 13.000.000                                                                                                          |
| 49         | CACB2514                             | VN0CACB25140         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 50         | CACB2515                             | VN0CACB25157         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 51         | CACB2516                             | VN0CACB25165         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 52         | CACB2517                             | VN0CACB25173         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 53         | CACB2602                             | VN0CACB26023         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 54         | CACB2603                             | VN0CACB26031         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 55         | CACB2604                             | VN0CACB26049         | 2.800.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.800.000                                                                              | 0                                                                                | 2.800.000                                                                                                           |
| 56         | CACB2606                             | VN0CACB26064         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 57         | CACB2607                             | VN0CACB26072         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 58         | CACB2608                             | VN0CACB26080         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 4.400                                                                            | 1.995.600                                                                                                           |
| 59         | CACB2609                             | VN0CACB26098         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 60         | CACB2610                             | VN0CACB26106         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 61         | CACB2611                             | VN0CACB26114         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 0                                                                                | 18.000.000                                                                                                          |
| 62         | CACB2612                             | VN0CACB26122         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 0                                                                                | 18.000.000                                                                                                          |
| 63         | CACB2613                             | VN0CACB26130         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 0                                                                                | 18.000.000                                                                                                          |
| 64         | CACB2614                             | VN0CACB26148         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 65         | CACB2615                             | VN0CACB26155         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 66         | CACB2616                             | VN0CACB26163         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 67         | CACB2617                             | VN0CACB26171         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 68         | CACB2618                             | VN0CACB26189         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 5.000                                                                            | 1.995.000                                                                                                           |
| 69         | CCC                                  | VN000000CCC2         | 41.054.987                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 70         | CCI                                  | VN000000CCI9         | 23.590.900                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 441.738                                                                          | -441.738                                                                                                            |
| 71         | CCL                                  | VN000000CCL3         | 65.538.283                                         | 50,0000000                                                                            | 32.769.141                                                                             | 1.089.469                                                                        | 31.679.672                                                                                                          |
| 72         | CDC                                  | VN000000CDC0         | 105.545.322                                        | 49,0000000                                                                            | 51.717.207                                                                             | 93.274                                                                           | 51.623.933                                                                                                          |
| 73         | CDGC2601                             | VN0CDGC26018         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 11.300                                                                           | 1.988.700                                                                                                           |
| 74         | CFPT2518                             | VN0CFPT25184         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 478.100                                                                          | 14.521.900                                                                                                          |
| 75         | CFPT2528                             | VN0CFPT25283         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 67.700                                                                           | 9.932.300                                                                                                           |
| 76         | CFPT2529                             | VN0CFPT25291         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 11.300                                                                           | 9.988.700                                                                                                           |
| 77         | CFPT2532                             | VN0CFPT25325         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 78         | CFPT2533                             | VN0CFPT25333         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 79         | CFPT2602                             | VN0CFPT26026         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 80         | CFPT2603                             | VN0CFPT26034         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 81         | CFPT2604                             | VN0CFPT26042         | 3.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.200.000                                                                              | 79.000                                                                           | 3.121.000                                                                                                           |
| 82         | CFPT2606                             | VN0CFPT26067         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 83         | CFPT2608                             | VN0CFPT26083         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.000.000                                                                              | 1.236.200                                                                        | 5.763.800                                                                                                           |
| 84         | CFPT2609                             | VN0CFPT26091         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.000.000                                                                              | 200.000                                                                          | 6.800.000                                                                                                           |
| 85         | CFPT2610                             | VN0CFPT26109         | 19.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 19.000.000                                                                             | 50.000                                                                           | 18.950.000                                                                                                          |
| 86         | CFPT2611                             | VN0CFPT26117         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 87         | CFPT2612                             | VN0CFPT26125         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 52.000                                                                           | 3.948.000                                                                                                           |
| 88         | CFPT2613                             | VN0CFPT26133         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 341.600                                                                          | 2.658.400                                                                                                           |
| 89         | CFPT2614                             | VN0CFPT26141         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 71.400                                                                           | 2.928.600                                                                                                           |
| 90         | CFPT2615                             | VN0CFPT26158         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 364.200                                                                          | 7.635.800                                                                                                           |
| 91         | CFPT2616                             | VN0CFPT26166         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 18.400                                                                           | 2.981.600                                                                                                           |
| 92         | CFPT2617                             | VN0CFPT26174         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 22.700                                                                           | 3.977.300                                                                                                           |
| 93         | CFPT2618                             | VN0CFPT26182         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 14                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 94         | CFPT2619                             | VN0CFPT26190         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 95         | CFPT2620                             | VN0CFPT26208         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 96         | CFPT2621                             | VN0CFPT26216         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 97         | CFPT2622                             | VN0CFPT26224         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 90.000                                                                           | 9.910.000                                                                                                           |
| 98         | CFPT2623                             | VN0CFPT26232         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 99         | CFPT2624                             | VN0CFPT26240         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 100        | CFPT2625                             | VN0CFPT26257         | 2.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.200.000                                                                              | 256.100                                                                          | 1.943.900                                                                                                           |
| 101        | CFPT2626                             | VN0CFPT26265         | 2.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.200.000                                                                              | 2.500                                                                            | 2.197.500                                                                                                           |
| 102        | CHDB2508                             | VN0CHDB25085         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 103        | CHDB2509                             | VN0CHDB25093         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 104        | CHDB2602                             | VN0CHDB26026         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 105        | CHDB2603                             | VN0CHDB26034         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 106        | CHDB2604                             | VN0CHDB26042         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                              | 230.200                                                                          | 2.269.800                                                                                                           |
| 107        | CHDB2605                             | VN0CHDB26059         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 108        | CHDB2606                             | VN0CHDB26067         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 13.600                                                                           | 1.986.400                                                                                                           |
| 109        | CHDB2607                             | VN0CHDB26075         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 100                                                                              | 1.999.900                                                                                                           |
| 110        | CHDB2608                             | VN0CHDB26083         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 111        | CHDB2609                             | VN0CHDB26091         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 112        | CHDB2610                             | VN0CHDB26109         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 113        | CHDB2611                             | VN0CHDB26117         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                              | 500                                                                              | 2.499.500                                                                                                           |
| 114        | CHP                                  | VN0000000CHP3        | 157.658.076                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 55.251                                                                           | -55.251                                                                                                             |
| 115        | CHPG2525                             | VN0CHPG25252         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 116        | CHPG2538                             | VN0CHPG25385         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 117        | CHPG2539                             | VN0CHPG25393         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 118        | CHPG2540                             | VN0CHPG25401         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 119        | CHPG2541                             | VN0CHPG25419         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 120        | CHPG2602                             | VN0CHPG26029         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 121        | CHPG2603                             | VN0CHPG26037         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 122        | CHPG2604                             | VN0CHPG26045         | 19.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 19.000.000                                                                             | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 123        | CHPG2605                             | VN0CHPG26052         | 3.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.200.000                                                                              | 0                                                                                | 3.200.000                                                                                                           |
| 124        | CHPG2606                             | VN0CHPG26060         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                              | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 125        | CHPG2607                             | VN0CHPG26078         | 21.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 21.000.000                                                                             | 0                                                                                | 21.000.000                                                                                                          |
| 126        | CHPG2609                             | VN0CHPG26094         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 127        | CHPG2610                             | VN0CHPG26102         | 1.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.500.000                                                                              | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 128        | CHPG2612                             | VN0CHPG26128         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 700                                                                              | 1.999.300                                                                                                           |
| 129        | CHPG2613                             | VN0CHPG26136         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 130        | CHPG2614                             | VN0CHPG26144         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 430.700                                                                          | 3.569.300                                                                                                           |
| 131        | CHPG2615                             | VN0CHPG26151         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 966.300                                                                          | 3.033.700                                                                                                           |
| 132        | CHPG2616                             | VN0CHPG26169         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 133        | CHPG2617                             | VN0CHPG26177         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 217.000                                                                          | 7.783.000                                                                                                           |
| 134        | CHPG2618                             | VN0CHPG26185         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 74.700                                                                           | 3.925.300                                                                                                           |
| 135        | CHPG2619                             | VN0CHPG26193         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 4.800                                                                            | 3.995.200                                                                                                           |
| 136        | CHPG2620                             | VN0CHPG26201         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 137        | CHPG2621                             | VN0CHPG26219         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 10.300                                                                           | 3.989.700                                                                                                           |
| 138        | CHPG2622                             | VN0CHPG26227         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 139        | CHPG2623                             | VN0CHPG26235         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                             | 10.000                                                                           | 24.990.000                                                                                                          |
| 140        | CHPG2624                             | VN0CHPG26243         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 141        | CHPG2625                             | VN0CHPG26250         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 7.000                                                                            | 17.993.000                                                                                                          |
| 142        | CHPG2626                             | VN0CHPG26268         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 143        | CHPG2627                             | VN0CHPG26276         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 15                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 144        | CHPG2628                             | VN0CHPG26284         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 145        | CHPG2629                             | VN0CHPG26292         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 146        | CHPG2630                             | VN0CHPG26300         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 6.000.000                                                                              | 100                                                                              | 5.999.900                                                                                                           |
| 147        | CHPG2631                             | VN0CHPG26318         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 148        | CHPG2632                             | VN0CHPG26326         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 149        | CIG                                  | VN000000CIG0         | 51.039.947                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 5.713                                                                            | -5.713                                                                                                              |
| 150        | CII                                  | VN000000CII6         | 671.985.291                                        | 40,0000000                                                                            | 268.794.116                                                                            | 25.729.502                                                                       | 243.064.614                                                                                                         |
| 151        | CKG                                  | VN000000CKG6         | 161.807.526                                        | 49,0000000                                                                            | 79.285.687                                                                             | 15.851                                                                           | 79.269.836                                                                                                          |
| 152        | CLC                                  | VN000000CLC3         | 26.207.583                                         | 50,0000000                                                                            | 13.103.791                                                                             | 497.126                                                                          | 12.606.665                                                                                                          |
| 153        | CLL                                  | VN000000CLL4         | 34.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 16.660.000                                                                             | 1.486.399                                                                        | 15.173.601                                                                                                          |
| 154        | CLPB2602                             | VN0CLPB26022         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 155        | CLPB2603                             | VN0CLPB26030         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 275.000                                                                          | 7.725.000                                                                                                           |
| 156        | CLPB2604                             | VN0CLPB26048         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 157        | CLPB2605                             | VN0CLPB26055         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 105.300                                                                          | 2.894.700                                                                                                           |
| 158        | CLPB2606                             | VN0CLPB26063         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 92.000                                                                           | 3.908.000                                                                                                           |
| 159        | CLPB2607                             | VN0CLPB26071         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 160        | CLPB2608                             | VN0CLPB26089         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                              | 46.100                                                                           | 2.453.900                                                                                                           |
| 161        | CLW                                  | VN000000CLW1         | 13.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.370.000                                                                              | 72.070                                                                           | 6.297.930                                                                                                           |
| 162        | CMBB2517                             | VN0CMBB25170         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 163        | CMBB2520                             | VN0CMBB25204         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 164        | CMBB2521                             | VN0CMBB25212         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 165        | CMBB2522                             | VN0CMBB25220         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 166        | CMBB2523                             | VN0CMBB25238         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 167        | CMBB2602                             | VN0CMBB26020         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 168        | CMBB2603                             | VN0CMBB26038         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 169        | CMBB2604                             | VN0CMBB26046         | 19.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 19.000.000                                                                             | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 170        | CMBB2605                             | VN0CMBB26053         | 3.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.200.000                                                                              | 0                                                                                | 3.200.000                                                                                                           |
| 171        | CMBB2606                             | VN0CMBB26061         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                              | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 172        | CMBB2607                             | VN0CMBB26079         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 173        | CMBB2609                             | VN0CMBB26095         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 174        | CMBB2610                             | VN0CMBB26103         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 175        | CMBB2611                             | VN0CMBB26111         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 176        | CMBB2612                             | VN0CMBB26129         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 177        | CMBB2613                             | VN0CMBB26137         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                             | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 178        | CMBB2614                             | VN0CMBB26145         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 0                                                                                | 18.000.000                                                                                                          |
| 179        | CMBB2615                             | VN0CMBB26152         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 180        | CMBB2616                             | VN0CMBB26160         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 181        | CMBB2617                             | VN0CMBB26178         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 182        | CMBB2618                             | VN0CMBB26186         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 183        | CMG                                  | VN000000CMG2         | 232.954.608                                        | 50,0000000                                                                            | 116.477.304                                                                            | 84.912.598                                                                       | 31.564.706                                                                                                          |
| 184        | CMSN2522                             | VN0CMSN25229         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 185        | CMSN2601                             | VN0CMSN26011         | 3.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.200.000                                                                              | 0                                                                                | 3.200.000                                                                                                           |
| 186        | CMSN2603                             | VN0CMSN26037         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 187        | CMSN2605                             | VN0CMSN26052         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 188        | CMSN2608                             | VN0CMSN26086         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 11.300                                                                           | 1.988.700                                                                                                           |
| 189        | CMSN2609                             | VN0CMSN26094         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 190        | CMSN2610                             | VN0CMSN26102         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 28.400                                                                           | 2.971.600                                                                                                           |
| 191        | CMSN2611                             | VN0CMSN26110         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 74.800                                                                           | 7.925.200                                                                                                           |
| 192        | CMSN2612                             | VN0CMSN26128         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 10.000                                                                           | 7.990.000                                                                                                           |
| 193        | CMSN2613                             | VN0CMSN26136         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 4.900                                                                            | 2.995.100                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 16<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 194        | CMSN2614                             | VN0CMSN26144         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 400                                                                              | 2.999.600                                                                                                           |
| 195        | CMSN2615                             | VN0CMSN26151         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 5.400                                                                            | 3.994.600                                                                                                           |
| 196        | CMSN2616                             | VN0CMSN26169         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 197        | CMSN2617                             | VN0CMSN26177         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 198        | CMSN2618                             | VN0CMSN26185         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 199        | CMSN2619                             | VN0CMSN26193         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 200        | CMSN2620                             | VN0CMSN26201         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 201        | CMSN2621                             | VN0CMSN26219         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 3.000                                                                            | 2.997.000                                                                                                           |
| 202        | CMV                                  | VN000000CMV1         | 18.155.868                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 5.103                                                                            | -5.103                                                                                                              |
| 203        | CMWG2524                             | VN0CMWG25241         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 204        | CMWG2525                             | VN0CMWG25258         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 205        | CMWG2526                             | VN0CMWG25266         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 206        | CMWG2527                             | VN0CMWG25274         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 207        | CMWG2602                             | VN0CMWG26025         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 28.500                                                                           | 3.971.500                                                                                                           |
| 208        | CMWG2603                             | VN0CMWG26033         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 209        | CMWG2604                             | VN0CMWG26041         | 19.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 19.000.000                                                                             | 80.100                                                                           | 18.919.900                                                                                                          |
| 210        | CMWG2607                             | VN0CMWG26074         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 211        | CMWG2609                             | VN0CMWG26090         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 13.000.000                                                                             | 0                                                                                | 13.000.000                                                                                                          |
| 212        | CMWG2610                             | VN0CMWG26108         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 213        | CMWG2611                             | VN0CMWG26116         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 214        | CMWG2612                             | VN0CMWG26124         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 8.000.000                                                                              | 1.000                                                                            | 7.999.000                                                                                                           |
| 215        | CMWG2613                             | VN0CMWG26132         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 20.000                                                                           | 9.980.000                                                                                                           |
| 216        | CMWG2614                             | VN0CMWG26140         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 217        | CMWG2615                             | VN0CMWG26157         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 218        | CMWG2616                             | VN0CMWG26165         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 18.000.000                                                                             | 104.000                                                                          | 17.896.000                                                                                                          |
| 219        | CMWG2617                             | VN0CMWG26173         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 220        | CMWG2618                             | VN0CMWG26181         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 55.000                                                                           | 9.945.000                                                                                                           |
| 221        | CMWG2619                             | VN0CMWG26199         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 222        | CMWG2620                             | VN0CMWG26207         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 223        | CMWG2621                             | VN0CMWG26215         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 224        | CMX                                  | VN000000CMX7         | 101.898.990                                        | 50,0000000                                                                                  | 50.949.495                                                                             | 18.751.077                                                                       | 32.198.418                                                                                                          |
| 225        | CNG                                  | VN000000CNG0         | 35.099.625                                         | 49,0000000                                                                                  | 17.198.816                                                                             | 538.920                                                                          | 16.659.896                                                                                                          |
| 226        | COM                                  | VN000000COM6         | 14.120.628                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 23.955                                                                           | -23.955                                                                                                             |
| 227        | CRC                                  | VN000000CRC0         | 106.699.924                                        | 50,0000000                                                                                  | 53.349.962                                                                             | 104.021                                                                          | 53.245.941                                                                                                          |
| 228        | CRE                                  | VN000000CRE6         | 463.678.534                                        | 50,0000000                                                                                  | 231.839.267                                                                            | 17.017.973                                                                       | 214.821.294                                                                                                         |
| 229        | CRV                                  | VN000000CRV0         | 687.399.875                                        | 50,0000000                                                                                  | 343.699.937                                                                            | 2                                                                                | 343.699.935                                                                                                         |
| 230        | CSHB2603                             | VN0CSHB26032         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 231        | CSHB2605                             | VN0CSHB26057         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 2.000.000                                                                              | 1.800                                                                            | 1.998.200                                                                                                           |
| 232        | CSHB2606                             | VN0CSHB26065         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 233        | CSHB2607                             | VN0CSHB26073         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 102.500                                                                          | 2.897.500                                                                                                           |
| 234        | CSHB2608                             | VN0CSHB26081         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 235        | CSHB2609                             | VN0CSHB26099         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 1.900                                                                            | 3.998.100                                                                                                           |
| 236        | CSHB2610                             | VN0CSHB26107         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 2.000                                                                            | 3.998.000                                                                                                           |
| 237        | CSHB2611                             | VN0CSHB26115         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 426.400                                                                          | 3.573.600                                                                                                           |
| 238        | CSHB2612                             | VN0CSHB26123         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.000.000                                                                              | 1.000                                                                            | 3.999.000                                                                                                           |
| 239        | CSHB2613                             | VN0CSHB26131         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 240        | CSHB2614                             | VN0CSHB26149         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 241        | CSHB2615                             | VN0CSHB26156         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 242        | CSHB2616                             | VN0CSHB26164         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 243        | CSHB2617                             | VN0CSHB26172         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 100                                                                              | 2.999.900                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 17                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 244        | CSM                                  | VN000000CSM7         | 103.626.467                                        | 50,0000000                                                                            | 51.813.233                                                                             | 762.151                                                                          | 51.051.082                                                                                                          |
| 245        | CSSB2602                             | VN0CSSB26021         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 100                                                                              | 1.999.900                                                                                                           |
| 246        | CSSB2603                             | VN0CSSB26039         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 247        | CSSB2604                             | VN0CSSB26047         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 248        | CSSB2605                             | VN0CSSB26054         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 249        | CSSB2606                             | VN0CSSB26062         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 78.200                                                                           | 3.921.800                                                                                                           |
| 250        | CSSB2607                             | VN0CSSB26070         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 200                                                                              | 3.999.800                                                                                                           |
| 251        | CSTB2532                             | VN0CSTB25328         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 252        | CSTB2533                             | VN0CSTB25336         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 253        | CSTB2536                             | VN0CSTB25369         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 254        | CSTB2537                             | VN0CSTB25377         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 255        | CSTB2602                             | VN0CSTB26029         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 256        | CSTB2603                             | VN0CSTB26037         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 257        | CSTB2604                             | VN0CSTB26045         | 19.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 19.000.000                                                                             | 355.600                                                                          | 18.644.400                                                                                                          |
| 258        | CSTB2606                             | VN0CSTB26060         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 259        | CSTB2607                             | VN0CSTB26078         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 260        | CSTB2608                             | VN0CSTB26086         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 261        | CSTB2609                             | VN0CSTB26094         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 113.600                                                                          | 1.886.400                                                                                                           |
| 262        | CSTB2610                             | VN0CSTB26102         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 23.000                                                                           | 7.977.000                                                                                                           |
| 263        | CSTB2611                             | VN0CSTB26110         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 3.800                                                                            | 7.996.200                                                                                                           |
| 264        | CSTB2612                             | VN0CSTB26128         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 17.300                                                                           | 3.982.700                                                                                                           |
| 265        | CSTB2613                             | VN0CSTB26136         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 465.300                                                                          | 3.534.700                                                                                                           |
| 266        | CSTB2614                             | VN0CSTB26144         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 54.400                                                                           | 3.945.600                                                                                                           |
| 267        | CSTB2615                             | VN0CSTB26151         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 38.300                                                                           | 3.961.700                                                                                                           |
| 268        | CSTB2616                             | VN0CSTB26169         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 13.000.000                                                                             | 0                                                                                | 13.000.000                                                                                                          |
| 269        | CSTB2617                             | VN0CSTB26177         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 13.000.000                                                                             | 0                                                                                | 13.000.000                                                                                                          |
| 270        | CSTB2618                             | VN0CSTB26185         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 13.000.000                                                                             | 0                                                                                | 13.000.000                                                                                                          |
| 271        | CSTB2619                             | VN0CSTB26193         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 0                                                                                | 18.000.000                                                                                                          |
| 272        | CSTB2620                             | VN0CSTB26201         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 273        | CSTB2621                             | VN0CSTB26219         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 274        | CSTB2622                             | VN0CSTB26227         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 275        | CSTB2623                             | VN0CSTB26235         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 276        | CSTB2624                             | VN0CSTB26243         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 277        | CSTB2625                             | VN0CSTB26250         | 2.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.200.000                                                                              | 0                                                                                | 2.200.000                                                                                                           |
| 278        | CSV                                  | VN000000CSV8         | 110.499.910                                        | 50,0000000                                                                            | 55.249.955                                                                             | 1.112.549                                                                        | 54.137.406                                                                                                          |
| 279        | CTCB2520                             | VN0CTCB25207         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 280        | CTCB2521                             | VN0CTCB25215         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 281        | CTCB2522                             | VN0CTCB25223         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 282        | CTCB2523                             | VN0CTCB25231         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 283        | CTCB2601                             | VN0CTCB26015         | 19.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 19.000.000                                                                             | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 284        | CTCB2603                             | VN0CTCB26031         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                              | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 285        | CTCB2605                             | VN0CTCB26056         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.000.000                                                                              | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 286        | CTCB2606                             | VN0CTCB26064         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 287        | CTCB2607                             | VN0CTCB26072         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 288        | CTCB2608                             | VN0CTCB26080         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 289        | CTCB2609                             | VN0CTCB26098         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 290        | CTCB2610                             | VN0CTCB26106         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 291        | CTCB2611                             | VN0CTCB26114         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 0                                                                                | 18.000.000                                                                                                          |
| 292        | CTCB2612                             | VN0CTCB26122         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 293        | CTCB2613                             | VN0CTCB26130         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 18                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 294        | CTCB2614                             | VN0CTCB26148         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 295        | CTCB2615                             | VN0CTCB26155         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 296        | CTD                                  | VN000000CTD4         | 114.026.467                                        | 49,0000000                                                                            | 55.872.968                                                                             | 53.399.884                                                                       | 2.473.084                                                                                                           |
| 297        | CTF                                  | VN000000CTF9         | 95.653.859                                         | 49,0000000                                                                            | 46.870.390                                                                             | 554.280                                                                          | 46.316.110                                                                                                          |
| 298        | CTG                                  | VN000000CTG7         | 7.766.944.637                                      | 30,0000000                                                                            | 2.330.083.391                                                                          | 1.909.647.643                                                                    | 420.435.748                                                                                                         |
| 299        | CTI                                  | VN000000CTI3         | 62.999.997                                         | 49,0000000                                                                            | 30.869.998                                                                             | 231.000                                                                          | 30.638.998                                                                                                          |
| 300        | CTPB2602                             | VN0CTPB26025         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 6.000.000                                                                              | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 301        | CTPB2604                             | VN0CTPB26041         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 400                                                                              | 1.999.600                                                                                                           |
| 302        | CTPB2605                             | VN0CTPB26058         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 303        | CTPB2606                             | VN0CTPB26066         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 304        | CTPB2607                             | VN0CTPB26074         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 100                                                                              | 2.999.900                                                                                                           |
| 305        | CTPB2608                             | VN0CTPB26082         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 100                                                                              | 1.999.900                                                                                                           |
| 306        | CTPB2609                             | VN0CTPB26090         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 307        | CTPB2610                             | VN0CTPB26108         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 35.000                                                                           | 2.965.000                                                                                                           |
| 308        | CTR                                  | VN000000CTR4         | 128.109.533                                        | 49,0000000                                                                            | 62.773.671                                                                             | 6.084.806                                                                        | 56.688.865                                                                                                          |
| 309        | CTS                                  | VN000000CTS2         | 272.244.939                                        | 49,0000000                                                                            | 133.400.020                                                                            | 1.311.002                                                                        | 132.089.018                                                                                                         |
| 310        | CVHM2523                             | VN0CVHM25233         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 311        | CVHM2524                             | VN0CVHM25241         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 312        | CVHM2602                             | VN0CVHM26025         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 313        | CVHM2603                             | VN0CVHM26033         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 314        | CVHM2604                             | VN0CVHM26041         | 2.800.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.800.000                                                                              | 55.100                                                                           | 2.744.900                                                                                                           |
| 315        | CVHM2607                             | VN0CVHM26074         | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 6.000.000                                                                              | 1.000                                                                            | 5.999.000                                                                                                           |
| 316        | CVHM2608                             | VN0CVHM26082         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 317        | CVHM2609                             | VN0CVHM26090         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 318        | CVHM2610                             | VN0CVHM26108         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 100.000                                                                          | 7.900.000                                                                                                           |
| 319        | CVHM2611                             | VN0CVHM26116         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 320        | CVHM2612                             | VN0CVHM26124         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 321        | CVHM2613                             | VN0CVHM26132         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 322        | CVHM2614                             | VN0CVHM26140         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 48.000                                                                           | 3.952.000                                                                                                           |
| 323        | CVHM2615                             | VN0CVHM26157         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 100.000                                                                          | 4.900.000                                                                                                           |
| 324        | CVIB2513                             | VN0CVIB25135         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 325        | CVIB2601                             | VN0CVIB26018         | 3.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.200.000                                                                              | 0                                                                                | 3.200.000                                                                                                           |
| 326        | CVIB2603                             | VN0CVIB26034         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                              | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 327        | CVIB2604                             | VN0CVIB26042         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 328        | CVIB2605                             | VN0CVIB26059         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 329        | CVIB2606                             | VN0CVIB26067         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 330        | CVIC2515                             | VN0CVIC25158         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 331        | CVIC2516                             | VN0CVIC25166         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 332        | CVIC2601                             | VN0CVIC26016         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 333        | CVIC2602                             | VN0CVIC26024         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 334        | CVIC2603                             | VN0CVIC26032         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 335        | CVIC2604                             | VN0CVIC26040         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 336        | CVIC2605                             | VN0CVIC26057         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 337        | CVIC2606                             | VN0CVIC26065         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 338        | CVIC2607                             | VN0CVIC26073         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 339        | CVJC2601                             | VN0CVJC26014         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 340        | CVJC2602                             | VN0CVJC26022         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 341        | CVJC2603                             | VN0CVJC26030         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 342        | CVJC2604                             | VN0CVJC26048         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 343        | CVNM2523                             | VN0CVNM25231         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 19                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 344        | CVNM2601                             | VN0CVNM26015         | 3.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.200.000                                                                              | 0                                                                                | 3.200.000                                                                                                           |
| 345        | CVNM2603                             | VN0CVNM26031         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 346        | CVNM2604                             | VN0CVNM26049         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 7.000                                                                            | 1.993.000                                                                                                           |
| 347        | CVNM2605                             | VN0CVNM26056         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 348        | CVNM2606                             | VN0CVNM26064         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 349        | CVNM2607                             | VN0CVNM26072         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 400                                                                              | 3.999.600                                                                                                           |
| 350        | CVNM2608                             | VN0CVNM26080         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 351        | CVNM2609                             | VN0CVNM26098         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 352        | CVNM2610                             | VN0CVNM26106         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 353        | CVNM2611                             | VN0CVNM26114         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 354        | CVNM2612                             | VN0CVNM26122         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 355        | CVNM2613                             | VN0CVNM26130         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 356        | CVNM2614                             | VN0CVNM26148         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                              | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 357        | CVNM2615                             | VN0CVNM26155         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 358        | CVNM2616                             | VN0CVNM26163         | 3.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.500.000                                                                              | 0                                                                                | 3.500.000                                                                                                           |
| 359        | CVPB2528                             | VN0CVPB25288         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 360        | CVPB2531                             | VN0CVPB25312         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 361        | CVPB2532                             | VN0CVPB25320         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 362        | CVPB2602                             | VN0CVPB26021         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 363        | CVPB2603                             | VN0CVPB26039         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 364        | CVPB2606                             | VN0CVPB26062         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 365        | CVPB2607                             | VN0CVPB26070         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 500                                                                              | 1.999.500                                                                                                           |
| 366        | CVPB2608                             | VN0CVPB26088         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                             | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 367        | CVPB2609                             | VN0CVPB26096         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 368        | CVPB2610                             | VN0CVPB26104         | 3.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.500.000                                                                              | 29.600                                                                           | 3.470.400                                                                                                           |
| 369        | CVPB2611                             | VN0CVPB26112         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                              | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 370        | CVPB2612                             | VN0CVPB26120         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 100                                                                              | 2.999.900                                                                                                           |
| 371        | CVPB2613                             | VN0CVPB26138         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 29.500                                                                           | 2.970.500                                                                                                           |
| 372        | CVPB2614                             | VN0CVPB26146         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 373        | CVPB2615                             | VN0CVPB26153         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.000.000                                                                             | 0                                                                                | 18.000.000                                                                                                          |
| 374        | CVPB2616                             | VN0CVPB26161         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 375        | CVPB2617                             | VN0CVPB26179         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                             | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 376        | CVPB2618                             | VN0CVPB26187         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                             | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 377        | CVPB2619                             | VN0CVPB26195         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 378        | CVPB2620                             | VN0CVPB26203         | 3.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.500.000                                                                              | 0                                                                                | 3.500.000                                                                                                           |
| 379        | CVPB2621                             | VN0CVPB26211         | 3.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.500.000                                                                              | 200                                                                              | 3.499.800                                                                                                           |
| 380        | CVRE2525                             | VN0CVRE25254         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 381        | CVRE2526                             | VN0CVRE25262         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 382        | CVRE2602                             | VN0CVRE26021         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                              | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 383        | CVRE2603                             | VN0CVRE26039         | 11.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.000.000                                                                             | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 384        | CVRE2604                             | VN0CVRE26047         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 66.800                                                                           | 3.933.200                                                                                                           |
| 385        | CVRE2605                             | VN0CVRE26054         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 184.400                                                                          | 3.815.600                                                                                                           |
| 386        | CVT                                  | VN000000CVT6         | 36.690.887                                         | 50,0000000                                                                            | 18.345.443                                                                             | 125.537                                                                          | 18.219.906                                                                                                          |
| 387        | D2D                                  | VN000000D2D0         | 30.304.758                                         | 50,0000000                                                                            | 15.152.379                                                                             | 946.345                                                                          | 14.206.034                                                                                                          |
| 388        | DAH                                  | VN000000DAH3         | 84.200.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.880                                                                            | -2.880                                                                                                              |
| 389        | DAT                                  | VN000000DAT8         | 69.228.341                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 4.875                                                                            | -4.875                                                                                                              |
| 390        | DBC                                  | VN000000DBC2         | 431.046.499                                        | 49,0000000                                                                            | 211.212.784                                                                            | 6.711.487                                                                        | 204.501.297                                                                                                         |
| 391        | DBD                                  | VN000000DBD0         | 94.529.347                                         | 100,0000000                                                                           | 94.529.347                                                                             | 15.707.924                                                                       | 78.821.423                                                                                                          |
| 392        | DBT                                  | VN000000DBT6         | 21.967.262                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 230.266                                                                          | -230.266                                                                                                            |
| 393        | DC4                                  | VN000000DC49         | 108.058.667                                        | 50,0000000                                                                            | 54.029.333                                                                             | 852.734                                                                          | 53.176.599                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 20<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 394        | DCL                                  | VN000000DCL1         | 73.041.030                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 666.123                                                                          | -666.123                                                                                                            |
| 395        | DCM                                  | VN000000DCM9         | 529.400.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 259.406.000                                                                            | 33.831.499                                                                       | 225.574.501                                                                                                         |
| 396        | DGC                                  | VN000000DGC1         | 379.779.286                                        | 49,0000000                                                                                  | 186.091.850                                                                            | 14.991.883                                                                       | 171.099.967                                                                                                         |
| 397        | DGW                                  | VN000000DGW9         | 221.320.169                                        | 49,0000000                                                                                  | 108.446.882                                                                            | 52.212.997                                                                       | 56.233.885                                                                                                          |
| 398        | DHA                                  | VN000000DHA3         | 15.119.946                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.099.749                                                                        | -2.099.749                                                                                                          |
| 399        | DHC                                  | VN000000DHC9         | 106.249.620                                        | 50,0000000                                                                                  | 53.124.810                                                                             | 36.268.683                                                                       | 16.856.127                                                                                                          |
| 400        | DHG                                  | VN000000DHG0         | 130.746.071                                        | 100,0000000                                                                                 | 130.746.071                                                                            | 70.559.806                                                                       | 60.186.265                                                                                                          |
| 401        | DHM                                  | VN000000DHM8         | 34.535.699                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 39.990                                                                           | -39.990                                                                                                             |
| 402        | DIG                                  | VN000000DIG8         | 796.431.191                                        | 49,0000000                                                                                  | 390.251.283                                                                            | 18.118.714                                                                       | 372.132.569                                                                                                         |
| 403        | DLG                                  | VN000000DLG2         | 299.309.720                                        | 49,0000000                                                                                  | 146.661.762                                                                            | 17.781.612                                                                       | 128.880.150                                                                                                         |
| 404        | DMC                                  | VN000000DMC9         | 34.727.465                                         | 100,0000000                                                                                 | 34.727.465                                                                             | 19.687.033                                                                       | 15.040.432                                                                                                          |
| 405        | DMX                                  | VN000000DMX5         | 1.267.722.000                                      | 49,0000000                                                                                  | 621.183.780                                                                            | 107.468.800                                                                      | 513.714.980                                                                                                         |
| 406        | DPG                                  | VN000000DPG3         | 118.587.096                                        | 49,0000000                                                                                  | 58.107.677                                                                             | 22.465.183                                                                       | 35.642.494                                                                                                          |
| 407        | DPM                                  | VN000000DPM1         | 679.990.761                                        | 50,0000000                                                                                  | 339.995.380                                                                            | 22.892.588                                                                       | 317.102.792                                                                                                         |
| 408        | DPR                                  | VN000000DPR0         | 86.885.932                                         | 50,0000000                                                                                  | 43.442.966                                                                             | 2.168.905                                                                        | 41.274.061                                                                                                          |
| 409        | DQC                                  | VN000000DQC0         | 34.359.416                                         | 49,0000000                                                                                  | 16.836.113                                                                             | 198.065                                                                          | 16.638.048                                                                                                          |
| 410        | DRC                                  | VN000000DRC8         | 154.429.283                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.021.892                                                                        | -2.021.892                                                                                                          |
| 411        | DRH                                  | VN000000DRH7         | 124.353.866                                        | 50,0000000                                                                                  | 62.176.933                                                                             | 2.384.561                                                                        | 59.792.372                                                                                                          |
| 412        | DRL                                  | VN000000DRL9         | 9.500.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 261.230                                                                          | -261.230                                                                                                            |
| 413        | DSC                                  | VN000000DSC6         | 278.471.711                                        | 100,0000000                                                                                 | 278.471.711                                                                            | 68.266                                                                           | 278.403.445                                                                                                         |
| 414        | DSE                                  | VN000000DSE2         | 428.249.806                                        | 100,0000000                                                                                 | 428.249.806                                                                            | 45.540.185                                                                       | 382.709.621                                                                                                         |
| 415        | DSN                                  | VN000000DSN3         | 12.083.009                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.920.674                                                                              | 1.763.286                                                                        | 4.157.388                                                                                                           |
| 416        | DTA                                  | VN000000DTA8         | 19.504.499                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.557.204                                                                              | 30.208                                                                           | 9.526.996                                                                                                           |
| 417        | DTL                                  | VN000000DTL5         | 61.435.604                                         | 49,0000000                                                                                  | 30.103.445                                                                             | 3.995                                                                            | 30.099.450                                                                                                          |
| 418        | DTT                                  | VN000000DTT8         | 8.151.820                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.994.391                                                                              | 18.404                                                                           | 3.975.987                                                                                                           |
| 419        | DVP                                  | VN000000DVP2         | 40.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 19.600.000                                                                             | 4.123.390                                                                        | 15.476.610                                                                                                          |
| 420        | DXG                                  | VN000000DXG7         | 1.269.852.451                                      | 50,0000000                                                                                  | 634.926.225                                                                            | 231.228.310                                                                      | 403.697.915                                                                                                         |
| 421        | DXS                                  | VN000000DXS2         | 579.103.124                                        | 50,0000000                                                                                  | 289.551.562                                                                            | 40.007.928                                                                       | 249.543.634                                                                                                         |
| 422        | DXV                                  | VN000000DXV6         | 9.900.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.851.000                                                                              | 50.750                                                                           | 4.800.250                                                                                                           |
| 423        | E1VFN30                              | VN0E1VFN306          | 172.600.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 172.600.000                                                                            | 123.360.751                                                                      | 49.239.249                                                                                                          |
| 424        | EIB                                  | VN000000EIB7         | 1.868.810.607                                      | 29,9704300                                                                                  | 560.090.574                                                                            | 25.901.689                                                                       | 534.188.885                                                                                                         |
| 425        | ELC                                  | VN000000ELC9         | 110.088.903                                        | 49,0000000                                                                                  | 53.943.562                                                                             | 3.579.568                                                                        | 50.363.994                                                                                                          |
| 426        | EVE                                  | VN000000EVE4         | 41.979.773                                         | 100,0000000                                                                                 | 41.979.773                                                                             | 28.314.726                                                                       | 13.665.047                                                                                                          |
| 427        | EVF                                  | VN000000EVF1         | 760.565.802                                        | 15,0000000                                                                                  | 114.084.870                                                                            | 2.111.721                                                                        | 111.973.149                                                                                                         |
| 428        | EVG                                  | VN000000EVG9         | 226.011.737                                        | 49,0000000                                                                                  | 110.745.751                                                                            | 774.439                                                                          | 109.971.312                                                                                                         |
| 429        | FCM                                  | VN000000FCM4         | 46.226.626                                         | 49,0000000                                                                                  | 22.651.046                                                                             | 1.511.535                                                                        | 21.139.511                                                                                                          |
| 430        | FCN                                  | VN000000FCN2         | 157.439.005                                        | 50,0000000                                                                                  | 78.719.502                                                                             | 48.351.284                                                                       | 30.368.218                                                                                                          |
| 431        | FDC                                  | VN000000FDC3         | 38.629.988                                         | 50,0000000                                                                                  | 19.314.994                                                                             | 6.931                                                                            | 19.308.063                                                                                                          |
| 432        | FIR                                  | VN000000FIR0         | 70.669.620                                         | 50,0000000                                                                                  | 35.334.810                                                                             | 100.871                                                                          | 35.233.939                                                                                                          |
| 433        | FIT                                  | VN000000FIT6         | 339.933.034                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 19.579                                                                           | -19.579                                                                                                             |
| 434        | FMC                                  | VN000000FMC4         | 65.388.889                                         | 50,0000000                                                                                  | 32.694.444                                                                             | 20.196.207                                                                       | 12.498.237                                                                                                          |
| 435        | FPT                                  | VN000000FPT1         | 1.703.507.121                                      | 49,0000000                                                                                  | 834.718.489                                                                            | 471.739.577                                                                      | 362.978.912                                                                                                         |
| 436        | FRT                                  | VN000000FRT7         | 178.815.054                                        | 49,0000000                                                                                  | 87.619.376                                                                             | 58.129.166                                                                       | 29.490.210                                                                                                          |
| 437        | FTS                                  | VN000000FTS5         | 381.145.750                                        | 100,0000000                                                                                 | 381.145.750                                                                            | 93.799.025                                                                       | 287.346.725                                                                                                         |
| 438        | FUCTVGF3                             | VN0FUCTVGF39         | 19.900.800                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.751.392                                                                              | 0                                                                                | 9.751.392                                                                                                           |
| 439        | FUCTVGF4                             | VN0FUCTVGF47         | 20.060.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.829.400                                                                              | 0                                                                                | 9.829.400                                                                                                           |
| 440        | FUCTVGF5                             | VN0FUCTVGF54         | 17.280.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 8.467.200                                                                              | 80.000                                                                           | 8.387.200                                                                                                           |
| 441        | FUCVREIT                             | VN0FUCVREIT6         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.450.000                                                                              | 30.130                                                                           | 2.419.870                                                                                                           |
| 442        | FUEABVND                             | VN0FUEABVND8         | 3.900.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.900.000                                                                              | 800.000                                                                          | 3.100.000                                                                                                           |
| 443        | FUEBFVND                             | VN0FUEBFVND7         | 3.700.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.700.000                                                                              | 0                                                                                | 3.700.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 21<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 444        | FUEDCMID                             | VN0FUEDCMID9         | 23.500.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 23.500.000                                                                             | 20.765.310                                                                       | 2.734.690                                                                                                           |
| 445        | FUEFCV50                             | VN0FUEFCV505         | 4.300.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.300.000                                                                              | 7.325                                                                            | 4.292.675                                                                                                           |
| 446        | FUEIP100                             | VN0FUEIP1007         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 5.000.000                                                                              | 62.300                                                                           | 4.937.700                                                                                                           |
| 447        | FUEKIV30                             | VN0FUEKIV304         | 186.500.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 186.500.000                                                                            | 184.842.246                                                                      | 1.657.754                                                                                                           |
| 448        | FUEKIVFS                             | VN0FUEKIVFS6         | 13.800.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 13.800.000                                                                             | 11.757.100                                                                       | 2.042.900                                                                                                           |
| 449        | FUEKIVND                             | VN0FUEKIVND2         | 5.600.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 5.600.000                                                                              | 5.474.800                                                                        | 125.200                                                                                                             |
| 450        | FUEMAV30                             | VN0FUEMAV307         | 24.700.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 24.700.000                                                                             | 22.655.722                                                                       | 2.044.278                                                                                                           |
| 451        | FUEMAVND                             | VN0FUEMAVND5         | 15.300.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 15.300.000                                                                             | 14.447.094                                                                       | 852.906                                                                                                             |
| 452        | FUEMITEC                             | VN0FUEMITEC3         | 7.300.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 7.300.000                                                                              | 4.502.400                                                                        | 2.797.600                                                                                                           |
| 453        | FUESSV30                             | VN0FUESSV306         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 10.000.000                                                                             | 2.557.043                                                                        | 7.442.957                                                                                                           |
| 454        | FUESSV50                             | VN0FUESSV504         | 4.900.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 4.900.000                                                                              | 1.352.779                                                                        | 3.547.221                                                                                                           |
| 455        | FUESSVFL                             | VN0FUESSVFL3         | 18.300.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 18.300.000                                                                             | 8.846.842                                                                        | 9.453.158                                                                                                           |
| 456        | FUETCC50                             | VN0FUETCC506         | 6.700.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.700.000                                                                              | 190.500                                                                          | 6.509.500                                                                                                           |
| 457        | FUETPVND                             | VN0FUETPVND8         | 5.600.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 5.600.000                                                                              | 0                                                                                | 5.600.000                                                                                                           |
| 458        | FUEVFN50                             | VN0FUEVFN505         | 327.800.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 327.800.000                                                                            | 297.311.427                                                                      | 30.488.573                                                                                                          |
| 459        | FUEVN100                             | VN0FUEVN1002         | 26.900.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 26.900.000                                                                             | 622.620                                                                          | 26.277.380                                                                                                          |
| 460        | FUEVN50G                             | VN0FUEVN50G0         | 9.800.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 9.800.000                                                                              | 7.104.000                                                                        | 2.696.000                                                                                                           |
| 461        | GAS                                  | VN000000GAS3         | 2.412.949.756                                      | 49,0000000                                                                                  | 1.182.345.380                                                                          | 49.083.622                                                                       | 1.133.261.758                                                                                                       |
| 462        | GDT                                  | VN000000GDT5         | 27.391.721                                         | 50,0000000                                                                                  | 13.695.860                                                                             | 1.874.914                                                                        | 11.820.946                                                                                                          |
| 463        | GEE                                  | VN000000GEE5         | 640.499.211                                        | 50,0000000                                                                                  | 320.249.605                                                                            | 6.534.691                                                                        | 313.714.914                                                                                                         |
| 464        | GEG                                  | VN000000GEG0         | 432.716.525                                        | 50,0000000                                                                                  | 216.358.262                                                                            | 194.351.154                                                                      | 22.007.108                                                                                                          |
| 465        | GEL                                  | VN000000GEL0         | 890.000.000                                        | 50,0000000                                                                                  | 445.000.000                                                                            | 28.020.459                                                                       | 416.979.541                                                                                                         |
| 466        | GEX                                  | VN000000GEX5         | 1.308.471.358                                      | 50,0000000                                                                                  | 654.235.679                                                                            | 80.019.411                                                                       | 574.216.268                                                                                                         |
| 467        | GHC                                  | VN000000GHC2         | 47.662.500                                         | 49,0000000                                                                                  | 23.354.625                                                                             | 1.786.826                                                                        | 21.567.799                                                                                                          |
| 468        | GIL                                  | VN000000GIL1         | 101.600.066                                        | 50,0000000                                                                                  | 50.800.033                                                                             | 1.414.131                                                                        | 49.385.902                                                                                                          |
| 469        | GMD                                  | VN000000GMD0         | 426.495.109                                        | 49,0000000                                                                                  | 208.982.603                                                                            | 173.067.193                                                                      | 35.915.410                                                                                                          |
| 470        | GMH                                  | VN000000GMH1         | 16.500.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 8.250.000                                                                              | 139.000                                                                          | 8.111.000                                                                                                           |
| 471        | GSP                                  | VN000000GSP1         | 67.517.050                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 452.625                                                                          | -452.625                                                                                                            |
| 472        | GTA                                  | VN000000GTA1         | 10.400.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.096.000                                                                              | 34.976                                                                           | 5.061.024                                                                                                           |
| 473        | GVR                                  | VN000000GVR1         | 4.000.000.000                                      | 13,0000000                                                                                  | 520.000.000                                                                            | 24.006.780                                                                       | 495.993.220                                                                                                         |
| 474        | HAG                                  | VN000000HAG6         | 1.267.467.947                                      | 49,0000000                                                                                  | 621.059.294                                                                            | 23.346.292                                                                       | 597.713.002                                                                                                         |
| 475        | HAH                                  | VN000000HAH4         | 188.340.401                                        | 30,0000000                                                                                  | 56.502.120                                                                             | 18.040.438                                                                       | 38.461.682                                                                                                          |
| 476        | HAP                                  | VN000000HAP7         | 111.097.772                                        | 49,0000000                                                                                  | 54.437.908                                                                             | 1.469.764                                                                        | 52.968.144                                                                                                          |
| 477        | HAR                                  | VN000000HAR3         | 101.350.100                                        | 49,0000000                                                                                  | 49.661.549                                                                             | 3.040.826                                                                        | 46.620.723                                                                                                          |
| 478        | HAS                                  | VN000000HAS1         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.920.000                                                                              | 1.219.064                                                                        | 2.700.936                                                                                                           |
| 479        | HAX                                  | VN000000HAX1         | 107.439.681                                        | 50,0000000                                                                                  | 53.719.840                                                                             | 7.163.594                                                                        | 46.556.246                                                                                                          |
| 480        | HCD                                  | VN000000HCD9         | 46.197.821                                         | 51,0000000                                                                                  | 23.560.888                                                                             | 29.140                                                                           | 23.531.748                                                                                                          |
| 481        | HCM                                  | VN000000HCM0         | 1.080.797.089                                      | 49,0000000                                                                                  | 529.590.573                                                                            | 369.221.014                                                                      | 160.369.559                                                                                                         |
| 482        | HDB                                  | VN000000HDB1         | 5.005.276.323                                      | 27,0000000                                                                                  | 1.351.424.607                                                                          | 1.076.973.682                                                                    | 274.450.925                                                                                                         |
| 483        | HDC                                  | VN000000HDC9         | 229.712.443                                        | 49,0000000                                                                                  | 112.559.097                                                                            | 2.812.990                                                                        | 109.746.107                                                                                                         |
| 484        | HDG                                  | VN000000HDG0         | 406.957.333                                        | 50,0000000                                                                                  | 203.478.666                                                                            | 65.859.502                                                                       | 137.619.164                                                                                                         |
| 485        | HHP                                  | VN000000HHP2         | 86.554.343                                         | 49,0000000                                                                                  | 42.411.628                                                                             | 6.284.022                                                                        | 36.127.606                                                                                                          |
| 486        | HHS                                  | VN000000HHS6         | 431.985.968                                        | 50,0000000                                                                                  | 215.992.984                                                                            | 1.011.790                                                                        | 214.981.194                                                                                                         |
| 487        | HHV                                  | VN000000HHV0         | 547.166.296                                        | 49,0000000                                                                                  | 268.111.485                                                                            | 57.316.970                                                                       | 210.794.515                                                                                                         |
| 488        | HID                                  | VN000000HID6         | 76.765.032                                         | 49,0000000                                                                                  | 37.614.865                                                                             | 280.920                                                                          | 37.333.945                                                                                                          |
| 489        | HII                                  | VN000000HII5         | 73.663.016                                         | 50,0000000                                                                                  | 36.831.508                                                                             | 196.412                                                                          | 36.635.096                                                                                                          |
| 490        | HMC                                  | VN000000HMC0         | 27.299.999                                         | 49,0000000                                                                                  | 13.376.999                                                                             | 99.687                                                                           | 13.277.312                                                                                                          |
| 491        | HNA                                  | VN000000HNA2         | 235.232.210                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 492        | HPA                                  | VN000000HPA7         | 285.000.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 285.000.000                                                                            | 2.821.153                                                                        | 282.178.847                                                                                                         |
| 493        | HPG                                  | VN000000HPG4         | 8.442.964.520                                      | 49,0000000                                                                                  | 4.137.052.614                                                                          | 1.831.434.521                                                                    | 2.305.618.093                                                                                                       |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 22<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 494        | HPX                                  | VN000000HPX9         | 304.168.581                                        | 49,0000000                                                                                  | 149.042.604                                                                            | 1.149.395                                                                        | 147.893.209                                                                                                         |
| 495        | HQC                                  | VN000000HQC1         | 626.600.000                                        | 50,0000000                                                                                  | 313.300.000                                                                            | 4.530.782                                                                        | 308.769.218                                                                                                         |
| 496        | HRC                                  | VN000000HRC9         | 30.206.622                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 169.947                                                                          | -169.947                                                                                                            |
| 497        | HSG                                  | VN000000HSG8         | 807.262.704                                        | 49,0000000                                                                                  | 395.558.724                                                                            | 25.841.347                                                                       | 369.717.377                                                                                                         |
| 498        | HSL                                  | VN000000HSL8         | 38.567.363                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.898.007                                                                             | 186.055                                                                          | 18.711.952                                                                                                          |
| 499        | HT1                                  | VN000000HT12         | 381.589.911                                        | 49,0000000                                                                                  | 186.979.056                                                                            | 8.195.631                                                                        | 178.783.425                                                                                                         |
| 500        | HTG                                  | VN000000HTG6         | 36.002.708                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 7.063                                                                            | -7.063                                                                                                              |
| 501        | HTI                                  | VN000000HTI2         | 24.949.200                                         | 50,0000000                                                                                  | 12.474.600                                                                             | 1.884.743                                                                        | 10.589.857                                                                                                          |
| 502        | HTL                                  | VN000000HTL6         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.880.000                                                                              | 3.654.814                                                                        | 2.225.186                                                                                                           |
| 503        | HTN                                  | VN000000HTN2         | 89.116.411                                         | 49,0000000                                                                                  | 43.667.041                                                                             | 493.115                                                                          | 43.173.926                                                                                                          |
| 504        | HTV                                  | VN000000HTV5         | 13.104.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 762.263                                                                          | -762.263                                                                                                            |
| 505        | HU1                                  | VN000000HU19         | 25.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 12.500.000                                                                             | 1.901                                                                            | 12.498.099                                                                                                          |
| 506        | HUB                                  | VN000000HUB5         | 30.242.878                                         | 50,0000000                                                                                  | 15.121.439                                                                             | 7.955                                                                            | 15.113.484                                                                                                          |
| 507        | HVH                                  | VN000000HVH0         | 69.837.754                                         | 49,0000000                                                                                  | 34.220.499                                                                             | 72.947                                                                           | 34.147.552                                                                                                          |
| 508        | HVN                                  | VN000000HVN8         | 3.111.498.211                                      | 30,0000000                                                                                  | 933.449.463                                                                            | 265.298.315                                                                      | 668.151.148                                                                                                         |
| 509        | ICT                                  | VN000000ICT3         | 32.185.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 58.883                                                                           | -58.883                                                                                                             |
| 510        | IDI                                  | VN000000IDI4         | 273.172.668                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.221.952                                                                        | -1.221.952                                                                                                          |
| 511        | IJC                                  | VN000000IJC4         | 629.580.640                                        | 49,0000000                                                                                  | 308.494.513                                                                            | 26.216.173                                                                       | 282.278.340                                                                                                         |
| 512        | ILB                                  | VN000000ILB2         | 38.199.492                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.717.751                                                                             | 4.906.241                                                                        | 13.811.510                                                                                                          |
| 513        | IMP                                  | VN000000IMP0         | 154.042.762                                        | 77,9600000                                                                                  | 120.091.737                                                                            | 111.940.544                                                                      | 8.151.193                                                                                                           |
| 514        | ITC                                  | VN000000ITC3         | 96.375.409                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 253.597                                                                          | -253.597                                                                                                            |
| 515        | ITD                                  | VN000000ITD1         | 26.244.995                                         | 49,0000000                                                                                  | 12.860.047                                                                             | 1.095.869                                                                        | 11.764.178                                                                                                          |
| 516        | JVC                                  | VN000000JVC7         | 112.500.171                                        | 50,0000000                                                                                  | 56.250.085                                                                             | 812.346                                                                          | 55.437.739                                                                                                          |
| 517        | KBC                                  | VN000000KBC7         | 941.754.759                                        | 49,0000000                                                                                  | 461.459.831                                                                            | 68.918.284                                                                       | 392.541.547                                                                                                         |
| 518        | KDC                                  | VN000000KDC3         | 289.806.316                                        | 50,0000000                                                                                  | 144.903.158                                                                            | 39.520.737                                                                       | 105.382.421                                                                                                         |
| 519        | KDH                                  | VN000000KDH2         | 1.122.214.899                                      | 50,0000000                                                                                  | 561.107.449                                                                            | 275.222.910                                                                      | 285.884.539                                                                                                         |
| 520        | KHG                                  | VN000000KHG5         | 449.435.205                                        | 49,0000000                                                                                  | 220.223.250                                                                            | 1.042.281                                                                        | 219.180.969                                                                                                         |
| 521        | KHP                                  | VN000000KHP6         | 60.405.967                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 720.254                                                                          | -720.254                                                                                                            |
| 522        | KLB                                  | VN000000KLB8         | 752.788.337                                        | 30,0000000                                                                                  | 225.836.501                                                                            | 14.080.095                                                                       | 211.756.406                                                                                                         |
| 523        | KMR                                  | VN000000KMR2         | 56.881.443                                         | 100,0000000                                                                                 | 56.881.443                                                                             | 36.870.650                                                                       | 20.010.793                                                                                                          |
| 524        | KOS                                  | VN000000KOS6         | 216.481.335                                        | 49,0000000                                                                                  | 106.075.854                                                                            | 194.660                                                                          | 105.881.194                                                                                                         |
| 525        | KSB                                  | VN000000KSB3         | 114.779.103                                        | 49,0000000                                                                                  | 56.241.760                                                                             | 1.237.479                                                                        | 55.004.281                                                                                                          |
| 526        | L10                                  | VN000000L102         | 9.890.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.846.100                                                                              | 96.243                                                                           | 4.749.857                                                                                                           |
| 527        | LAF                                  | VN000000LAF0         | 15.228.019                                         | 50,0000000                                                                                  | 7.614.009                                                                              | 272.175                                                                          | 7.341.834                                                                                                           |
| 528        | LBM                                  | VN000000LBM4         | 50.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 25.000.000                                                                             | 5.887.371                                                                        | 19.112.629                                                                                                          |
| 529        | LCG                                  | VN000000LCG4         | 208.602.467                                        | 50,0000000                                                                                  | 104.301.233                                                                            | 3.970.957                                                                        | 100.330.276                                                                                                         |
| 530        | LDG                                  | VN000000LDG2         | 256.972.585                                        | 50,0000000                                                                                  | 128.486.292                                                                            | 744.667                                                                          | 127.741.625                                                                                                         |
| 531        | LGC                                  | VN000000LGC4         | 212.130.308                                        | 49,0000000                                                                                  | 103.943.850                                                                            | 95.404.417                                                                       | 8.539.433                                                                                                           |
| 532        | LGL                                  | VN000000LGL5         | 51.500.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 25.750.000                                                                             | 222.017                                                                          | 25.527.983                                                                                                          |
| 533        | LHG                                  | VN000000LHG3         | 50.012.010                                         | 49,0000000                                                                                  | 24.505.884                                                                             | 3.625.656                                                                        | 20.880.228                                                                                                          |
| 534        | LIX                                  | VN000000LIX6         | 64.800.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 32.400.000                                                                             | 1.606.542                                                                        | 30.793.458                                                                                                          |
| 535        | LM8                                  | VN000000LM88         | 9.388.682                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 42.086                                                                           | -42.086                                                                                                             |
| 536        | LPB                                  | VN000000LPB7         | 2.987.282.100                                      | 5,0000000                                                                                   | 149.364.105                                                                            | 39.496.352                                                                       | 109.867.753                                                                                                         |
| 537        | LPS                                  | VN000000LPS1         | 1.408.668.000                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.408.668.000                                                                          | 0                                                                                | 1.408.668.000                                                                                                       |
| 538        | LSS                                  | VN000000LSS5         | 90.026.592                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 518.701                                                                          | -518.701                                                                                                            |
| 539        | MBB                                  | VN000000MBB5         | 8.054.999.909                                      | 23,2351000                                                                                  | 1.871.587.283                                                                          | 1.782.637.894                                                                    | 88.949.389                                                                                                          |
| 540        | MCH                                  | VN000000MCH0         | 1.307.404.949                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.307.404.949                                                                          | 203.392.818                                                                      | 1.104.012.131                                                                                                       |
| 541        | MCM                                  | VN000000MCM0         | 110.000.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 110.000.000                                                                            | 31.220                                                                           | 109.968.780                                                                                                         |
| 542        | MCP                                  | VN000000MCP3         | 19.886.871                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 27.870                                                                           | -27.870                                                                                                             |
| 543        | MDG                                  | VN000000MDG0         | 10.889.031                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 5.700                                                                            | -5.700                                                                                                              |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 23<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 544        | MHC                                  | VN000000MHC0         | 43.476.318                                         | 49,0000000                                                                                  | 21.303.395                                                                             | 366.159                                                                          | 20.937.236                                                                                                          |
| 545        | MIG                                  | VN000000MIG9         | 211.503.463                                        | 100,0000000                                                                                 | 211.503.463                                                                            | 36.189.744                                                                       | 175.313.719                                                                                                         |
| 546        | MIRHCM261                            | VNMIRHCM2618         | 1.079.956.671                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.079.956.671                                                                          | 369.620.777                                                                      | 710.335.894                                                                                                         |
| 547        | MIRHDC251                            | VNMIRHDC2510         | 178.354.966                                        | 100,0000000                                                                                 | 178.354.966                                                                            | 7.485.713                                                                        | 170.869.253                                                                                                         |
| 548        | MIRSBT251                            | VNMIRSBT2510         | 814.545.038                                        | 100,0000000                                                                                 | 814.545.038                                                                            | 179.270.240                                                                      | 635.274.798                                                                                                         |
| 549        | MIRSBT261                            | VNMIRSBT2619         | 855.112.589                                        | 100,0000000                                                                                 | 855.112.589                                                                            | 173.160.970                                                                      | 681.951.619                                                                                                         |
| 550        | MIRTDM261                            | VNMIRTDM2613         | 111.100.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 111.100.000                                                                            | 700.757                                                                          | 110.399.243                                                                                                         |
| 551        | MIRTMS261                            | VNMIRTMS2616         | 169.336.335                                        | 100,0000000                                                                                 | 169.336.335                                                                            | 47.514.636                                                                       | 121.821.699                                                                                                         |
| 552        | MIRVVS261                            | VNMIRVVS2611         | 21.525.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 21.525.000                                                                             | 540.167                                                                          | 20.984.833                                                                                                          |
| 553        | MSB                                  | VN000000MSB9         | 3.120.000.000                                      | 30,0000000                                                                                  | 936.000.000                                                                            | 233.931.244                                                                      | 702.068.756                                                                                                         |
| 554        | MSH                                  | VN000000MSH6         | 112.521.020                                        | 50,0000000                                                                                  | 56.260.510                                                                             | 6.709.802                                                                        | 49.550.708                                                                                                          |
| 555        | MSN                                  | VN000000MSN4         | 1.534.951.081                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.534.951.081                                                                          | 371.976.215                                                                      | 1.162.974.866                                                                                                       |
| 556        | MWG                                  | VN000000MWG0         | 1.477.035.294                                      | 49,0000000                                                                                  | 723.747.294                                                                            | 723.738.024                                                                      | 9.270                                                                                                               |
| 557        | MZG                                  | VN000000MZG3         | 116.506.574                                        | 50,0000000                                                                                  | 58.253.287                                                                             | 1.921.701                                                                        | 56.331.586                                                                                                          |
| 558        | NAB                                  | VN000000NAB5         | 2.158.822.282                                      | 30,0000000                                                                                  | 647.646.684                                                                            | 23.275.259                                                                       | 624.371.425                                                                                                         |
| 559        | NAF                                  | VN000000NAF6         | 61.182.054                                         | 100,0000000                                                                                 | 61.182.054                                                                             | 5.406.510                                                                        | 55.775.544                                                                                                          |
| 560        | NAV                                  | VN000000NAV3         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.920.000                                                                              | 59.341                                                                           | 3.860.659                                                                                                           |
| 561        | NBB                                  | VN000000NBB3         | 100.475.656                                        | 50,0000000                                                                                  | 50.237.828                                                                             | 399.224                                                                          | 49.838.604                                                                                                          |
| 562        | NCT                                  | VN000000NCT3         | 26.166.940                                         | 30,0000000                                                                                  | 7.850.082                                                                              | 3.086.772                                                                        | 4.763.310                                                                                                           |
| 563        | NHA                                  | VN000000NHA2         | 64.788.945                                         | 49,0000000                                                                                  | 31.746.583                                                                             | 191.817                                                                          | 31.554.766                                                                                                          |
| 564        | NHH                                  | VN000000NHH7         | 112.964.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 112.964.000                                                                            | 338.160                                                                          | 112.625.840                                                                                                         |
| 565        | NHT                                  | VN000000NHT2         | 24.028.169                                         | 50,0000000                                                                                  | 12.014.084                                                                             | 735.405                                                                          | 11.278.679                                                                                                          |
| 566        | NKG                                  | VN000000NKG3         | 492.323.961                                        | 50,0000000                                                                                  | 246.161.980                                                                            | 22.404.288                                                                       | 223.757.692                                                                                                         |
| 567        | NLG                                  | VN000000NLG1         | 485.097.383                                        | 50,0000000                                                                                  | 242.548.691                                                                            | 194.308.539                                                                      | 48.240.152                                                                                                          |
| 568        | NNC                                  | VN000000NNC6         | 21.920.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 640.048                                                                          | -640.048                                                                                                            |
| 569        | NOI                                  | VN000000NOI9         | 24.599.798                                         | 49,0000000                                                                                  | 12.053.901                                                                             | 1.754.002                                                                        | 10.299.899                                                                                                          |
| 570        | NSC                                  | VN000000NSC5         | 17.586.988                                         | 49,0000000                                                                                  | 8.617.624                                                                              | 1.732.005                                                                        | 6.885.619                                                                                                           |
| 571        | NT2                                  | VN000000NT22         | 287.876.029                                        | 49,0000000                                                                                  | 141.059.254                                                                            | 29.888.973                                                                       | 111.170.281                                                                                                         |
| 572        | NTC                                  | VN000000NTC3         | 23.999.980                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 10.637                                                                           | -10.637                                                                                                             |
| 573        | NTL                                  | VN000000NTL4         | 121.979.900                                        | 49,0000000                                                                                  | 59.770.151                                                                             | 15.947.643                                                                       | 43.822.508                                                                                                          |
| 574        | NVL                                  | VN000000NVL0         | 2.402.067.972                                      | 49,0000000                                                                                  | 1.177.013.306                                                                          | 106.463.834                                                                      | 1.070.549.472                                                                                                       |
| 575        | NVT                                  | VN000000NVT3         | 90.500.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 45.250.000                                                                             | 64.420                                                                           | 45.185.580                                                                                                          |
| 576        | OCB                                  | VN000000OCB9         | 3.062.510.126                                      | 22,0000000                                                                                  | 673.752.227                                                                            | 599.399.981                                                                      | 74.352.246                                                                                                          |
| 577        | OGC                                  | VN000000OGC8         | 300.000.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 147.000.000                                                                            | 831.216                                                                          | 146.168.784                                                                                                         |
| 578        | OPC                                  | VN000000OPC9         | 64.050.892                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 414.073                                                                          | -414.073                                                                                                            |
| 579        | ORS                                  | VN000000ORS1         | 623.930.904                                        | 49,0000000                                                                                  | 305.726.142                                                                            | 1.512.944                                                                        | 304.213.198                                                                                                         |
| 580        | PAC                                  | VN000000PAC8         | 76.677.626                                         | 50,0000000                                                                                  | 38.338.813                                                                             | 9.107.340                                                                        | 29.231.473                                                                                                          |
| 581        | PAN                                  | VN000000PAN5         | 258.072.996                                        | 49,0000000                                                                                  | 126.455.768                                                                            | 57.380.892                                                                       | 69.074.876                                                                                                          |
| 582        | PCI                                  | VN000000PCI1         | 411.285.343                                        | 50,0000000                                                                                  | 205.642.671                                                                            | 35.411.722                                                                       | 170.230.949                                                                                                         |
| 583        | PDN                                  | VN000000PDN9         | 55.565.820                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 118.155                                                                          | -118.155                                                                                                            |
| 584        | PDR                                  | VN000000PDR0         | 997.809.379                                        | 50,0000000                                                                                  | 498.904.689                                                                            | 68.108.850                                                                       | 430.795.839                                                                                                         |
| 585        | PDV                                  | VN000000PDV2         | 79.314.926                                         | 49,0000000                                                                                  | 38.864.313                                                                             | 30.018                                                                           | 38.834.295                                                                                                          |
| 586        | PET                                  | VN000000PET4         | 155.356.459                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.196.152                                                                        | -1.196.152                                                                                                          |
| 587        | PGC                                  | VN000000PGC5         | 60.342.638                                         | 50,0000000                                                                                  | 30.171.319                                                                             | 1.211.895                                                                        | 28.959.424                                                                                                          |
| 588        | PGD                                  | VN000000PGD3         | 98.998.266                                         | 49,0000000                                                                                  | 48.509.150                                                                             | 45.949.742                                                                       | 2.559.408                                                                                                           |
| 589        | PGI                                  | VN000000PGI2         | 110.896.796                                        | 100,0000000                                                                                 | 110.896.796                                                                            | 22.614.726                                                                       | 88.282.070                                                                                                          |
| 590        | PGV                                  | VN000000PGV5         | 1.123.468.046                                      | 50,0000000                                                                                  | 561.734.023                                                                            | 235.921                                                                          | 561.498.102                                                                                                         |
| 591        | PHC                                  | VN000000PHC3         | 50.681.927                                         | 50,0000000                                                                                  | 25.340.963                                                                             | 54.251                                                                           | 25.286.712                                                                                                          |
| 592        | PHR                                  | VN000000PHR1         | 135.499.198                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 16.434.800                                                                       | -16.434.800                                                                                                         |
| 593        | PIT                                  | VN000000PIT5         | 15.199.345                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 76.686                                                                           | -76.686                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 24<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 594        | PJT                                  | VN000000PJT3         | 24.882.785                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 161.419                                                                          | -161.419                                                                                                            |
| 595        | PLP                                  | VN000000PLP7         | 90.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 45.000.000                                                                             | 268.006                                                                          | 44.731.994                                                                                                          |
| 596        | PLX                                  | VN000000PLX1         | 1.293.878.081                                      | 20,0000000                                                                                  | 258.775.616                                                                            | 182.361.411                                                                      | 76.414.205                                                                                                          |
| 597        | PMG                                  | VN000000PMG4         | 46.336.278                                         | 50,0000000                                                                                  | 23.168.139                                                                             | 9.282.296                                                                        | 13.885.843                                                                                                          |
| 598        | PNC                                  | VN000000PNC1         | 11.040.241                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.409.718                                                                              | 50.630                                                                           | 5.359.088                                                                                                           |
| 599        | PNJ                                  | VN000000PNJ6         | 511.891.518                                        | 49,0000000                                                                                  | 250.826.843                                                                            | 224.549.335                                                                      | 26.277.508                                                                                                          |
| 600        | POW                                  | VN000000POW7         | 3.067.845.688                                      | 50,0000000                                                                                  | 1.533.922.844                                                                          | 139.160.777                                                                      | 1.394.762.067                                                                                                       |
| 601        | PPC                                  | VN000000PPC6         | 326.235.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 159.855.150                                                                            | 14.486.904                                                                       | 145.368.246                                                                                                         |
| 602        | PTB                                  | VN000000PTB0         | 100.407.074                                        | 25,0000000                                                                                  | 25.101.768                                                                             | 15.432.459                                                                       | 9.669.309                                                                                                           |
| 603        | PTC                                  | VN000000PTC8         | 32.307.324                                         | 50,0000000                                                                                  | 16.153.662                                                                             | 144.576                                                                          | 16.009.086                                                                                                          |
| 604        | PTL                                  | VN000000PTL9         | 100.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 47.833                                                                           | -47.833                                                                                                             |
| 605        | PVD                                  | VN000000PVD2         | 556.296.006                                        | 50,0000000                                                                                  | 278.148.003                                                                            | 45.425.123                                                                       | 232.722.880                                                                                                         |
| 606        | PVP                                  | VN000000PVP6         | 103.702.452                                        | 49,0000000                                                                                  | 50.814.201                                                                             | 2.153.484                                                                        | 48.660.717                                                                                                          |
| 607        | PVT                                  | VN000000PVT8         | 469.931.235                                        | 49,0000000                                                                                  | 230.266.305                                                                            | 62.518.035                                                                       | 167.748.270                                                                                                         |
| 608        | QCG                                  | VN000000QCG3         | 275.129.310                                        | 49,0000000                                                                                  | 134.813.361                                                                            | 5.098.966                                                                        | 129.714.395                                                                                                         |
| 609        | QNP                                  | VN000000QNP1         | 40.409.950                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 610        | RAL                                  | VN000000RAL5         | 23.547.419                                         | 50,0000000                                                                                  | 11.773.709                                                                             | 339.290                                                                          | 11.434.419                                                                                                          |
| 611        | REE                                  | VN000000REE2         | 622.899.036                                        | 49,0000000                                                                                  | 305.220.527                                                                            | 305.219.965                                                                      | 562                                                                                                                 |
| 612        | RYG                                  | VN000000RYG5         | 45.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.600                                                                            | -3.600                                                                                                              |
| 613        | S4A                                  | VN000000S4A5         | 42.200.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 41.710                                                                           | -41.710                                                                                                             |
| 614        | SAB                                  | VN000000SAB4         | 1.282.562.372                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.282.562.372                                                                          | 753.544.094                                                                      | 529.018.278                                                                                                         |
| 615        | SAM                                  | VN000000SAM1         | 402.753.343                                        | 49,0000000                                                                                  | 197.349.138                                                                            | 1.873.710                                                                        | 195.475.428                                                                                                         |
| 616        | SAV                                  | VN000000SAV2         | 27.730.480                                         | 50,0000000                                                                                  | 13.865.240                                                                             | 13.798.103                                                                       | 67.137                                                                                                              |
| 617        | SBA                                  | VN000000SBA4         | 60.488.261                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 159.467                                                                          | -159.467                                                                                                            |
| 618        | SBG                                  | VN000000SBG1         | 59.999.917                                         | 50,0000000                                                                                  | 29.999.958                                                                             | 486.305                                                                          | 29.513.653                                                                                                          |
| 619        | SBT                                  | VN000000SBT4         | 928.026.375                                        | 100,0000000                                                                                 | 928.026.375                                                                            | 182.251.854                                                                      | 745.774.521                                                                                                         |
| 620        | SBV                                  | VN000000SBV0         | 28.732.558                                         | 100,0000000                                                                                 | 28.732.558                                                                             | 4.142.671                                                                        | 24.589.887                                                                                                          |
| 621        | SC5                                  | VN000000SC59         | 14.984.550                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 286.064                                                                          | -286.064                                                                                                            |
| 622        | SCR                                  | VN000000SCR6         | 430.595.036                                        | 50,0000000                                                                                  | 215.297.518                                                                            | 989.069                                                                          | 214.308.449                                                                                                         |
| 623        | SCS                                  | VN000000SCS4         | 103.097.682                                        | 30,0000000                                                                                  | 30.929.304                                                                             | 8.530.265                                                                        | 22.399.039                                                                                                          |
| 624        | SFC                                  | VN000000SFC1         | 11.291.459                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 62.908                                                                           | -62.908                                                                                                             |
| 625        | SFG                                  | VN000000SFG2         | 47.897.333                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 66.673                                                                           | -66.673                                                                                                             |
| 626        | SFI                                  | VN000000SFI8         | 26.042.046                                         | 49,0000000                                                                                  | 12.760.602                                                                             | 377.376                                                                          | 12.383.226                                                                                                          |
| 627        | SGN                                  | VN000000SGN6         | 33.581.691                                         | 30,0000000                                                                                  | 10.074.507                                                                             | 9.247.158                                                                        | 827.349                                                                                                             |
| 628        | SGR                                  | VN000000SGR7         | 69.875.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 34.937.500                                                                             | 36.158                                                                           | 34.901.342                                                                                                          |
| 629        | SGT                                  | VN000000SGT3         | 148.003.518                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 8.103.186                                                                        | -8.103.186                                                                                                          |
| 630        | SHA                                  | VN000000SHA1         | 35.118.632                                         | 49,0000000                                                                                  | 17.208.129                                                                             | 302.906                                                                          | 16.905.223                                                                                                          |
| 631        | SHB                                  | VN000000SHB9         | 5.344.200.024                                      | 30,0000000                                                                                  | 1.603.260.007                                                                          | 213.943.384                                                                      | 1.389.316.623                                                                                                       |
| 632        | SHI                                  | VN000000SHI4         | 170.268.409                                        | 49,0000000                                                                                  | 83.431.520                                                                             | 380.737                                                                          | 83.050.783                                                                                                          |
| 633        | SHP                                  | VN000000SHP9         | 101.206.352                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 122.875                                                                          | -122.875                                                                                                            |
| 634        | SIP                                  | VN000000SIP7         | 242.112.943                                        | 49,0000000                                                                                  | 118.635.342                                                                            | 5.630.408                                                                        | 113.004.934                                                                                                         |
| 635        | SJD                                  | VN000000SJD1         | 68.998.620                                         | 50,0000000                                                                                  | 34.499.310                                                                             | 4.578.381                                                                        | 29.920.929                                                                                                          |
| 636        | SJS                                  | VN000000SJS9         | 297.474.828                                        | 50,0000000                                                                                  | 148.737.414                                                                            | 1.665.338                                                                        | 147.072.076                                                                                                         |
| 637        | SKG                                  | VN000000SKG2         | 66.497.697                                         | 49,0000000                                                                                  | 32.583.871                                                                             | 27.404.912                                                                       | 5.178.959                                                                                                           |
| 638        | SMA                                  | VN000000SMA1         | 20.352.836                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.972.889                                                                              | 9.418                                                                            | 9.963.471                                                                                                           |
| 639        | SMB                                  | VN000000SMB9         | 29.846.648                                         | 50,0000000                                                                                  | 14.923.324                                                                             | 3.974.425                                                                        | 10.948.899                                                                                                          |
| 640        | SMC                                  | VN000000SMC7         | 73.678.587                                         | 100,0000000                                                                                 | 73.678.587                                                                             | 14.902.594                                                                       | 58.775.993                                                                                                          |
| 641        | SPM                                  | VN000000SPM9         | 14.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.860.000                                                                              | 285.980                                                                          | 6.574.020                                                                                                           |
| 642        | SRC                                  | VN000000SRC6         | 36.484.124                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 26.539                                                                           | -26.539                                                                                                             |
| 643        | SRF                                  | VN000000SRF9         | 35.566.780                                         | 100,0000000                                                                                 | 35.566.780                                                                             | 16.193.988                                                                       | 19.372.792                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 25<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 644        | SSB                                  | VN000000SSB6         | 3.428.800.000                                      | 30,0000000                                                                                  | 1.028.640.000                                                                          | 9.520.906                                                                        | 1.019.119.094                                                                                                       |
| 645        | SSC                                  | VN000000SSC4         | 14.992.367                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.346.259                                                                              | 118.597                                                                          | 7.227.662                                                                                                           |
| 646        | SSI                                  | VN000000SSI1         | 2.503.089.220                                      | 100,0000000                                                                                 | 2.503.089.220                                                                          | 748.624.432                                                                      | 1.754.464.788                                                                                                       |
| 647        | ST8                                  | VN000000ST84         | 25.720.902                                         | 50,0000000                                                                                  | 12.860.451                                                                             | 194.272                                                                          | 12.666.179                                                                                                          |
| 648        | STB                                  | VN000000STB4         | 1.885.215.716                                      | 30,0000000                                                                                  | 565.564.714                                                                            | 210.340.862                                                                      | 355.223.852                                                                                                         |
| 649        | STG                                  | VN000000STG3         | 98.253.357                                         | 34,0000000                                                                                  | 33.406.141                                                                             | 29.514.947                                                                       | 3.891.194                                                                                                           |
| 650        | STK                                  | VN000000STK5         | 140.123.130                                        | 100,0000000                                                                                 | 140.123.130                                                                            | 24.154.694                                                                       | 115.968.436                                                                                                         |
| 651        | SVC                                  | VN000000SVC8         | 93.278.289                                         | 49,0000000                                                                                  | 45.706.361                                                                             | 1.306.875                                                                        | 44.399.486                                                                                                          |
| 652        | SVD                                  | VN000000SVD6         | 27.605.908                                         | 49,0000000                                                                                  | 13.526.894                                                                             | 37.578                                                                           | 13.489.316                                                                                                          |
| 653        | SVT                                  | VN000000SVT2         | 17.310.978                                         | 50,0000000                                                                                  | 8.655.489                                                                              | 41.581                                                                           | 8.613.908                                                                                                           |
| 654        | SZC                                  | VN000000SZC9         | 179.985.863                                        | 20,0000000                                                                                  | 35.997.172                                                                             | 2.482.004                                                                        | 33.515.168                                                                                                          |
| 655        | SZL                                  | VN000000SZL0         | 29.114.840                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 4.730.375                                                                        | -4.730.375                                                                                                          |
| 656        | TAL                                  | VN000000TAL1         | 503.999.708                                        | 49,0000000                                                                                  | 246.959.856                                                                            | 49.743.822                                                                       | 197.216.034                                                                                                         |
| 657        | TBC                                  | VN000000TBC8         | 63.500.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 31.115.000                                                                             | 500.105                                                                          | 30.614.895                                                                                                          |
| 658        | TCB                                  | VN000000TCB8         | 7.086.240.414                                      | 22,5386000                                                                                  | 1.597.139.381                                                                          | 1.488.170.729                                                                    | 108.968.652                                                                                                         |
| 659        | TCH                                  | VN000000TCH5         | 912.109.224                                        | 51,0000000                                                                                  | 465.175.704                                                                            | 86.854.238                                                                       | 378.321.466                                                                                                         |
| 660        | TCI                                  | VN000000TCI3         | 115.620.964                                        | 100,0000000                                                                                 | 115.620.964                                                                            | 5.885.053                                                                        | 109.735.911                                                                                                         |
| 661        | TCL                                  | VN000000TCL7         | 30.158.436                                         | 49,0000000                                                                                  | 14.777.633                                                                             | 1.663.492                                                                        | 13.114.141                                                                                                          |
| 662        | TCM                                  | VN000000TCM5         | 117.739.077                                        | 50,0000000                                                                                  | 58.869.538                                                                             | 56.748.448                                                                       | 2.121.090                                                                                                           |
| 663        | TCO                                  | VN000000TCO1         | 57.320.622                                         | 49,0000000                                                                                  | 28.087.104                                                                             | 124.517                                                                          | 27.962.587                                                                                                          |
| 664        | TCR                                  | VN000000TCR4         | 10.373.190                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.082.863                                                                              | 5.082.663                                                                        | 200                                                                                                                 |
| 665        | TCT                                  | VN000000TCT0         | 12.788.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.299.790                                                                        | -1.299.790                                                                                                          |
| 666        | TCX                                  | VN000000TCX2         | 2.774.453.325                                      | 100,0000000                                                                                 | 2.774.453.325                                                                          | 257.735.248                                                                      | 2.516.718.077                                                                                                       |
| 667        | TDC                                  | VN000000TDC4         | 127.228.000                                        | 50,0000000                                                                                  | 63.614.000                                                                             | 520.640                                                                          | 63.093.360                                                                                                          |
| 668        | TDG                                  | VN000000TDG5         | 24.211.190                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.234                                                                            | -1.234                                                                                                              |
| 669        | TDH                                  | VN000000TDH3         | 112.652.767                                        | 50,0000000                                                                                  | 56.326.383                                                                             | 910.827                                                                          | 55.415.556                                                                                                          |
| 670        | TDM                                  | VN000000TDM3         | 111.100.000                                        | 50,0000000                                                                                  | 55.550.000                                                                             | 700.257                                                                          | 54.849.743                                                                                                          |
| 671        | TDP                                  | VN000000TDP6         | 93.699.574                                         | 51,0000000                                                                                  | 47.786.782                                                                             | 301.644                                                                          | 47.485.138                                                                                                          |
| 672        | TDW                                  | VN000000TDW2         | 8.500.000                                          | 50,0000000                                                                                  | 4.250.000                                                                              | 79.521                                                                           | 4.170.479                                                                                                           |
| 673        | TEG                                  | VN000000TEG3         | 120.806.562                                        | 49,0000000                                                                                  | 59.195.215                                                                             | 6.245.942                                                                        | 52.949.273                                                                                                          |
| 674        | THG                                  | VN000000THG6         | 35.176.307                                         | 49,0000000                                                                                  | 17.236.390                                                                             | 1.480.981                                                                        | 15.755.409                                                                                                          |
| 675        | TIP                                  | VN000000TIP5         | 65.007.857                                         | 50,0000000                                                                                  | 32.503.928                                                                             | 11.151.992                                                                       | 21.351.936                                                                                                          |
| 676        | TIx                                  | VN000000TIx9         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 138.659                                                                          | -138.659                                                                                                            |
| 677        | TLD                                  | VN000000TLD5         | 77.741.356                                         | 49,0000000                                                                                  | 38.093.264                                                                             | 38.909                                                                           | 38.054.355                                                                                                          |
| 678        | TLG                                  | VN000000TLG8         | 96.528.340                                         | 100,0000000                                                                                 | 96.528.340                                                                             | 10.056.263                                                                       | 86.472.077                                                                                                          |
| 679        | TLH                                  | VN000000TLH6         | 112.320.017                                        | 49,0000000                                                                                  | 55.036.808                                                                             | 1.019.229                                                                        | 54.017.579                                                                                                          |
| 680        | TMP                                  | VN000000TMP7         | 70.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 35.000.000                                                                             | 367.474                                                                          | 34.632.526                                                                                                          |
| 681        | TMS                                  | VN000000TMS1         | 172.734.187                                        | 49,0000000                                                                                  | 84.639.751                                                                             | 71.206.366                                                                       | 13.433.385                                                                                                          |
| 682        | TMT                                  | VN000000TMT9         | 37.287.680                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.270.963                                                                             | 840.852                                                                          | 17.430.111                                                                                                          |
| 683        | TN1                                  | VN000000TN14         | 60.095.480                                         | 50,0000000                                                                                  | 30.047.740                                                                             | 16.630                                                                           | 30.031.110                                                                                                          |
| 684        | TNC                                  | VN000000TNC3         | 19.250.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 9.625.000                                                                              | 106.062                                                                          | 9.518.938                                                                                                           |
| 685        | TNH                                  | VN000000TNH2         | 165.799.943                                        | 70,0000000                                                                                  | 116.059.960                                                                            | 88.679.345                                                                       | 27.380.615                                                                                                          |
| 686        | TNI                                  | VN000000TNI0         | 52.500.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 25.725.000                                                                             | 56.988                                                                           | 25.668.012                                                                                                          |
| 687        | TNT                                  | VN000000TNT7         | 51.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 24.990.000                                                                             | 513.120                                                                          | 24.476.880                                                                                                          |
| 688        | TPB                                  | VN000000TPB0         | 2.774.046.873                                      | 30,0000000                                                                                  | 832.214.061                                                                            | 612.013.524                                                                      | 220.200.537                                                                                                         |
| 689        | TPC                                  | VN000000TPC8         | 16.816.956                                         | 49,0000000                                                                                  | 8.240.308                                                                              | 387.202                                                                          | 7.853.106                                                                                                           |
| 690        | TRA                                  | VN000000TRA8         | 41.453.673                                         | 49,0000000                                                                                  | 20.312.299                                                                             | 19.219.715                                                                       | 1.092.584                                                                                                           |
| 691        | TRC                                  | VN000000TRC4         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 211.626                                                                          | -211.626                                                                                                            |
| 692        | TSA                                  | VN000000TSA6         | 40.424.994                                         | 49,0000000                                                                                  | 19.808.247                                                                             | 92.900                                                                           | 19.715.347                                                                                                          |
| 693        | TSC                                  | VN000000TSC2         | 196.858.925                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 273.678                                                                          | -273.678                                                                                                            |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 26<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 694        | TTA                                  | VN000000TTA4         | 178.559.087                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 390.532                                                                          | -390.532                                                                                                            |
| 695        | TTE                                  | VN000000TTE6         | 28.490.400                                         | 50,0000000                                                                                  | 14.245.200                                                                             | 13.370                                                                           | 14.231.830                                                                                                          |
| 696        | TTF                                  | VN000000TTF3         | 411.198.302                                        | 50,0000000                                                                                  | 205.599.151                                                                            | 22.139.922                                                                       | 183.459.229                                                                                                         |
| 697        | TV2                                  | VN000000TV22         | 67.526.165                                         | 15,0000000                                                                                  | 10.128.924                                                                             | 4.565.463                                                                        | 5.563.461                                                                                                           |
| 698        | TVB                                  | VN000000TVB8         | 112.097.019                                        | 100,0000000                                                                                 | 112.097.019                                                                            | 966.466                                                                          | 111.130.553                                                                                                         |
| 699        | TVS                                  | VN000000TVS2         | 228.639.917                                        | 49,0000000                                                                                  | 112.033.559                                                                            | 40.021.778                                                                       | 72.011.781                                                                                                          |
| 700        | TVT                                  | VN000000TVT0         | 21.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 51.950                                                                           | -51.950                                                                                                             |
| 701        | TYA                                  | VN000000TYA4         | 6.134.773                                          | 100,0000000                                                                                 | 6.134.773                                                                              | 2.255.917                                                                        | 3.878.856                                                                                                           |
| 702        | UIC                                  | VN000000UIC1         | 8.308.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 633.520                                                                          | -633.520                                                                                                            |
| 703        | VAB                                  | VN000000VAB8         | 816.360.672                                        | 0,5000000                                                                                   | 4.081.803                                                                              | 1.918.604                                                                        | 2.163.199                                                                                                           |
| 704        | VBB                                  | VN000000VBB6         | 1.184.586.604                                      | 30,0000000                                                                                  | 355.375.981                                                                            | 245.143                                                                          | 355.130.838                                                                                                         |
| 705        | VCA                                  | VN000000VCA6         | 15.187.322                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 16.875                                                                           | -16.875                                                                                                             |
| 706        | VCB                                  | VN000000VCB4         | 8.355.675.094                                      | 30,0000000                                                                                  | 2.506.702.528                                                                          | 1.683.117.044                                                                    | 823.585.484                                                                                                         |
| 707        | VCF                                  | VN000000VCF5         | 26.579.135                                         | 49,0000000                                                                                  | 13.023.776                                                                             | 134.193                                                                          | 12.889.583                                                                                                          |
| 708        | VCG                                  | VN000000VCG3         | 646.468.336                                        | 49,0000000                                                                                  | 316.769.484                                                                            | 13.781.657                                                                       | 302.987.827                                                                                                         |
| 709        | VCI                                  | VN000000VCI9         | 1.152.231.925                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.152.231.925                                                                          | 198.252.878                                                                      | 953.979.047                                                                                                         |
| 710        | VCK                                  | VN000000VCK5         | 2.434.919.704                                      | 100,0000000                                                                                 | 2.434.919.704                                                                          | 90.097.425                                                                       | 2.344.822.279                                                                                                       |
| 711        | VDP                                  | VN000000VDP2         | 22.083.392                                         | 100,0000000                                                                                 | 22.083.392                                                                             | 38.967                                                                           | 22.044.425                                                                                                          |
| 712        | VDS                                  | VN000000VDS6         | 272.000.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 272.000.000                                                                            | 2.520.324                                                                        | 269.479.676                                                                                                         |
| 713        | VFG                                  | VN000000VFG6         | 41.714.614                                         | 51,0000000                                                                                  | 21.274.453                                                                             | 892.107                                                                          | 20.382.346                                                                                                          |
| 714        | VGC                                  | VN000000VGC3         | 448.350.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 219.691.500                                                                            | 4.120.136                                                                        | 215.571.364                                                                                                         |
| 715        | VHC                                  | VN000000VHC1         | 209.453.159                                        | 100,0000000                                                                                 | 209.453.159                                                                            | 39.395.431                                                                       | 170.057.728                                                                                                         |
| 716        | VHM                                  | VN000000VHM0         | 4.107.412.004                                      | 50,0000000                                                                                  | 2.053.706.002                                                                          | 286.348.112                                                                      | 1.767.357.890                                                                                                       |
| 717        | VIB                                  | VN000000VIB1         | 3.404.005.710                                      | 4,9900000                                                                                   | 169.859.884                                                                            | 116.620.069                                                                      | 53.239.815                                                                                                          |
| 718        | VIC                                  | VN000000VIC9         | 7.762.186.429                                      | 48,0175960                                                                                  | 3.727.215.320                                                                          | 247.378.148                                                                      | 3.479.837.172                                                                                                       |
| 719        | VID                                  | VN000000VID7         | 40.836.069                                         | 50,0000000                                                                                  | 20.418.034                                                                             | 149.278                                                                          | 20.268.756                                                                                                          |
| 720        | VIP                                  | VN000000VIP1         | 68.470.941                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.575.434                                                                        | -3.575.434                                                                                                          |
| 721        | VIX                                  | VN000000VIX5         | 2.450.287.772                                      | 100,0000000                                                                                 | 2.450.287.772                                                                          | 153.176.531                                                                      | 2.297.111.241                                                                                                       |
| 722        | VJC                                  | VN000000VJC7         | 769.092.961                                        | 30,0000000                                                                                  | 230.727.888                                                                            | 47.352.201                                                                       | 183.375.687                                                                                                         |
| 723        | VMD                                  | VN000000VMD9         | 15.440.268                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.565.731                                                                              | 178.111                                                                          | 7.387.620                                                                                                           |
| 724        | VND                                  | VN000000VND7         | 1.522.299.908                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.522.299.908                                                                          | 133.384.029                                                                      | 1.388.915.879                                                                                                       |
| 725        | VNG                                  | VN000000VNG0         | 97.276.608                                         | 49,0000000                                                                                  | 47.665.537                                                                             | 3.148.340                                                                        | 44.517.197                                                                                                          |
| 726        | VNL                                  | VN000000VNL0         | 14.140.487                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.928.838                                                                              | 1.590.048                                                                        | 5.338.790                                                                                                           |
| 727        | VNM                                  | VN000000VNM8         | 2.089.955.445                                      | 100,0000000                                                                                 | 2.089.955.445                                                                          | 1.034.795.933                                                                    | 1.055.159.512                                                                                                       |
| 728        | VNS                                  | VN000000VNS5         | 67.859.192                                         | 49,0000000                                                                                  | 33.251.004                                                                             | 1.555.638                                                                        | 31.695.366                                                                                                          |
| 729        | VOS                                  | VN000000VOS3         | 140.000.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 68.600.000                                                                             | 1.061.105                                                                        | 67.538.895                                                                                                          |
| 730        | VPB                                  | VN000000VPB6         | 7.933.923.601                                      | 30,0000000                                                                                  | 2.380.177.080                                                                          | 1.847.248.406                                                                    | 532.928.674                                                                                                         |
| 731        | VPD                                  | VN000000VPD2         | 106.589.629                                        | 50,0000000                                                                                  | 53.294.814                                                                             | 33.199.396                                                                       | 20.095.418                                                                                                          |
| 732        | VPG                                  | VN000000VPG5         | 88.415.751                                         | 49,0000000                                                                                  | 43.323.717                                                                             | 299.893                                                                          | 43.023.824                                                                                                          |
| 733        | VPH                                  | VN000000VPH3         | 95.357.800                                         | 49,0000000                                                                                  | 46.725.322                                                                             | 363.883                                                                          | 46.361.439                                                                                                          |
| 734        | VPI                                  | VN000000VPI1         | 320.049.577                                        | 49,0000000                                                                                  | 156.824.292                                                                            | 30.718.916                                                                       | 126.105.376                                                                                                         |
| 735        | VPL                                  | VN000000VPL5         | 1.877.450.377                                      | 49,0000000                                                                                  | 919.950.684                                                                            | 118.517.293                                                                      | 801.433.391                                                                                                         |
| 736        | VPS                                  | VN000000VPS0         | 24.460.792                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 21.323                                                                           | -21.323                                                                                                             |
| 737        | VPX                                  | VN000000VPX0         | 1.875.000.000                                      | 100,0000000                                                                                 | 1.875.000.000                                                                          | 78.594.685                                                                       | 1.796.405.315                                                                                                       |
| 738        | VRC                                  | VN000000VRC0         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 24.500.000                                                                             | 49.244                                                                           | 24.450.756                                                                                                          |
| 739        | VRE                                  | VN000000VRE6         | 2.328.818.410                                      | 49,0000000                                                                                  | 1.141.121.020                                                                          | 264.924.593                                                                      | 876.196.427                                                                                                         |
| 740        | VSC                                  | VN000000VSC8         | 374.370.362                                        | 49,0000000                                                                                  | 183.441.477                                                                            | 14.094.349                                                                       | 169.347.128                                                                                                         |
| 741        | VSH                                  | VN000000VSH7         | 236.241.246                                        | 49,0000000                                                                                  | 115.758.210                                                                            | 2.808.148                                                                        | 112.950.062                                                                                                         |
| 742        | VSI                                  | VN000000VSI5         | 13.200.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 78.436                                                                           | -78.436                                                                                                             |
| 743        | VTB                                  | VN000000VTB8         | 11.982.050                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 172.029                                                                          | -172.029                                                                                                            |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 27<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 744        | VTO                                  | VN000000VTO1         | 79.866.666                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.208.548                                                                        | -3.208.548                                                                                                          |
| 745        | VTP                                  | VN000000VTP8         | 172.029.898                                        | 49,0000000                                                                                  | 84.294.650                                                                             | 6.296.486                                                                        | 77.998.164                                                                                                          |
| 746        | VVS                                  | VN000000VVS8         | 21.525.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 10.547.250                                                                             | 770.737                                                                          | 9.776.513                                                                                                           |
| 747        | YBM                                  | VN000000YBM7         | 32.174.525                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 40.461                                                                           | -40.461                                                                                                             |
| 748        | YEG                                  | VN000000YEG3         | 205.226.448                                        | 49,0000000                                                                                  | 100.560.959                                                                            | 24.784.434                                                                       | 75.776.525                                                                                                          |
| Tổng (STO) |                                      |                      | 231.754.561.239                                    |                                                                                             | 105.367.605.025                                                                        | 31.126.515.689                                                                   | 74.241.089.336                                                                                                      |
| V. STX     |                                      |                      |                                                    |                                                                                             |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | ADC                                  | VN000000ADC4         | 3.977.936                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 327.765                                                                          | -327.765                                                                                                            |
| 2          | ALT                                  | VN000000ALT1         | 6.172.523                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 192.847                                                                          | -192.847                                                                                                            |
| 3          | AMC                                  | VN000000AMC5         | 4.274.990                                          | 50,0000000                                                                                  | 2.137.495                                                                              | 91.000                                                                           | 2.046.495                                                                                                           |
| 4          | AME                                  | VN000000AME1         | 65.200.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 32.600.000                                                                             | 1.452.905                                                                        | 31.147.095                                                                                                          |
| 5          | AMV                                  | VN000000AMV5         | 131.105.650                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 370.704                                                                          | -370.704                                                                                                            |
| 6          | API                                  | VN000000API5         | 84.083.976                                         | 49,0000000                                                                                  | 41.201.148                                                                             | 1.982.330                                                                        | 39.218.818                                                                                                          |
| 7          | APS                                  | VN000000APS4         | 83.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 83.000.000                                                                             | 509.466                                                                          | 82.490.534                                                                                                          |
| 8          | ARM                                  | VN000000ARM3         | 3.111.283                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.524.528                                                                              | 2.532                                                                            | 1.521.996                                                                                                           |
| 9          | ATS                                  | VN000000ATS6         | 3.500.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.400                                                                            | -3.400                                                                                                              |
| 10         | BAB                                  | VN000000BAB0         | 1.152.550.716                                      | 30,0000000                                                                                  | 345.765.214                                                                            | 133.058                                                                          | 345.632.156                                                                                                         |
| 11         | BAX                                  | VN000000BAX4         | 8.200.000                                          | 50,0000000                                                                                  | 4.100.000                                                                              | 1.388.288                                                                        | 2.711.712                                                                                                           |
| 12         | BBS                                  | VN000000BBS2         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.940.000                                                                              | 39.692                                                                           | 2.900.308                                                                                                           |
| 13         | BCC                                  | VN000000BCC4         | 123.209.812                                        | 49,0000000                                                                                  | 60.372.807                                                                             | 818.030                                                                          | 59.554.777                                                                                                          |
| 14         | BCF                                  | VN000000BCF7         | 37.964.770                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 15         | BCH                                  | VN000000BCH3         | 21.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 16         | BED                                  | VN000000BED8         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 17         | BKC                                  | VN000000BKC7         | 23.475.456                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 25.910                                                                           | -25.910                                                                                                             |
| 18         | BNA                                  | VN000000BNA5         | 31.249.394                                         | 50,0000000                                                                                  | 15.624.697                                                                             | 264.692                                                                          | 15.360.005                                                                                                          |
| 19         | BPC                                  | VN000000BPC6         | 3.800.000                                          | 50,0000000                                                                                  | 1.900.000                                                                              | 39.660                                                                           | 1.860.340                                                                                                           |
| 20         | BTS                                  | VN000000BTS4         | 123.559.858                                        | 49,0000000                                                                                  | 60.544.330                                                                             | 144.414                                                                          | 60.399.916                                                                                                          |
| 21         | BTW                                  | VN000000BTW6         | 9.360.000                                          | 25,0000000                                                                                  | 2.340.000                                                                              | 52.430                                                                           | 2.287.570                                                                                                           |
| 22         | BVS                                  | VN000000BVS0         | 72.233.937                                         | 100,0000000                                                                                 | 72.233.937                                                                             | 924.408                                                                          | 71.309.529                                                                                                          |
| 23         | BXH                                  | VN000000BXH9         | 3.012.040                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 24         | C69                                  | VN000000C697         | 61.799.972                                         | 49,0000000                                                                                  | 30.281.986                                                                             | 779.360                                                                          | 29.502.626                                                                                                          |
| 25         | CAG                                  | VN000000CAG7         | 13.800.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 27.500                                                                           | -27.500                                                                                                             |
| 26         | CAN                                  | VN000000CAN3         | 5.000.000                                          | 50,0000000                                                                                  | 2.500.000                                                                              | 34.920                                                                           | 2.465.080                                                                                                           |
| 27         | CAP                                  | VN000000CAP8         | 15.269.965                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 92.463                                                                           | -92.463                                                                                                             |
| 28         | CAR                                  | VN000000CAR4         | 5.565.004                                          | 50,0000000                                                                                  | 2.782.502                                                                              | 440                                                                              | 2.782.062                                                                                                           |
| 29         | CCR                                  | VN000000CCR0         | 24.501.817                                         | 49,0000000                                                                                  | 12.005.890                                                                             | 24.500                                                                           | 11.981.390                                                                                                          |
| 30         | CDN                                  | VN000000CDN7         | 99.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 48.510.000                                                                             | 20.146.809                                                                       | 28.363.191                                                                                                          |
| 31         | CEO                                  | VN000000CEO3         | 595.775.755                                        | 49,0000000                                                                                  | 291.930.119                                                                            | 19.081.343                                                                       | 272.848.776                                                                                                         |
| 32         | CET                                  | VN000000CET2         | 6.050.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.964.500                                                                              | 15.530                                                                           | 2.948.970                                                                                                           |
| 33         | CIA                                  | VN000000CIA3         | 18.661.243                                         | 30,0000000                                                                                  | 5.598.372                                                                              | 268.853                                                                          | 5.329.519                                                                                                           |
| 34         | CJC                                  | VN000000CJC7         | 8.000.000                                          | 30,0000000                                                                                  | 2.400.000                                                                              | 20.900                                                                           | 2.379.100                                                                                                           |
| 35         | CKV                                  | VN000000CKV5         | 4.050.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.984.500                                                                              | 14.630                                                                           | 1.969.870                                                                                                           |
| 36         | CLH                                  | VN000000CLH2         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.880.000                                                                              | 698.300                                                                          | 5.181.700                                                                                                           |
| 37         | CLM                                  | VN000000CLM2         | 11.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 38         | CMC                                  | VN000000CMC1         | 5.108.347                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 13.174                                                                           | -13.174                                                                                                             |
| 39         | CMS                                  | VN000000CMS7         | 25.452.500                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.520                                                                            | -2.520                                                                                                              |
| 40         | CPC                                  | VN000000CPC4         | 4.303.050                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.108.494                                                                              | 116.112                                                                          | 1.992.382                                                                                                           |
| 41         | CSC                                  | VN000000CSC8         | 45.263.582                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 22.577                                                                           | -22.577                                                                                                             |
| 42         | CST                                  | VN000000CST2         | 42.846.773                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.707.624                                                                        | -1.707.624                                                                                                          |
| 43         | CTB                                  | VN000000CTB8         | 20.800.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 10.400.000                                                                             | 76.207                                                                           | 10.323.793                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 28                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 44         | CTP                                  | VN000000CTP8         | 12.099.992                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 37.498                                                                           | -37.498                                                                                                             |
| 45         | CTT                                  | VN000000CTT0         | 4.697.351                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 11.000                                                                           | -11.000                                                                                                             |
| 46         | CX8                                  | VN000000CX86         | 2.553.771                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 7.653                                                                            | -7.653                                                                                                              |
| 47         | D11                                  | VN000000D117         | 8.218.456                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.508                                                                            | -2.508                                                                                                              |
| 48         | DAD                                  | VN000000DAD2         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.398.904                                                                        | -1.398.904                                                                                                          |
| 49         | DAE                                  | VN000000DAE0         | 1.925.658                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 9.533                                                                            | -9.533                                                                                                              |
| 50         | DC2                                  | VN000000DC23         | 11.643.617                                         | 50,0000000                                                                            | 5.821.808                                                                              | 184.421                                                                          | 5.637.387                                                                                                           |
| 51         | DHP                                  | VN000000DHP1         | 9.492.200                                          | 49,0000000                                                                            | 4.651.178                                                                              | 60.300                                                                           | 4.590.878                                                                                                           |
| 52         | DHT                                  | VN000000DHT3         | 90.575.551                                         | 50,0000000                                                                            | 45.287.775                                                                             | 36.894.688                                                                       | 8.393.087                                                                                                           |
| 53         | DIH                                  | VN000000DIH6         | 6.894.164                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.896                                                                            | -3.896                                                                                                              |
| 54         | DL1                                  | VN000000DL14         | 180.600.387                                        | 49,0000000                                                                            | 88.494.189                                                                             | 562.462                                                                          | 87.931.727                                                                                                          |
| 55         | DNC                                  | VN000000DNC7         | 10.034.681                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 22.931                                                                           | -22.931                                                                                                             |
| 56         | DNP                                  | VN000000DNP9         | 140.974.846                                        | 50,0000000                                                                            | 70.487.423                                                                             | 214.191                                                                          | 70.273.232                                                                                                          |
| 57         | DP3                                  | VN000000DP36         | 21.499.933                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 185.261                                                                          | -185.261                                                                                                            |
| 58         | DS3                                  | VN000000DS33         | 10.669.730                                         | 49,0000000                                                                            | 5.228.167                                                                              | 12.000                                                                           | 5.216.167                                                                                                           |
| 59         | DST                                  | VN000000DST0         | 32.300.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 8.850                                                                            | -8.850                                                                                                              |
| 60         | DTD                                  | VN000000DTD2         | 73.353.788                                         | 49,0000000                                                                            | 35.943.356                                                                             | 222.586                                                                          | 35.720.770                                                                                                          |
| 61         | DTG                                  | VN000000DTG5         | 9.605.318                                          | 50,0000000                                                                            | 4.802.659                                                                              | 7.271                                                                            | 4.795.388                                                                                                           |
| 62         | DTK                                  | VN000000DTK7         | 682.767.475                                        | 35,0000000                                                                            | 238.968.616                                                                            | 61.250                                                                           | 238.907.366                                                                                                         |
| 63         | DVM                                  | VN000000DVM9         | 47.057.787                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 64         | DXP                                  | VN000000DXP8         | 59.910.133                                         | 49,0000000                                                                            | 29.355.965                                                                             | 572.174                                                                          | 28.783.791                                                                                                          |
| 65         | EBS                                  | VN000000EBS6         | 10.219.484                                         | 49,0000000                                                                            | 5.007.547                                                                              | 51.839                                                                           | 4.955.708                                                                                                           |
| 66         | ECI                                  | VN000000ECI5         | 1.860.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 89.100                                                                           | -89.100                                                                                                             |
| 67         | EID                                  | VN000000EID3         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.819.202                                                                        | -1.819.202                                                                                                          |
| 68         | EVS                                  | VN000000EVS4         | 164.800.618                                        | 100,0000000                                                                           | 164.800.618                                                                            | 1.129.500                                                                        | 163.671.118                                                                                                         |
| 69         | FID                                  | VN000000FID0         | 24.715.958                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.132                                                                            | -1.132                                                                                                              |
| 70         | GDW                                  | VN000000GDW9         | 9.500.000                                          | 50,0000000                                                                            | 4.750.000                                                                              | 675.604                                                                          | 4.074.396                                                                                                           |
| 71         | GIC                                  | VN000000GIC0         | 25.451.988                                         | 49,0000000                                                                            | 12.471.474                                                                             | 1.241.428                                                                        | 11.230.046                                                                                                          |
| 72         | GKM                                  | VN000000GKM5         | 31.434.237                                         | 50,0000000                                                                            | 15.717.118                                                                             | 11.721                                                                           | 15.705.397                                                                                                          |
| 73         | GLT                                  | VN000000GLT8         | 10.456.092                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 153.002                                                                          | -153.002                                                                                                            |
| 74         | GMA                                  | VN000000GMA6         | 19.999.999                                         | 50,0000000                                                                            | 9.999.999                                                                              | 0                                                                                | 9.999.999                                                                                                           |
| 75         | GMX                                  | VN000000GMX8         | 9.040.697                                          | 50,0000000                                                                            | 4.520.348                                                                              | 546.810                                                                          | 3.973.538                                                                                                           |
| 76         | HAD                                  | VN000000HAD3         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.960.000                                                                              | 403.116                                                                          | 1.556.884                                                                                                           |
| 77         | HAT                                  | VN000000HAT9         | 3.123.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 111.845                                                                          | -111.845                                                                                                            |
| 78         | HBS                                  | VN000000HBS9         | 32.999.980                                         | 49,0000000                                                                            | 16.169.990                                                                             | 117.432                                                                          | 16.052.558                                                                                                          |
| 79         | HCC                                  | VN000000HCC1         | 6.518.586                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 903.415                                                                          | -903.415                                                                                                            |
| 80         | HCT                                  | VN000000HCT5         | 2.016.385                                          | 49,0000000                                                                            | 988.028                                                                                | 7.700                                                                            | 980.328                                                                                                             |
| 81         | HDA                                  | VN000000HDA3         | 30.359.909                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 54.090                                                                           | -54.090                                                                                                             |
| 82         | HEV                                  | VN000000HEV7         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 25.667                                                                           | -25.667                                                                                                             |
| 83         | HGM                                  | VN000000HGM1         | 12.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.174.000                                                                              | 37.385                                                                           | 6.136.615                                                                                                           |
| 84         | HHC                                  | VN000000HHC0         | 16.425.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.048.250                                                                              | 26.400                                                                           | 8.021.850                                                                                                           |
| 85         | HJS                                  | VN000000HJS2         | 20.999.900                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 33.395                                                                           | -33.395                                                                                                             |
| 86         | HKT                                  | VN000000HKT8         | 34.668.368                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 14.132                                                                           | -14.132                                                                                                             |
| 87         | HLC                                  | VN000000HLC2         | 25.415.199                                         | 49,0000000                                                                            | 12.453.447                                                                             | 1.769.843                                                                        | 10.683.604                                                                                                          |
| 88         | HLD                                  | VN000000HLD0         | 54.999.961                                         | 49,0000000                                                                            | 26.949.980                                                                             | 1.419.050                                                                        | 25.530.930                                                                                                          |
| 89         | HMH                                  | VN000000HMH9         | 13.842.229                                         | 49,0000000                                                                            | 6.782.692                                                                              | 52.315                                                                           | 6.730.377                                                                                                           |
| 90         | HMR                                  | VN000000HMR8         | 5.612.444                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 91         | HOM                                  | VN000000HOM5         | 74.769.131                                         | 49,0000000                                                                            | 36.636.874                                                                             | 1.054.704                                                                        | 35.582.170                                                                                                          |
| 92         | HTC                                  | VN000000HTC5         | 16.499.993                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 7.950                                                                            | -7.950                                                                                                              |
| 93         | HUT                                  | VN000000HUT7         | 1.068.285.581                                      | 49,0000000                                                                            | 523.459.934                                                                            | 23.367.500                                                                       | 500.092.434                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 29                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 94         | HVT                                  | VN000000HVT5         | 27.470.046                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 126.049                                                                          | -126.049                                                                                                            |
| 95         | ICG                                  | VN000000ICG0         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                              | 1.241.004                                                                        | 8.558.996                                                                                                           |
| 96         | IDC                                  | VN000000IDC7         | 379.498.823                                        | 49,0000000                                                                            | 185.954.423                                                                            | 57.836.316                                                                       | 128.118.107                                                                                                         |
| 97         | IDJ                                  | VN000000IDJ2         | 173.490.193                                        | 50,0000000                                                                            | 86.745.096                                                                             | 974.439                                                                          | 85.770.657                                                                                                          |
| 98         | IDV                                  | VN000000IDV7         | 47.421.881                                         | 30,0000000                                                                            | 14.226.564                                                                             | 9.333.402                                                                        | 4.893.162                                                                                                           |
| 99         | INC                                  | VN000000INC6         | 3.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 187.400                                                                          | -187.400                                                                                                            |
| 100        | INN                                  | VN000000INN3         | 27.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 13.230.000                                                                             | 965.997                                                                          | 12.264.003                                                                                                          |
| 101        | IPA                                  | VN000000IPA5         | 213.835.775                                        | 50,0000000                                                                            | 106.917.887                                                                            | 881.248                                                                          | 106.036.639                                                                                                         |
| 102        | ITQ                                  | VN000000ITQ3         | 31.843.305                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 34.700                                                                           | -34.700                                                                                                             |
| 103        | IVS                                  | VN000000IVS5         | 104.923.336                                        | 100,0000000                                                                           | 104.923.336                                                                            | 90.008.559                                                                       | 14.914.777                                                                                                          |
| 104        | KDM                                  | VN000000KDM2         | 7.596.981                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 70                                                                               | -70                                                                                                                 |
| 105        | KHS                                  | VN000000KHS0         | 15.294.976                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 27.109                                                                           | -27.109                                                                                                             |
| 106        | KKC                                  | VN000000KKC8         | 5.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.548.000                                                                              | 20.859                                                                           | 2.527.141                                                                                                           |
| 107        | KMT                                  | VN000000KMT8         | 9.846.562                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.717                                                                            | -1.717                                                                                                              |
| 108        | KSD                                  | VN000000KSD9         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.880.000                                                                              | 3.001.002                                                                        | 2.878.998                                                                                                           |
| 109        | KSF                                  | VN000000KSF4         | 899.787.308                                        | 50,0000000                                                                            | 449.893.654                                                                            | 88.386                                                                           | 449.805.268                                                                                                         |
| 110        | KST                                  | VN000000KST5         | 5.992.020                                          | 49,0000000                                                                            | 2.936.089                                                                              | 18.600                                                                           | 2.917.489                                                                                                           |
| 111        | KSV                                  | VN000000KSV1         | 200.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 300                                                                              | -300                                                                                                                |
| 112        | KTS                                  | VN000000KTS5         | 5.070.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.484.300                                                                              | 8.000                                                                            | 2.476.300                                                                                                           |
| 113        | L14                                  | VN000000L144         | 30.859.515                                         | 50,0000000                                                                            | 15.429.757                                                                             | 73.887                                                                           | 15.355.870                                                                                                          |
| 114        | L18                                  | VN000000L185         | 57.174.652                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.350                                                                            | -1.350                                                                                                              |
| 115        | L40                                  | VN000000L409         | 23.759.965                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 660                                                                              | -660                                                                                                                |
| 116        | LAS                                  | VN000000LAS3         | 112.856.400                                        | 49,0000000                                                                            | 55.299.636                                                                             | 43.590                                                                           | 55.256.046                                                                                                          |
| 117        | LBE                                  | VN000000LBE1         | 4.804.906                                          | 49,0000000                                                                            | 2.354.403                                                                              | 164.436                                                                          | 2.189.967                                                                                                           |
| 118        | LCD                                  | VN000000LCD1         | 1.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 735.000                                                                                | 0                                                                                | 735.000                                                                                                             |
| 119        | LDP                                  | VN000000LDP3         | 18.728.167                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 26.297                                                                           | -26.297                                                                                                             |
| 120        | LHC                                  | VN000000LHC2         | 28.800.000                                         | 50,0000000                                                                            | 14.400.000                                                                             | 157.789                                                                          | 14.242.211                                                                                                          |
| 121        | LIG                                  | VN000000LIG1         | 95.084.569                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 948                                                                              | -948                                                                                                                |
| 122        | MAC                                  | VN000000MAC5         | 48.351.334                                         | 49,0000000                                                                            | 23.692.153                                                                             | 25.198                                                                           | 23.666.955                                                                                                          |
| 123        | MAS                                  | VN000000MAS1         | 4.267.683                                          | 30,0000000                                                                            | 1.280.304                                                                              | 635.294                                                                          | 645.010                                                                                                             |
| 124        | MBG                                  | VN000000MBG4         | 120.218.540                                        | 49,0000000                                                                            | 58.907.084                                                                             | 1.816.806                                                                        | 57.090.278                                                                                                          |
| 125        | MBS                                  | VN000000MBS9         | 1.000.963.451                                      | 49,0000000                                                                            | 490.472.090                                                                            | 3.086.343                                                                        | 487.385.747                                                                                                         |
| 126        | MCC                                  | VN000000MCC1         | 5.016.124                                          | 49,0000000                                                                            | 2.457.900                                                                              | 4.053                                                                            | 2.453.847                                                                                                           |
| 127        | MCF                                  | VN000000MCF4         | 10.777.838                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 158.714                                                                          | -158.714                                                                                                            |
| 128        | MCO                                  | VN000000MCO6         | 4.103.929                                          | 49,0000000                                                                            | 2.010.925                                                                              | 22.020                                                                           | 1.988.905                                                                                                           |
| 129        | MDC                                  | VN000000MDC9         | 21.418.346                                         | 49,0000000                                                                            | 10.494.989                                                                             | 3.806.229                                                                        | 6.688.760                                                                                                           |
| 130        | MED                                  | VN000000MED5         | 12.410.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.800                                                                            | -1.800                                                                                                              |
| 131        | MEL                                  | VN000000MEL8         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 6.100                                                                            | -6.100                                                                                                              |
| 132        | MIC                                  | VN000000MIC8         | 8.577.770                                          | 49,0000000                                                                            | 4.203.107                                                                              | 68.921                                                                           | 4.134.186                                                                                                           |
| 133        | MKV                                  | VN000000MKV4         | 5.000.038                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.018                                                                              | 156.661                                                                          | 2.293.357                                                                                                           |
| 134        | MST                                  | VN000000MST1         | 113.604.220                                        | 49,0000000                                                                            | 55.666.067                                                                             | 305.020                                                                          | 55.361.047                                                                                                          |
| 135        | MVB                                  | VN000000MVB3         | 105.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 51.450.000                                                                             | 95.320                                                                           | 51.354.680                                                                                                          |
| 136        | NAG                                  | VN000000NAG4         | 52.593.728                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 240.636                                                                          | -240.636                                                                                                            |
| 137        | NAP                                  | VN000000NAP5         | 21.517.200                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 400                                                                              | -400                                                                                                                |
| 138        | NBC                                  | VN000000NBC1         | 36.999.124                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.206.746                                                                        | -1.206.746                                                                                                          |
| 139        | NBP                                  | VN000000NBP3         | 12.865.500                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 172.600                                                                          | -172.600                                                                                                            |
| 140        | NBW                                  | VN000000NBW9         | 10.900.000                                         | 25,0000000                                                                            | 2.725.000                                                                              | 621.600                                                                          | 2.103.400                                                                                                           |
| 141        | NDN                                  | VN000000NDN4         | 71.657.936                                         | 50,0000000                                                                            | 35.828.968                                                                             | 803.165                                                                          | 35.025.803                                                                                                          |
| 142        | NDX                                  | VN000000NDX3         | 9.987.557                                          | 49,0000000                                                                            | 4.893.902                                                                              | 72.501                                                                           | 4.821.401                                                                                                           |
| 143        | NET                                  | VN000000NET9         | 22.398.374                                         | 49,0000000                                                                            | 10.975.203                                                                             | 176.974                                                                          | 10.798.229                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 144        | NFC                                  | VN000000NFC2         | 15.731.260                                         | 49,0000000                                                                            | 7.708.317                                                                              | 61.200                                                                           | 7.647.117                                                                                                           |
| 145        | NHC                                  | VN000000NHC8         | 3.041.542                                          | 49,0000000                                                                            | 1.490.355                                                                              | 335.595                                                                          | 1.154.760                                                                                                           |
| 146        | NRC                                  | VN000000NRC7         | 92.597.762                                         | 50,0000000                                                                            | 46.298.881                                                                             | 140.794                                                                          | 46.158.087                                                                                                          |
| 147        | NSH                                  | VN000000NSH4         | 20.693.437                                         | 49,0000000                                                                            | 10.139.784                                                                             | 202.300                                                                          | 9.937.484                                                                                                           |
| 148        | NST                                  | VN000000NST9         | 11.202.003                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 181.710                                                                          | -181.710                                                                                                            |
| 149        | NTH                                  | VN000000NTH2         | 10.802.053                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 33.400                                                                           | -33.400                                                                                                             |
| 150        | NTP                                  | VN000000NTP5         | 205.245.204                                        | 50,0000000                                                                            | 102.622.602                                                                            | 33.199.408                                                                       | 69.423.194                                                                                                          |
| 151        | NVB                                  | VN000000NVB1         | 2.927.984.751                                      | 9,0000000                                                                             | 263.518.627                                                                            | 12.462.984                                                                       | 251.055.643                                                                                                         |
| 152        | OCH                                  | VN000000OCH6         | 200.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 169.100                                                                          | -169.100                                                                                                            |
| 153        | ONE                                  | VN000000ONE0         | 7.960.310                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 310.556                                                                          | -310.556                                                                                                            |
| 154        | PBP                                  | VN000000PBP8         | 4.799.516                                          | 49,0000000                                                                            | 2.351.762                                                                              | 36.605                                                                           | 2.315.157                                                                                                           |
| 155        | PCE                                  | VN000000PCE0         | 10.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 4.900.000                                                                              | 42.100                                                                           | 4.857.900                                                                                                           |
| 156        | PCH                                  | VN000000PCH3         | 25.409.893                                         | 49,0000000                                                                            | 12.450.847                                                                             | 13.400                                                                           | 12.437.447                                                                                                          |
| 157        | PCT                                  | VN000000PCT8         | 80.035.493                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 720                                                                              | -720                                                                                                                |
| 158        | PDB                                  | VN000000PDB4         | 8.909.981                                          | 50,0000000                                                                            | 4.454.990                                                                              | 75.200                                                                           | 4.379.790                                                                                                           |
| 159        | PEN                                  | VN000000PEN7         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 160        | PGN                                  | VN000000PGN2         | 9.464.859                                          | 50,0000000                                                                            | 4.732.429                                                                              | 173.175                                                                          | 4.559.254                                                                                                           |
| 161        | PGS                                  | VN000000PGS1         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.500.000                                                                             | 368.018                                                                          | 24.131.982                                                                                                          |
| 162        | PGT                                  | VN000000PGT9         | 9.241.801                                          | 49,0000000                                                                            | 4.528.482                                                                              | 4.528.482                                                                        | 0                                                                                                                   |
| 163        | PHN                                  | VN000000PHN0         | 7.253.911                                          | 50,0000000                                                                            | 3.626.955                                                                              | 3.557.773                                                                        | 69.182                                                                                                              |
| 164        | PIA                                  | VN000000PIA5         | 3.900.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 448.503                                                                          | -448.503                                                                                                            |
| 165        | PIC                                  | VN000000PIC1         | 33.339.891                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.721                                                                            | -3.721                                                                                                              |
| 166        | PJC                                  | VN000000PJC9         | 7.326.928                                          | 49,0000000                                                                            | 3.590.194                                                                              | 36.954                                                                           | 3.553.240                                                                                                           |
| 167        | PLC                                  | VN000000PLC5         | 80.798.839                                         | 49,0000000                                                                            | 39.591.431                                                                             | 160.932                                                                          | 39.430.499                                                                                                          |
| 168        | PMB                                  | VN000000PMB5         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.880.000                                                                              | 85.500                                                                           | 5.794.500                                                                                                           |
| 169        | PMC                                  | VN000000PMC3         | 9.332.573                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 287.448                                                                          | -287.448                                                                                                            |
| 170        | PMP                                  | VN000000PMP5         | 4.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 47.100                                                                           | -47.100                                                                                                             |
| 171        | PMS                                  | VN000000PMS9         | 7.227.662                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 134.606                                                                          | -134.606                                                                                                            |
| 172        | POT                                  | VN000000POT3         | 19.430.006                                         | 49,0000000                                                                            | 9.520.702                                                                              | 12.181                                                                           | 9.508.521                                                                                                           |
| 173        | PPE                                  | VN000000PPE2         | 3.600.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 5.100                                                                            | -5.100                                                                                                              |
| 174        | PPP                                  | VN000000PPP8         | 8.799.991                                          | 49,0000000                                                                            | 4.311.995                                                                              | 737.730                                                                          | 3.574.265                                                                                                           |
| 175        | PPS                                  | VN000000PPS2         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                              | 4.305.250                                                                        | 3.044.750                                                                                                           |
| 176        | PPT                                  | VN000000PPT0         | 19.644.923                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 177        | PPY                                  | VN000000PPY0         | 9.343.974                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 70.411                                                                           | -70.411                                                                                                             |
| 178        | PRC                                  | VN000000PRC2         | 6.199.698                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 26.958                                                                           | -26.958                                                                                                             |
| 179        | PRE                                  | VN000000PRE8         | 104.400.000                                        | 100,0000000                                                                           | 104.400.000                                                                            | 1.180.931                                                                        | 103.219.069                                                                                                         |
| 180        | PSC                                  | VN000000PSC0         | 7.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.528.000                                                                              | 11.686                                                                           | 3.516.314                                                                                                           |
| 181        | PSD                                  | VN000000PSD8         | 54.027.894                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 37.386                                                                           | -37.386                                                                                                             |
| 182        | PSE                                  | VN000000PSE6         | 12.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.125.000                                                                              | 11.200                                                                           | 6.113.800                                                                                                           |
| 183        | PSI                                  | VN000000PSI7         | 59.841.300                                         | 100,0000000                                                                           | 59.841.300                                                                             | 1.354.650                                                                        | 58.486.650                                                                                                          |
| 184        | PSW                                  | VN000000PSW8         | 17.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.330.000                                                                              | 56.166                                                                           | 8.273.834                                                                                                           |
| 185        | PTD                                  | VN000000PTD6         | 19.999.933                                         | 50,0000000                                                                            | 9.999.966                                                                              | 359.593                                                                          | 9.640.373                                                                                                           |
| 186        | PTI                                  | VN000000PTI5         | 120.592.129                                        | 100,0000000                                                                           | 120.592.129                                                                            | 45.161.326                                                                       | 75.430.803                                                                                                          |
| 187        | PTS                                  | VN000000PTS4         | 5.568.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 427.030                                                                          | -427.030                                                                                                            |
| 188        | PTX                                  | VN000000PTX4         | 6.432.453                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 189        | PV2                                  | VN000000PV26         | 37.350.000                                         | 49,0000000                                                                            | 18.301.500                                                                             | 85.300                                                                           | 18.216.200                                                                                                          |
| 190        | PVB                                  | VN000000PVB6         | 21.599.998                                         | 49,0000000                                                                            | 10.583.999                                                                             | 303.871                                                                          | 10.280.128                                                                                                          |
| 191        | PVC                                  | VN000000PVC4         | 81.194.463                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 135.895                                                                          | -135.895                                                                                                            |
| 192        | PVG                                  | VN000000PVG5         | 39.998.522                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.686.323                                                                        | -2.686.323                                                                                                          |
| 193        | PVI                                  | VN000000PVI1         | 234.241.867                                        | 100,0000000                                                                           | 234.241.867                                                                            | 133.319.793                                                                      | 100.922.074                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 194        | PVS                                  | VN000000PVS0         | 511.420.099                                        | 49,0000000                                                                            | 250.595.848                                                                            | 80.313.940                                                                       | 170.281.908                                                                                                         |
| 195        | PXK                                  | VN000000PXK3         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                              | 0                                                                                | 7.350.000                                                                                                           |
| 196        | QHD                                  | VN000000QHD9         | 6.629.489                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 7.994                                                                            | -7.994                                                                                                              |
| 197        | QST                                  | VN000000QST2         | 3.240.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 198        | QTC                                  | VN000000QTC6         | 2.700.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 24.200                                                                           | -24.200                                                                                                             |
| 199        | RCL                                  | VN000000RCL1         | 14.418.317                                         | 50,0000000                                                                            | 7.209.158                                                                              | 34.597                                                                           | 7.174.561                                                                                                           |
| 200        | S55                                  | VN000000S552         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 23.179                                                                           | -23.179                                                                                                             |
| 201        | S99                                  | VN000000S990         | 104.718.992                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 244.983                                                                          | -244.983                                                                                                            |
| 202        | SAF                                  | VN000000SAF5         | 12.046.590                                         | 50,0000000                                                                            | 6.023.295                                                                              | 183.172                                                                          | 5.840.123                                                                                                           |
| 203        | SCG                                  | VN000000SCG9         | 85.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 41.650.000                                                                             | 602                                                                              | 41.649.398                                                                                                          |
| 204        | SCI                                  | VN000000SCI5         | 42.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 146.130                                                                          | -146.130                                                                                                            |
| 205        | SD5                                  | VN000000SD58         | 25.999.848                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 285.391                                                                          | -285.391                                                                                                            |
| 206        | SD9                                  | VN000000SD90         | 34.234.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 382.780                                                                          | -382.780                                                                                                            |
| 207        | SDC                                  | VN000000SDC6         | 3.026.950                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 90.151                                                                           | -90.151                                                                                                             |
| 208        | SDG                                  | VN000000SDG7         | 10.139.997                                         | 49,0000000                                                                            | 4.968.598                                                                              | 3.093                                                                            | 4.965.505                                                                                                           |
| 209        | SDN                                  | VN000000SDN3         | 3.036.436                                          | 51,0000000                                                                            | 1.548.582                                                                              | 668.988                                                                          | 879.594                                                                                                             |
| 210        | SDU                                  | VN000000SDU8         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                              | 22.400                                                                           | 9.777.600                                                                                                           |
| 211        | SEB                                  | VN000000SEB6         | 31.999.969                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 26.360                                                                           | -26.360                                                                                                             |
| 212        | SED                                  | VN000000SED2         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 540.399                                                                          | -540.399                                                                                                            |
| 213        | SFN                                  | VN000000SFN8         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                              | 18.634                                                                           | 1.451.366                                                                                                           |
| 214        | SGC                                  | VN000000SGC9         | 7.147.580                                          | 100,0000000                                                                           | 7.147.580                                                                              | 124.397                                                                          | 7.023.183                                                                                                           |
| 215        | SGD                                  | VN000000SGD7         | 4.137.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 17.900                                                                           | -17.900                                                                                                             |
| 216        | SGH                                  | VN000000SGH8         | 12.364.100                                         | 49,0000000                                                                            | 6.058.409                                                                              | 47.564                                                                           | 6.010.845                                                                                                           |
| 217        | SHE                                  | VN000000SHE3         | 65.003.919                                         | 50,0000000                                                                            | 32.501.959                                                                             | 138.166                                                                          | 32.363.793                                                                                                          |
| 218        | SHN                                  | VN000000SHN4         | 129.607.147                                        | 49,0000000                                                                            | 63.507.502                                                                             | 37.649                                                                           | 63.469.853                                                                                                          |
| 219        | SHS                                  | VN000000SHS3         | 899.462.220                                        | 49,0000000                                                                            | 440.736.487                                                                            | 80.422.349                                                                       | 360.314.138                                                                                                         |
| 220        | SJ1                                  | VN000000SJ11         | 43.472.716                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 19.122                                                                           | -19.122                                                                                                             |
| 221        | SJE                                  | VN000000SJE9         | 40.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 109.112                                                                          | -109.112                                                                                                            |
| 222        | SLS                                  | VN000000SLS5         | 9.791.945                                          | 49,0000000                                                                            | 4.798.053                                                                              | 156.593                                                                          | 4.641.460                                                                                                           |
| 223        | SMN                                  | VN000000SMN4         | 4.405.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 224        | SMT                                  | VN000000SMT1         | 6.560.739                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.095                                                                            | -2.095                                                                                                              |
| 225        | SPC                                  | VN000000SPC0         | 10.530.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 953.730                                                                          | -953.730                                                                                                            |
| 226        | SRA                                  | VN000000SRA0         | 43.199.974                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 164.613                                                                          | -164.613                                                                                                            |
| 227        | SSM                                  | VN000000SSM3         | 5.501.024                                          | 49,0000000                                                                            | 2.695.501                                                                              | 37.159                                                                           | 2.658.342                                                                                                           |
| 228        | STC                                  | VN000000STC2         | 5.665.530                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 123.290                                                                          | -123.290                                                                                                            |
| 229        | STP                                  | VN000000STP4         | 8.045.744                                          | 49,0000000                                                                            | 3.942.414                                                                              | 57.617                                                                           | 3.884.797                                                                                                           |
| 230        | SVN                                  | VN000000SVN5         | 21.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.290.000                                                                             | 10.800                                                                           | 10.279.200                                                                                                          |
| 231        | SZB                                  | VN000000SZB1         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.058.700                                                                        | -2.058.700                                                                                                          |
| 232        | TA9                                  | VN000000TA92         | 12.419.787                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.874                                                                            | -3.874                                                                                                              |
| 233        | TD6                                  | VN000000TD65         | 61.935.202                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 150.645                                                                          | -150.645                                                                                                            |
| 234        | TDT                                  | VN000000TDT8         | 23.896.534                                         | 49,0000000                                                                            | 11.709.301                                                                             | 10.191                                                                           | 11.699.110                                                                                                          |
| 235        | TET                                  | VN000000TET6         | 5.702.940                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 500                                                                              | -500                                                                                                                |
| 236        | TFC                                  | VN000000TFC9         | 16.829.994                                         | 49,0000000                                                                            | 8.246.697                                                                              | 5.696.062                                                                        | 2.550.635                                                                                                           |
| 237        | THB                                  | VN000000THB7         | 11.424.570                                         | 49,0000000                                                                            | 5.598.039                                                                              | 678.761                                                                          | 4.919.278                                                                                                           |
| 238        | THD                                  | VN000000THD3         | 384.999.972                                        | 49,0000000                                                                            | 188.649.986                                                                            | 576.001                                                                          | 188.073.985                                                                                                         |
| 239        | THS                                  | VN000000THS1         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                              | 1.500                                                                            | 1.468.500                                                                                                           |
| 240        | THT                                  | VN000000THT9         | 24.569.052                                         | 35,0000000                                                                            | 8.599.168                                                                              | 435.101                                                                          | 8.164.067                                                                                                           |
| 241        | TIG                                  | VN000000TIG4         | 193.606.205                                        | 49,0000000                                                                            | 94.867.040                                                                             | 20.415.278                                                                       | 74.451.762                                                                                                          |
| 242        | TJC                                  | VN000000TJC1         | 8.600.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 17.980                                                                           | -17.980                                                                                                             |
| 243        | TKU                                  | VN000000TKU1         | 7.255.744                                          | 100,0000000                                                                           | 7.255.744                                                                              | 3.779.178                                                                        | 3.476.566                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 32<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    |                                                                                             |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 244        | TMB                                  | VN000000TMB7         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 245        | TMC                                  | VN000000TMC5         | 12.400.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.076.000                                                                              | 208.395                                                                          | 5.867.605                                                                                                           |
| 246        | TMX                                  | VN000000TMX1         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.940.000                                                                              | 2.200                                                                            | 2.937.800                                                                                                           |
| 247        | TNG                                  | VN000000TNG4         | 128.731.266                                        | 49,0000000                                                                                  | 63.078.320                                                                             | 27.908.310                                                                       | 35.170.010                                                                                                          |
| 248        | TOT                                  | VN000000TOT5         | 10.404.748                                         | 25,0000000                                                                                  | 2.601.187                                                                              | 395.105                                                                          | 2.206.082                                                                                                           |
| 249        | TPP                                  | VN000000TPP0         | 62.886.282                                         | 50,0000000                                                                                  | 31.443.141                                                                             | 94.106                                                                           | 31.349.035                                                                                                          |
| 250        | TSB                                  | VN000000TSB4         | 6.745.480                                          | 70,0000000                                                                                  | 4.721.836                                                                              | 450.901                                                                          | 4.270.935                                                                                                           |
| 251        | TTC                                  | VN000000TTC0         | 5.992.348                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.936.250                                                                              | 274.662                                                                          | 2.661.588                                                                                                           |
| 252        | TTH                                  | VN000000TTH9         | 37.374.846                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.313.674                                                                             | 24.525                                                                           | 18.289.149                                                                                                          |
| 253        | TTL                                  | VN000000TTL1         | 41.908.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 20.534.920                                                                             | 3.003.700                                                                        | 17.531.220                                                                                                          |
| 254        | TTT                                  | VN000000TTT4         | 4.570.210                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 97.300                                                                           | -97.300                                                                                                             |
| 255        | TV3                                  | VN000000TV30         | 9.517.303                                          | 50,0000000                                                                                  | 4.758.651                                                                              | 8.742                                                                            | 4.749.909                                                                                                           |
| 256        | TV4                                  | VN000000TV48         | 19.846.016                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 117.169                                                                          | -117.169                                                                                                            |
| 257        | TVC                                  | VN000000TVC6         | 96.155.570                                         | 49,0000000                                                                                  | 47.116.229                                                                             | 87.297                                                                           | 47.028.932                                                                                                          |
| 258        | TVD                                  | VN000000TVD4         | 44.962.864                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 476.506                                                                          | -476.506                                                                                                            |
| 259        | TXM                                  | VN000000TXM1         | 7.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.430.000                                                                              | 40.200                                                                           | 3.389.800                                                                                                           |
| 260        | UNI                                  | VN000000UNI8         | 42.617.632                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 221.729                                                                          | -221.729                                                                                                            |
| 261        | V12                                  | VN000000V127         | 11.636.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 5.818.000                                                                              | 1.500                                                                            | 5.816.500                                                                                                           |
| 262        | V21                                  | VN000000V218         | 11.999.789                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 4.300                                                                            | -4.300                                                                                                              |
| 263        | VBC                                  | VN000000VBC4         | 7.499.972                                          | 50,0000000                                                                                  | 3.749.986                                                                              | 26.855                                                                           | 3.723.131                                                                                                           |
| 264        | VC1                                  | VN000000VC13         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.042                                                                            | -3.042                                                                                                              |
| 265        | VC2                                  | VN000000VC21         | 75.645.525                                         | 50,0000000                                                                                  | 37.822.762                                                                             | 67.594                                                                           | 37.755.168                                                                                                          |
| 266        | VC3                                  | VN000000VC39         | 138.414.258                                        | 49,0000000                                                                                  | 67.822.986                                                                             | 588.514                                                                          | 67.234.472                                                                                                          |
| 267        | VC6                                  | VN000000VC62         | 12.466.699                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.108.682                                                                              | 1.404.788                                                                        | 4.703.894                                                                                                           |
| 268        | VC7                                  | VN000000VC70         | 96.090.870                                         | 50,0000000                                                                                  | 48.045.435                                                                             | 50.939                                                                           | 47.994.496                                                                                                          |
| 269        | VC9                                  | VN000000VC96         | 17.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 8.330.000                                                                              | 11.650                                                                           | 8.318.350                                                                                                           |
| 270        | VCC                                  | VN000000VCC2         | 24.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 11.760.000                                                                             | 3.305                                                                            | 11.756.695                                                                                                          |
| 271        | VCM                                  | VN000000VCM1         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 272        | VCS                                  | VN000000VCS8         | 160.000.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 78.400.000                                                                             | 1.401.296                                                                        | 76.998.704                                                                                                          |
| 273        | VDL                                  | VN000000VDL1         | 14.657.150                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.182.003                                                                              | 74.954                                                                           | 7.107.049                                                                                                           |
| 274        | VE1                                  | VN000000VE11         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.433.406                                                                        | -1.433.406                                                                                                          |
| 275        | VE3                                  | VN000000VE37         | 3.400.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.700                                                                            | -2.700                                                                                                              |
| 276        | VE4                                  | VN000000VE45         | 3.028.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.400                                                                            | -1.400                                                                                                              |
| 277        | VFS                                  | VN000000VFS1         | 153.963.435                                        | 100,0000000                                                                                 | 153.963.435                                                                            | 136.441                                                                          | 153.826.994                                                                                                         |
| 278        | VGP                                  | VN000000VGP5         | 8.214.692                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 98.149                                                                           | -98.149                                                                                                             |
| 279        | VGS                                  | VN000000VGS9         | 61.524.155                                         | 49,0000000                                                                                  | 30.146.835                                                                             | 181.254                                                                          | 29.965.581                                                                                                          |
| 280        | VHE                                  | VN000000VHE7         | 33.140.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 281        | VHL                                  | VN000000VHL2         | 25.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 12.250.000                                                                             | 254.389                                                                          | 11.995.611                                                                                                          |
| 282        | VIF                                  | VN000000VIF2         | 350.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 283        | VIG                                  | VN000000VIG0         | 45.133.300                                         | 100,0000000                                                                                 | 45.133.300                                                                             | 219.023                                                                          | 44.914.277                                                                                                          |
| 284        | VIT                                  | VN000000VIT3         | 79.809.134                                         | 50,0000000                                                                                  | 39.904.567                                                                             | 86.567                                                                           | 39.818.000                                                                                                          |
| 285        | VLA                                  | VN000000VLA7         | 3.995.996                                          | 50,0000000                                                                                  | 1.997.998                                                                              | 64.355                                                                           | 1.933.643                                                                                                           |
| 286        | VMC                                  | VN000000VMC1         | 28.747.017                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 27.277                                                                           | -27.277                                                                                                             |
| 287        | VMS                                  | VN000000VMS7         | 9.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 288        | VNC                                  | VN000000VNC9         | 20.999.511                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 538.610                                                                          | -538.610                                                                                                            |
| 289        | VNF                                  | VN000000VNF2         | 31.715.880                                         | 49,0000000                                                                                  | 15.540.781                                                                             | 116.131                                                                          | 15.424.650                                                                                                          |
| 290        | VNR                                  | VN000000VNR7         | 200.630.248                                        | 50,0000000                                                                                  | 100.315.124                                                                            | 54.605.148                                                                       | 45.709.976                                                                                                          |
| 291        | VNT                                  | VN000000VNT3         | 16.699.497                                         | 49,0000000                                                                                  | 8.182.753                                                                              | 1.735.955                                                                        | 6.446.798                                                                                                           |
| 292        | VSA                                  | VN000000VSA2         | 14.096.486                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 411.887                                                                          | -411.887                                                                                                            |
| 293        | VSM                                  | VN000000VSM7         | 5.032.475                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.465.912                                                                              | 71.600                                                                           | 2.394.312                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 294        | VTC                                  | VN000000VTC6         | 4.534.696                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 448.549                                                                          | -448.549                                                                                                            |
| 295        | VTH                                  | VN000000VTH5         | 10.899.989                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 16.748                                                                           | -16.748                                                                                                             |
| 296        | VTJ                                  | VN000000VTJ1         | 11.400.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.586.000                                                                              | 16.400                                                                           | 5.569.600                                                                                                           |
| 297        | VTV                                  | VN000000VTV6         | 31.199.825                                         | 49,0000000                                                                            | 15.287.914                                                                             | 2.198                                                                            | 15.285.716                                                                                                          |
| 298        | VTZ                                  | VN000000VTZ7         | 76.159.833                                         | 51,0000000                                                                            | 38.841.514                                                                             | 862.896                                                                          | 37.978.618                                                                                                          |
| 299        | WCS                                  | VN000000WCS6         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 832.208                                                                          | -832.208                                                                                                            |
| 300        | WSS                                  | VN000000WSS2         | 50.300.000                                         | 100,0000000                                                                           | 50.300.000                                                                             | 1.103.600                                                                        | 49.196.400                                                                                                          |
| 301        | X20                                  | VN000000X206         | 17.250.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.452.500                                                                              | 23.500                                                                           | 8.429.000                                                                                                           |
| Tổng (STX) |                                      |                      | 20.743.555.140                                     |                                                                                       | 7.742.387.979                                                                          | 853.209.221                                                                      | 6.889.178.758                                                                                                       |
| VI. UPX    |                                      |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | A32                                  | VN000000A329         | 6.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 2          | AAH                                  | VN000000AAH9         | 117.900.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 3          | AAS                                  | VN000000AAS6         | 229.999.521                                        | 100,0000000                                                                           | 229.999.521                                                                            | 210.716                                                                          | 229.788.805                                                                                                         |
| 4          | AAV                                  | VN000000AAV0         | 68.987.661                                         | 49,0000000                                                                            | 33.803.953                                                                             | 23.876                                                                           | 33.780.077                                                                                                          |
| 5          | ABB                                  | VN000000ABB0         | 1.606.783.948                                      | 16,5000000                                                                            | 265.119.351                                                                            | 201.993.272                                                                      | 63.126.079                                                                                                          |
| 6          | ABC                                  | VN000000ABC8         | 20.393.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 183.068                                                                          | -183.068                                                                                                            |
| 7          | ABI                                  | VN000000ABI5         | 101.347.632                                        | 100,0000000                                                                           | 101.347.632                                                                            | 12.253.520                                                                       | 89.094.112                                                                                                          |
| 8          | ABW                                  | VN000000ABW6         | 301.150.000                                        | 100,0000000                                                                           | 301.150.000                                                                            | 14.900                                                                           | 301.135.100                                                                                                         |
| 9          | ACE                                  | VN000000ACE2         | 3.050.781                                          | 5,0000000                                                                             | 152.539                                                                                | 8.015                                                                            | 144.524                                                                                                             |
| 10         | ACM                                  | VN000000ACM5         | 51.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.990.000                                                                             | 1.343.842                                                                        | 23.646.158                                                                                                          |
| 11         | ACS                                  | VN000000ACS2         | 5.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 6.000                                                                            | -6.000                                                                                                              |
| 12         | ACV                                  | VN000000ACV6         | 3.582.847.523                                      | 49,0000000                                                                            | 1.755.595.286                                                                          | 61.944.459                                                                       | 1.693.650.827                                                                                                       |
| 13         | AGI                                  | VN000000AGI4         | 4.863.386                                          | 100,0000000                                                                           | 4.863.386                                                                              | 100                                                                              | 4.863.286                                                                                                           |
| 14         | AGF                                  | VN000000AGF0         | 28.109.743                                         | 50,0000000                                                                            | 14.054.871                                                                             | 130.524                                                                          | 13.924.347                                                                                                          |
| 15         | AGM                                  | VN000000AGM6         | 18.200.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 101.860                                                                          | -101.860                                                                                                            |
| 16         | AGP                                  | VN000000AGP9         | 35.810.421                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 7.835                                                                            | -7.835                                                                                                              |
| 17         | AGX                                  | VN000000AGX3         | 10.800.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.292.000                                                                              | 18.900                                                                           | 5.273.100                                                                                                           |
| 18         | AIC                                  | VN000000AIC3         | 100.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 100.000.000                                                                            | 75.070.901                                                                       | 24.929.099                                                                                                          |
| 19         | AIG                                  | VN000000AIG4         | 170.601.298                                        | 50,0000000                                                                            | 85.300.649                                                                             | 76.645.361                                                                       | 8.655.288                                                                                                           |
| 20         | ALC                                  | VN000000ALC7         | 56.470.620                                         | 49,0000000                                                                            | 27.670.603                                                                             | 22.432.124                                                                       | 5.238.479                                                                                                           |
| 21         | ALV                                  | VN000000ALV7         | 9.618.358                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 26.524                                                                           | -26.524                                                                                                             |
| 22         | AMP                                  | VN000000AMP7         | 13.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.370.000                                                                              | 0                                                                                | 6.370.000                                                                                                           |
| 23         | AMS                                  | VN000000AMS1         | 60.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 29.400.000                                                                             | 21.459.893                                                                       | 7.940.107                                                                                                           |
| 24         | ANI                                  | VN000000ANI0         | 23.999.270                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 31.194                                                                           | -31.194                                                                                                             |
| 25         | APC                                  | VN000000APC8         | 20.121.395                                         | 49,0000000                                                                            | 9.859.483                                                                              | 2.985.965                                                                        | 6.873.518                                                                                                           |
| 26         | APF                                  | VN000000APF1         | 36.021.756                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 27         | APL                                  | VN000000APL9         | 1.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 588.000                                                                                | 0                                                                                | 588.000                                                                                                             |
| 28         | APP                                  | VN000000APP0         | 4.724.632                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 32.393                                                                           | -32.393                                                                                                             |
| 29         | APT                                  | VN000000APT2         | 8.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.312.000                                                                              | 0                                                                                | 4.312.000                                                                                                           |
| 30         | ART                                  | VN000000ART8         | 96.922.509                                         | 100,0000000                                                                           | 96.922.509                                                                             | 638.532                                                                          | 96.283.977                                                                                                          |
| 31         | ASA                                  | VN000000ASA6         | 10.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 4.900.000                                                                              | 25.300                                                                           | 4.874.700                                                                                                           |
| 32         | ATA                                  | VN000000ATA4         | 11.999.998                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 8.020                                                                            | -8.020                                                                                                              |
| 33         | ATB                                  | VN000000ATB2         | 13.884.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.803.160                                                                              | 8.100                                                                            | 6.795.060                                                                                                           |
| 34         | ATG                                  | VN000000ATG1         | 15.220.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.457.800                                                                              | 1.830                                                                            | 7.455.970                                                                                                           |
| 35         | AVC                                  | VN000000AVC6         | 75.052.052                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 36         | AVF                                  | VN000000AVF9         | 43.338.000                                         | 49,0000000                                                                            | 21.235.620                                                                             | 91.111                                                                           | 21.144.509                                                                                                          |
| 37         | AVG                                  | VN000000AVG7         | 17.679.982                                         | 50,0000000                                                                            | 8.839.991                                                                              | 29.000                                                                           | 8.810.991                                                                                                           |
| 38         | B82                                  | VN000000B822         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 23.135                                                                           | 2.426.865                                                                                                           |
| 39         | BAL                                  | VN000000BAL9         | 2.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 980.000                                                                                | 0                                                                                | 980.000                                                                                                             |
| 40         | BAM                                  | VN000000BAM7         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                             | 73.200                                                                           | 14.626.800                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 34<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    |                                                                                             |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 41         | BBH                                  | VN000000BBH5         | 2.047.932                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.003.486                                                                              | 0                                                                                | 1.003.486                                                                                                           |
| 42         | BBM                                  | VN000000BBM5         | 2.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 980.000                                                                                | 2.000                                                                            | 978.000                                                                                                             |
| 43         | BBT                                  | VN000000BBT0         | 19.600.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 9.800.000                                                                              | 76.730                                                                           | 9.723.270                                                                                                           |
| 44         | BCA                                  | VN000000BCA8         | 50.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 45         | BCB                                  | VN000000BCB6         | 5.700.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 46         | BCG                                  | VN000000BCG5         | 880.210.644                                        | 50,0000000                                                                                  | 440.105.322                                                                            | 9.999.522                                                                        | 430.105.800                                                                                                         |
| 47         | BCP                                  | VN000000BCP6         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 194.600                                                                          | -194.600                                                                                                            |
| 48         | BCR                                  | VN000000BCR2         | 473.799.913                                        | 50,0000000                                                                                  | 236.899.956                                                                            | 1.853.965                                                                        | 235.045.991                                                                                                         |
| 49         | BCV                                  | VN000000BCV4         | 1.800.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 50         | BDG                                  | VN000000BDG3         | 24.799.920                                         | 50,0000000                                                                                  | 12.399.960                                                                             | 351.266                                                                          | 12.048.694                                                                                                          |
| 51         | BDT                                  | VN000000BDT6         | 38.600.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.914.000                                                                             | 53.000                                                                           | 18.861.000                                                                                                          |
| 52         | BDW                                  | VN000000BDW0         | 12.410.800                                         | 50,0000000                                                                                  | 6.205.400                                                                              | 8.008                                                                            | 6.197.392                                                                                                           |
| 53         | BEL                                  | VN000000BEL1         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.940.000                                                                              | 0                                                                                | 2.940.000                                                                                                           |
| 54         | BGE                                  | VN000000BGE1         | 730.000.000                                        | 50,0000000                                                                                  | 365.000.000                                                                            | 437.100                                                                          | 364.562.900                                                                                                         |
| 55         | BGM                                  | VN000000BGM4         | 45.753.840                                         | 49,0000000                                                                                  | 22.419.381                                                                             | 19.163                                                                           | 22.400.218                                                                                                          |
| 56         | BGW                                  | VN000000BGW3         | 18.149.446                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 57         | BHA                                  | VN000000BHA7         | 66.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 15.700                                                                           | -15.700                                                                                                             |
| 58         | BHC                                  | VN000000BHC3         | 4.500.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.205.000                                                                              | 9.100                                                                            | 2.195.900                                                                                                           |
| 59         | BHG                                  | VN000000BHG4         | 8.935.643                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 60         | BHH                                  | VN000000BHH2         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 61         | BHI                                  | VN000000BHI0         | 100.000.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 100.000.000                                                                            | 75.019.002                                                                       | 24.980.998                                                                                                          |
| 62         | BHK                                  | VN000000BHK6         | 3.986.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.986.000                                                                              | 200                                                                              | 3.985.800                                                                                                           |
| 63         | BHP                                  | VN000000BHP5         | 9.179.290                                          | 50,0000000                                                                                  | 4.589.645                                                                              | 2.650                                                                            | 4.586.995                                                                                                           |
| 64         | BIG                                  | VN000000BIG2         | 34.181.452                                         | 49,0000000                                                                                  | 16.748.911                                                                             | 350.620                                                                          | 16.398.291                                                                                                          |
| 65         | BII                                  | VN000000BII8         | 57.680.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 53.600                                                                           | -53.600                                                                                                             |
| 66         | BIO                                  | VN000000BIO6         | 8.562.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 67         | BLF                                  | VN000000BLF8         | 11.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 270.041                                                                          | -270.041                                                                                                            |
| 68         | BLI                                  | VN000000BLI2         | 60.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 29.400.000                                                                             | 698.138                                                                          | 28.701.862                                                                                                          |
| 69         | BLN                                  | VN000000BLN2         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.450.000                                                                              | 100                                                                              | 2.449.900                                                                                                           |
| 70         | BLT                                  | VN000000BLT9         | 4.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 71         | BLU                                  | VN000000BLU7         | 1.337.600                                          | 100,0000000                                                                                 | 1.337.600                                                                              | 0                                                                                | 1.337.600                                                                                                           |
| 72         | BMD                                  | VN000000BMD1         | 2.753.280                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 73         | BMF                                  | VN000000BMF6         | 15.848.063                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 74         | BMG                                  | VN000000BMG4         | 5.292.000                                          | 20,0000000                                                                                  | 1.058.400                                                                              | 1.014.300                                                                        | 44.100                                                                                                              |
| 75         | BMJ                                  | VN000000BMJ8         | 104.999.978                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 27.100                                                                           | -27.100                                                                                                             |
| 76         | BMK                                  | VN000000BMK6         | 8.023.932                                          | 50,0000000                                                                                  | 4.011.966                                                                              | 401.674                                                                          | 3.610.292                                                                                                           |
| 77         | BMS                                  | VN000000BMS9         | 215.148.036                                        | 100,0000000                                                                                 | 215.148.036                                                                            | 6.327                                                                            | 215.141.709                                                                                                         |
| 78         | BMV                                  | VN000000BMV3         | 24.200.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 700                                                                              | -700                                                                                                                |
| 79         | BNW                                  | VN000000BNW9         | 37.549.391                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 80         | BOT                                  | VN000000BOT3         | 59.246.800                                         | 51,0000000                                                                                  | 30.215.868                                                                             | 191.326                                                                          | 30.024.542                                                                                                          |
| 81         | BQB                                  | VN000000BQB6         | 5.800.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 82         | BQP                                  | VN000000BQP6         | 18.500.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 18.500.000                                                                             | 1.400                                                                            | 18.498.600                                                                                                          |
| 83         | BRR                                  | VN000000BRR0         | 112.500.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 84         | BRS                                  | VN000000BRS8         | 4.541.950                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 85         | BSA                                  | VN000000BSA4         | 66.850.975                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 86         | BSD                                  | VN000000BSD8         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 12.100                                                                           | -12.100                                                                                                             |
| 87         | BSG                                  | VN000000BSG1         | 60.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 88         | BSH                                  | VN000000BSH9         | 18.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 18.000.000                                                                             | 52.400                                                                           | 17.947.600                                                                                                          |
| 89         | BSL                                  | VN000000BSL1         | 45.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 22.500.000                                                                             | 19.213                                                                           | 22.480.787                                                                                                          |
| 90         | BSP                                  | VN000000BSP2         | 12.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.650                                                                            | -3.650                                                                                                              |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 35<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 91         | BSQ                                  | VN000000BSQ0         | 45.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 22.500.000                                                                             | 100                                                                              | 22.499.900                                                                                                          |
| 92         | BT1                                  | VN000000BT18         | 10.000.106                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 93         | BT6                                  | VN000000BT67         | 32.993.550                                         | 49,0000000                                                                                  | 16.166.839                                                                             | 2.731.130                                                                        | 13.435.709                                                                                                          |
| 94         | BTB                                  | VN000000BTB0         | 7.691.226                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.768.700                                                                              | 1.100                                                                            | 3.767.600                                                                                                           |
| 95         | BTD                                  | VN000000BTD6         | 6.414.100                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 23.000                                                                           | -23.000                                                                                                             |
| 96         | BTG                                  | VN000000BTG9         | 1.190.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 583.100                                                                                | 0                                                                                | 583.100                                                                                                             |
| 97         | BTH                                  | VN000000BTH7         | 25.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 12.250.000                                                                             | 49.213                                                                           | 12.200.787                                                                                                          |
| 98         | BTN                                  | VN000000BTN5         | 4.465.570                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 99         | BTU                                  | VN000000BTU0         | 3.600.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 100        | BTV                                  | VN000000BTV8         | 25.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 30                                                                               | -30                                                                                                                 |
| 101        | BVG                                  | VN000000BVG5         | 9.750.948                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.777.964                                                                              | 9.056                                                                            | 4.768.908                                                                                                           |
| 102        | BVL                                  | VN000000BVL5         | 107.293.493                                        | 49,0000000                                                                                  | 52.573.811                                                                             | 240                                                                              | 52.573.571                                                                                                          |
| 103        | BVN                                  | VN000000BVN1         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.200                                                                            | -3.200                                                                                                              |
| 104        | BWA                                  | VN000000BWA6         | 2.700.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.323.000                                                                              | 600                                                                              | 1.322.400                                                                                                           |
| 105        | BWS                                  | VN000000BWS8         | 100.007.569                                        | 49,0000000                                                                                  | 49.003.708                                                                             | 595.985                                                                          | 48.407.723                                                                                                          |
| 106        | C12                                  | VN000000C127         | 4.850.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.376.500                                                                              | 0                                                                                | 2.376.500                                                                                                           |
| 107        | C21                                  | VN000000C218         | 19.336.371                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.474.821                                                                              | 9.710                                                                            | 9.465.111                                                                                                           |
| 108        | C22                                  | VN000000C226         | 3.550.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 109        | C4G                                  | VN000000C4G0         | 357.300.754                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 99.497                                                                           | -99.497                                                                                                             |
| 110        | C92                                  | VN000000C929         | 5.312.920                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 127.953                                                                          | -127.953                                                                                                            |
| 111        | CAD                                  | VN000000CAD4         | 8.799.927                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.311.964                                                                              | 718.866                                                                          | 3.593.098                                                                                                           |
| 112        | CAF                                  | VN000000CAF9         | 6.600.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.000                                                                            | -3.000                                                                                                              |
| 113        | CAT                                  | VN000000CAT0         | 14.373.166                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.042.851                                                                              | 103.575                                                                          | 6.939.276                                                                                                           |
| 114        | CBI                                  | VN000000CBI1         | 43.006.366                                         | 49,0000000                                                                                  | 21.073.119                                                                             | 1.000                                                                            | 21.072.119                                                                                                          |
| 115        | CBS                                  | VN000000CBS0         | 5.291.868                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 116        | CBV                                  | VN000000CBV4         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 12.000.000                                                                             | 10.692.040                                                                       | 1.307.960                                                                                                           |
| 117        | CC1                                  | VN000000CC16         | 474.656.100                                        | 49,0000000                                                                                  | 232.581.489                                                                            | 4.463                                                                            | 232.577.026                                                                                                         |
| 118        | CCA                                  | VN000000CCA6         | 25.082.990                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 20.514                                                                           | -20.514                                                                                                             |
| 119        | CCD                                  | VN000000CCD0         | 1.300.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 1.300.000                                                                              | 0                                                                                | 1.300.000                                                                                                           |
| 120        | CCM                                  | VN000000CCM1         | 6.199.900                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 4.996                                                                            | -4.996                                                                                                              |
| 121        | CCP                                  | VN000000CCP4         | 2.400.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.176.000                                                                              | 0                                                                                | 1.176.000                                                                                                           |
| 122        | CCS                                  | VN000000CCS8         | 8.029.080                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 114.000                                                                          | -114.000                                                                                                            |
| 123        | CCT                                  | VN000000CCT6         | 28.480.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.900                                                                            | -3.900                                                                                                              |
| 124        | CCV                                  | VN000000CCV2         | 1.800.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 882.000                                                                                | 0                                                                                | 882.000                                                                                                             |
| 125        | CDG                                  | VN000000CDG1         | 3.464.995                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 126        | CDO                                  | VN000000CDO5         | 31.504.975                                         | 49,0000000                                                                                  | 15.437.437                                                                             | 89.700                                                                           | 15.347.737                                                                                                          |
| 127        | CDP                                  | VN000000CDP2         | 18.270.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 128        | CDR                                  | VN000000CDR8         | 2.133.271                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 129        | CEN                                  | VN000000CEN5         | 21.712.440                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 130        | CFM                                  | VN000000CFM4         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 9.100                                                                            | -9.100                                                                                                              |
| 131        | CFV                                  | VN000000CFV5         | 12.650.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 132        | CGP                                  | VN000000CGP5         | 10.735.708                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.260.496                                                                              | 65.870                                                                           | 5.194.626                                                                                                           |
| 133        | CGV                                  | VN000000CGV3         | 9.499.956                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 4.510                                                                            | -4.510                                                                                                              |
| 134        | CH5                                  | VN000000CH52         | 3.732.450                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 135        | CHC                                  | VN000000CHC1         | 6.731.596                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 136        | CHS                                  | VN000000CHS7         | 28.400.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 13.916.000                                                                             | 1.046.300                                                                        | 12.869.700                                                                                                          |
| 137        | CI5                                  | VN000000CI51         | 2.700.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.323.000                                                                              | 100                                                                              | 1.322.900                                                                                                           |
| 138        | CID                                  | VN000000CID7         | 1.082.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 530.180                                                                                | 4.600                                                                            | 525.580                                                                                                             |
| 139        | CIP                                  | VN000000CIP1         | 4.545.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 140        | CK8                                  | VN000000CK81         | 3.000.000                                          | 50,0000000                                                                                  | 1.500.000                                                                              | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 141        | CKA                                  | VN000000CKA9         | 3.286.404                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 6.000                                                                            | -6.000                                                                                                              |
| 142        | CKD                                  | VN000000CKD3         | 31.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 15.190.000                                                                             | 9.000                                                                            | 15.181.000                                                                                                          |
| 143        | CLG                                  | VN000000CLG4         | 21.150.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.363.500                                                                             | 112.730                                                                          | 10.250.770                                                                                                          |
| 144        | CLI                                  | VN000000CLI0         | 91.600.000                                         | 50,0000000                                                                            | 45.800.000                                                                             | 11.013.313                                                                       | 34.786.687                                                                                                          |
| 145        | CLX                                  | VN000000CLX9         | 86.600.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 759.200                                                                          | -759.200                                                                                                            |
| 146        | CMD                                  | VN000000CMD9         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.600                                                                            | -3.600                                                                                                              |
| 147        | CMF                                  | VN000000CMF4         | 8.100.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.969.000                                                                              | 1.989.773                                                                        | 1.979.227                                                                                                           |
| 148        | CMI                                  | VN000000CMI8         | 16.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.840.000                                                                              | 59.500                                                                           | 7.780.500                                                                                                           |
| 149        | CMK                                  | VN000000CMK4         | 1.432.578                                          | 49,0000000                                                                            | 701.963                                                                                | 0                                                                                | 701.963                                                                                                             |
| 150        | CMM                                  | VN000000CMM0         | 97.899.998                                         | 50,0000000                                                                            | 48.949.999                                                                             | 0                                                                                | 48.949.999                                                                                                          |
| 151        | CMN                                  | VN000000CMN8         | 14.400.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.056.000                                                                              | 58.426                                                                           | 6.997.574                                                                                                           |
| 152        | CMP                                  | VN000000CMP3         | 32.405.415                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 153        | CMT                                  | VN000000CMT5         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                              | 270.068                                                                          | 3.649.932                                                                                                           |
| 154        | CMW                                  | VN000000CMW9         | 15.534.900                                         | 49,0000000                                                                            | 7.612.101                                                                              | 700                                                                              | 7.611.401                                                                                                           |
| 155        | CNA                                  | VN000000CNA3         | 3.415.555                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 156        | CNC                                  | VN000000CNC9         | 11.364.325                                         | 49,0000000                                                                            | 5.568.519                                                                              | 852.840                                                                          | 4.715.679                                                                                                           |
| 157        | CNN                                  | VN000000CNN6         | 8.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.312.000                                                                              | 0                                                                                | 4.312.000                                                                                                           |
| 158        | CNT                                  | VN000000CNT3         | 65.480.283                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 99.528                                                                           | -99.528                                                                                                             |
| 159        | CPA                                  | VN000000CPA8         | 23.627.990                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 160        | CPH                                  | VN000000CPH3         | 4.400.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.156.000                                                                              | 0                                                                                | 2.156.000                                                                                                           |
| 161        | CPI                                  | VN000000CPI1         | 36.505.000                                         | 49,0000000                                                                            | 17.887.450                                                                             | 0                                                                                | 17.887.450                                                                                                          |
| 162        | CQN                                  | VN000000CQN9         | 75.049.936                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 200                                                                              | -200                                                                                                                |
| 163        | CQT                                  | VN000000CQT6         | 25.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.250.000                                                                             | 1.100                                                                            | 12.248.900                                                                                                          |
| 164        | CSI                                  | VN000000CSI5         | 16.800.000                                         | 100,0000000                                                                           | 16.800.000                                                                             | 1.834.510                                                                        | 14.965.490                                                                                                          |
| 165        | CT3                                  | VN000000CT33         | 8.799.849                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 166        | CT6                                  | VN000000CT66         | 6.108.078                                          | 49,0000000                                                                            | 2.992.958                                                                              | 2.100                                                                            | 2.990.858                                                                                                           |
| 167        | CTA                                  | VN000000CTA0         | 9.654.381                                          | 49,0000000                                                                            | 4.730.646                                                                              | 24.350                                                                           | 4.706.296                                                                                                           |
| 168        | CTC                                  | VN000000CTC6         | 15.799.926                                         | 49,0000000                                                                            | 7.741.963                                                                              | 76.471                                                                           | 7.665.492                                                                                                           |
| 169        | CTN                                  | VN000000CTN3         | 6.958.345                                          | 49,0000000                                                                            | 3.409.589                                                                              | 106.115                                                                          | 3.303.474                                                                                                           |
| 170        | CTW                                  | VN000000CTW4         | 28.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.700                                                                            | -2.700                                                                                                              |
| 171        | CTX                                  | VN000000CTX2         | 100.406.740                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.815                                                                            | -3.815                                                                                                              |
| 172        | CVN                                  | VN000000CVN9         | 29.699.991                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 540                                                                              | -540                                                                                                                |
| 173        | CYC                                  | VN000000CYC6         | 1.990.530                                          | 49,0000000                                                                            | 975.359                                                                                | 967.320                                                                          | 8.039                                                                                                               |
| 174        | DAC                                  | VN000000DAC4         | 1.004.974                                          | 49,0000000                                                                            | 492.437                                                                                | 64.934                                                                           | 427.503                                                                                                             |
| 175        | DAG                                  | VN000000DAG5         | 60.314.112                                         | 49,0000000                                                                            | 29.553.914                                                                             | 521.143                                                                          | 29.032.771                                                                                                          |
| 176        | DAN                                  | VN000000DAN1         | 20.938.000                                         | 50,0000000                                                                            | 10.469.000                                                                             | 19.347                                                                           | 10.449.653                                                                                                          |
| 177        | DAS                                  | VN000000DAS0         | 4.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 178        | DBM                                  | VN000000DBM1         | 1.941.588                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 20.720                                                                           | -20.720                                                                                                             |
| 179        | DC1                                  | VN000000DC15         | 6.080.778                                          | 49,0000000                                                                            | 2.979.581                                                                              | 41.899                                                                           | 2.937.682                                                                                                           |
| 180        | DCF                                  | VN000000DCF3         | 59.358.680                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 4.033                                                                            | -4.033                                                                                                              |
| 181        | DCG                                  | VN000000DCG1         | 6.825.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 358.332                                                                          | -358.332                                                                                                            |
| 182        | DCH                                  | VN000000DCH9         | 2.880.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.411.200                                                                              | 0                                                                                | 1.411.200                                                                                                           |
| 183        | DCR                                  | VN000000DCR8         | 6.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 184        | DCS                                  | VN000000DCS6         | 60.310.988                                         | 49,0000000                                                                            | 29.552.384                                                                             | 335.761                                                                          | 29.216.623                                                                                                          |
| 185        | DCT                                  | VN000000DCT4         | 27.223.647                                         | 49,0000000                                                                            | 13.339.587                                                                             | 105.312                                                                          | 13.234.275                                                                                                          |
| 186        | DCV                                  | VN000000DCV0         | 31.201.143                                         | 100,0000000                                                                           | 31.201.143                                                                             | 29.346.360                                                                       | 1.854.783                                                                                                           |
| 187        | DDB                                  | VN000000DDB0         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 188        | DDG                                  | VN000000DDG9         | 79.839.886                                         | 50,0000000                                                                            | 39.919.943                                                                             | 409.950                                                                          | 39.509.993                                                                                                          |
| 189        | DDH                                  | VN000000DDH7         | 3.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.764.000                                                                              | 0                                                                                | 1.764.000                                                                                                           |
| 190        | DDM                                  | VN000000DDM7         | 12.244.495                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 13.072                                                                           | -13.072                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 37                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 191        | DDN                                  | VN000000DDN5         | 16.116.383                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 33.674                                                                           | -33.674                                                                                                             |
| 192        | DDV                                  | VN000000DDV8         | 146.109.900                                        | 49,0000000                                                                            | 71.593.851                                                                             | 4.279.600                                                                        | 67.314.251                                                                                                          |
| 193        | DFC                                  | VN000000DFC3         | 11.400.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 194        | DFE                                  | VN000000DFE6         | 80.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 39.200.000                                                                             | 450.100                                                                          | 38.749.900                                                                                                          |
| 195        | DGT                                  | VN000000DGT5         | 79.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 38.710.000                                                                             | 4.160.300                                                                        | 34.549.700                                                                                                          |
| 196        | DHB                                  | VN000000DHB1         | 272.200.000                                        | 49,0000000                                                                            | 133.378.000                                                                            | 12.100                                                                           | 133.365.900                                                                                                         |
| 197        | DHD                                  | VN000000DHD7         | 48.594.304                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 27.977                                                                           | -27.977                                                                                                             |
| 198        | DHN                                  | VN000000DHN6         | 6.290.900                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 199        | DHQ                                  | VN000000DHQ9         | 1.950.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 200        | DIC                                  | VN000000DIC7         | 26.585.840                                         | 49,0000000                                                                            | 13.027.061                                                                             | 46.738                                                                           | 12.980.323                                                                                                          |
| 201        | DID                                  | VN000000DID5         | 15.622.552                                         | 50,0000000                                                                            | 7.811.276                                                                              | 200                                                                              | 7.811.076                                                                                                           |
| 202        | DKC                                  | VN000000DKC3         | 2.288.540                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 203        | DKG                                  | VN000000DKG4         | 14.375.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.043.750                                                                              | 0                                                                                | 7.043.750                                                                                                           |
| 204        | DKH                                  | VN000000DKH2         | 212.036                                            | 100,0000000                                                                           | 212.036                                                                                | 0                                                                                | 212.036                                                                                                             |
| 205        | DLD                                  | VN000000DLD9         | 9.307.415                                          | 49,0000000                                                                            | 4.560.633                                                                              | 0                                                                                | 4.560.633                                                                                                           |
| 206        | DLR                                  | VN000000DLR9         | 4.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 212.000                                                                          | -212.000                                                                                                            |
| 207        | DLT                                  | VN000000DLT5         | 2.500.056                                          | 49,0000000                                                                            | 1.225.027                                                                              | 1.000                                                                            | 1.224.027                                                                                                           |
| 208        | DM7                                  | VN000000DM70         | 15.411.100                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 209        | DMH                                  | VN000000DMH8         | 2.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.225.000                                                                              | 0                                                                                | 1.225.000                                                                                                           |
| 210        | DMN                                  | VN000000DMN6         | 12.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 211        | DNA                                  | VN000000DNA1         | 56.329.567                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 576                                                                              | -576                                                                                                                |
| 212        | DND                                  | VN000000DND5         | 12.834.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 40.100                                                                           | -40.100                                                                                                             |
| 213        | DNE                                  | VN000000DNE3         | 5.773.600                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 66.900                                                                           | -66.900                                                                                                             |
| 214        | DNH                                  | VN000000DNH6         | 422.400.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 700                                                                              | -700                                                                                                                |
| 215        | DNL                                  | VN000000DNL8         | 4.310.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 16.680                                                                           | -16.680                                                                                                             |
| 216        | DNM                                  | VN000000DNM6         | 5.253.070                                          | 50,0000000                                                                            | 2.626.535                                                                              | 186.825                                                                          | 2.439.710                                                                                                           |
| 217        | DNN                                  | VN000000DNN4         | 57.964.061                                         | 49,0000000                                                                            | 28.402.389                                                                             | 0                                                                                | 28.402.389                                                                                                          |
| 218        | DNT                                  | VN000000DNT1         | 7.459.675                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 219        | DNW                                  | VN000000DNW5         | 120.000.000                                        | 9,5000000                                                                             | 11.400.000                                                                             | 56.437                                                                           | 11.343.563                                                                                                          |
| 220        | DO3                                  | VN000000DO37         | 2.100.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 221        | DOC                                  | VN000000DOC5         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 222        | DOP                                  | VN000000DOP7         | 4.719.950                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 7.200                                                                            | -7.200                                                                                                              |
| 223        | DP1                                  | VN000000DP10         | 20.979.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 224        | DP2                                  | VN000000DP28         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                              | 0                                                                                | 9.800.000                                                                                                           |
| 225        | DPC                                  | VN000000DPC2         | 2.237.280                                          | 100,0000000                                                                           | 2.237.280                                                                              | 30.580                                                                           | 2.206.700                                                                                                           |
| 226        | DPH                                  | VN000000DPH1         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.900                                                                            | -1.900                                                                                                              |
| 227        | DPP                                  | VN000000DPP4         | 3.000.010                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 200                                                                              | -200                                                                                                                |
| 228        | DPS                                  | VN000000DPS8         | 31.085.257                                         | 49,0000000                                                                            | 15.231.775                                                                             | 105.161                                                                          | 15.126.614                                                                                                          |
| 229        | DRG                                  | VN000000DRG9         | 155.800.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 5.500                                                                            | -5.500                                                                                                              |
| 230        | DRI                                  | VN000000DRI5         | 73.200.000                                         | 50,0000000                                                                            | 36.600.000                                                                             | 864.479                                                                          | 35.735.521                                                                                                          |
| 231        | DSD                                  | VN000000DSD4         | 58.399.756                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 232        | DSG                                  | VN000000DSG7         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                             | 50.100                                                                           | 14.649.900                                                                                                          |
| 233        | DSH                                  | VN000000DSH5         | 35.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 234        | DSP                                  | VN000000DSP8         | 118.684.000                                        | 49,0000000                                                                            | 58.155.160                                                                             | 0                                                                                | 58.155.160                                                                                                          |
| 235        | DTC                                  | VN000000DTC4         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 144.789                                                                          | -144.789                                                                                                            |
| 236        | DTE                                  | VN000000DTE0         | 50.725.887                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 6.000                                                                            | -6.000                                                                                                              |
| 237        | DTH                                  | VN000000DTH3         | 7.471.614                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 238        | DTI                                  | VN000000DTI1         | 13.488.800                                         | 49,0000000                                                                            | 6.609.512                                                                              | 0                                                                                | 6.609.512                                                                                                           |
| 239        | DTP                                  | VN000000DTP6         | 40.572.559                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 240        | DUS                                  | VN000000DUS8         | 5.614.300                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 38<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 241        | DVC                                  | VN000000DVC0         | 10.793.670                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 242        | DVG                                  | VN000000DVG1         | 28.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 29.600                                                                           | -29.600                                                                                                             |
| 243        | DVN                                  | VN000000DVN7         | 237.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 70.000                                                                           | -70.000                                                                                                             |
| 244        | DVT                                  | VN000000DVT4         | 279.300                                            | 100,0000000                                                                                 | 279.300                                                                                | 0                                                                                | 279.300                                                                                                             |
| 245        | DVW                                  | VN000000DVW8         | 2.345.000                                          | 9,5000000                                                                                   | 222.775                                                                                | 0                                                                                | 222.775                                                                                                             |
| 246        | DWC                                  | VN000000DWC8         | 31.520.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.200                                                                            | -1.200                                                                                                              |
| 247        | DWS                                  | VN000000DWS4         | 25.918.130                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 248        | DXL                                  | VN000000DXL7         | 3.957.900                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.939.371                                                                              | 73.760                                                                           | 1.865.611                                                                                                           |
| 249        | DZM                                  | VN000000DZM0         | 5.395.985                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.644.032                                                                              | 524.138                                                                          | 2.119.894                                                                                                           |
| 250        | E12                                  | VN000000E123         | 1.200.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 1.200.000                                                                              | 0                                                                                | 1.200.000                                                                                                           |
| 251        | E29                                  | VN000000E297         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.450.000                                                                              | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 252        | ECO                                  | VN000000ECO3         | 29.999.985                                         | 50,0000000                                                                                  | 14.999.992                                                                             | 24.500                                                                           | 14.975.492                                                                                                          |
| 253        | EFI                                  | VN000000EFI8         | 10.880.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.800                                                                            | -2.800                                                                                                              |
| 254        | EGL                                  | VN000000EGL0         | 7.600.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 255        | EIC                                  | VN000000EIC5         | 36.677.145                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 12.728                                                                           | -12.728                                                                                                             |
| 256        | EIN                                  | VN000000EIN2         | 45.407.161                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 15.720                                                                           | -15.720                                                                                                             |
| 257        | EME                                  | VN000000EME3         | 3.780.298                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 116.979                                                                          | -116.979                                                                                                            |
| 258        | EMG                                  | VN000000EMG8         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.470.000                                                                              | 100                                                                              | 1.469.900                                                                                                           |
| 259        | EMS                                  | VN000000EMS3         | 20.999.440                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 399.826                                                                          | -399.826                                                                                                            |
| 260        | ESL                                  | VN000000ESL5         | 65.200.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 31.948.000                                                                             | 0                                                                                | 31.948.000                                                                                                          |
| 261        | F88                                  | VN000000F880         | 220.251.902                                        | 100,0000000                                                                                 | 220.251.902                                                                            | 127.422.845                                                                      | 92.829.057                                                                                                          |
| 262        | FBA                                  | VN000000FBA1         | 3.414.900                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.673.301                                                                              | 33.000                                                                           | 1.640.301                                                                                                           |
| 263        | FBC                                  | VN000000FBC7         | 3.700.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 264        | FCC                                  | VN000000FCC5         | 5.997.040                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.938.549                                                                              | 0                                                                                | 2.938.549                                                                                                           |
| 265        | FCS                                  | VN000000FCS1         | 29.450.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 14.430.500                                                                             | 0                                                                                | 14.430.500                                                                                                          |
| 266        | FDG                                  | VN000000FDG4         | 13.200.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.468.000                                                                              | 4.620                                                                            | 6.463.380                                                                                                           |
| 267        | FGL                                  | VN000000FGL7         | 14.676.300                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 268        | FHN                                  | VN000000FHN1         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 3.000.000                                                                              | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 269        | FHS                                  | VN000000FHS0         | 12.751.462                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 270        | FIC                                  | VN000000FIC2         | 127.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 4.000                                                                            | -4.000                                                                                                              |
| 271        | FOC                                  | VN000000FOC0         | 18.471.275                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.050.924                                                                              | 236.117                                                                          | 8.814.807                                                                                                           |
| 272        | FOX                                  | VN000000FOX6         | 738.763.463                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 11.957                                                                           | -11.957                                                                                                             |
| 273        | FRC                                  | VN000000FRC3         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.470.000                                                                              | 100                                                                              | 1.469.900                                                                                                           |
| 274        | FRM                                  | VN000000FRM2         | 11.700.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 275        | FSO                                  | VN000000FSO6         | 5.624.966                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.756.233                                                                              | 300                                                                              | 2.755.933                                                                                                           |
| 276        | FT1                                  | VN000000FT14         | 7.079.853                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.469.127                                                                              | 16.600                                                                           | 3.452.527                                                                                                           |
| 277        | FTI                                  | VN000000FTI6         | 3.943.710                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 278        | FTM                                  | VN000000FTM8         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 24.500.000                                                                             | 185.130                                                                          | 24.314.870                                                                                                          |
| 279        | FVN                                  | VN000000FVN2         | 282.200                                            | 49,0000000                                                                                  | 138.278                                                                                | 0                                                                                | 138.278                                                                                                             |
| 280        | G20                                  | VN000000G201         | 14.400.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.056.000                                                                              | 3.800                                                                            | 7.052.200                                                                                                           |
| 281        | G30                                  | VN000000G300         | 1.509.750                                          | 100,0000000                                                                                 | 1.509.750                                                                              | 0                                                                                | 1.509.750                                                                                                           |
| 282        | G36                                  | VN000000G367         | 103.745.067                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 283        | GCB                                  | VN000000GCB5         | 4.039.147                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 20                                                                               | -20                                                                                                                 |
| 284        | GCF                                  | VN000000GCF6         | 43.246.471                                         | 100,0000000                                                                                 | 43.246.471                                                                             | 1.063.930                                                                        | 42.182.541                                                                                                          |
| 285        | GDA                                  | VN000000GDA5         | 149.098.851                                        | 49,0000000                                                                                  | 73.058.436                                                                             | 26.921.143                                                                       | 46.137.293                                                                                                          |
| 286        | GDH                                  | VN000000GDH0         | 16.600.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 287        | GE2                                  | VN000000GE28         | 1.186.644.367                                      | 49,0000000                                                                                  | 581.455.739                                                                            | 85.300                                                                           | 581.370.439                                                                                                         |
| 288        | GER                                  | VN000000GER7         | 2.200.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.078.000                                                                              | 200                                                                              | 1.077.800                                                                                                           |
| 289        | GFS                                  | VN000000GFS2         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 290        | GGG                                  | VN000000GGG5         | 29.388.589                                         | 49,0000000                                                                                  | 14.400.408                                                                             | 615.330                                                                          | 13.785.078                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 39                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 291        | GH3                                  | VN000000GH33         | 11.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 292        | GLC                                  | VN000000GLC4         | 10.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.145.000                                                                              | 0                                                                                | 5.145.000                                                                                                           |
| 293        | GLW                                  | VN000000GLW2         | 18.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.820.000                                                                              | 300                                                                              | 8.819.700                                                                                                           |
| 294        | GMC                                  | VN000000GMC2         | 33.000.259                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.555.301                                                                        | -1.555.301                                                                                                          |
| 295        | GND                                  | VN000000GND8         | 9.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 22.300                                                                           | -22.300                                                                                                             |
| 296        | GPC                                  | VN000000GPC5         | 54.072.143                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 297        | GSM                                  | VN000000GSM8         | 28.562.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.000                                                                            | -2.000                                                                                                              |
| 298        | GTC                                  | VN000000GTC7         | 1.032.243                                          | 49,0000000                                                                            | 505.799                                                                                | 0                                                                                | 505.799                                                                                                             |
| 299        | GTD                                  | VN000000GTD5         | 9.300.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 300        | GTS                                  | VN000000GTS3         | 28.499.764                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 301        | GTT                                  | VN000000GTT1         | 43.503.000                                         | 49,0000000                                                                            | 21.316.470                                                                             | 51.075                                                                           | 21.265.395                                                                                                          |
| 302        | GVT                                  | VN000000GVT7         | 11.605.100                                         | 49,0000000                                                                            | 5.686.499                                                                              | 2.212                                                                            | 5.684.287                                                                                                           |
| 303        | H11                                  | VN000000H118         | 1.060.000                                          | 49,0000000                                                                            | 519.400                                                                                | 100                                                                              | 519.300                                                                                                             |
| 304        | HAC                                  | VN000000HAC5         | 129.181.096                                        | 100,0000000                                                                           | 129.181.096                                                                            | 298.816                                                                          | 128.882.280                                                                                                         |
| 305        | HAF                                  | VN000000HAF8         | 14.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.105.000                                                                              | 100                                                                              | 7.104.900                                                                                                           |
| 306        | HAM                                  | VN000000HAM4         | 14.937.048                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 307        | HAN                                  | VN000000HAN2         | 141.048.000                                        | 49,0000000                                                                            | 69.113.520                                                                             | 100                                                                              | 69.113.420                                                                                                          |
| 308        | HAV                                  | VN000000HAV5         | 3.297.860                                          | 100,0000000                                                                           | 3.297.860                                                                              | 400                                                                              | 3.297.460                                                                                                           |
| 309        | HBC                                  | VN000000HBC3         | 347.213.270                                        | 50,0000000                                                                            | 173.606.635                                                                            | 31.288.093                                                                       | 142.318.542                                                                                                         |
| 310        | HBD                                  | VN000000HBD1         | 2.011.100                                          | 50,0000000                                                                            | 1.005.550                                                                              | 5.540                                                                            | 1.000.010                                                                                                           |
| 311        | HBH                                  | VN000000HBH2         | 16.000.000                                         | 30,0000000                                                                            | 4.800.000                                                                              | 131.610                                                                          | 4.668.390                                                                                                           |
| 312        | HC1                                  | VN000000HC11         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                              | 0                                                                                | 3.920.000                                                                                                           |
| 313        | HC3                                  | VN000000HC37         | 20.685.717                                         | 49,0000000                                                                            | 10.136.001                                                                             | 17.352                                                                           | 10.118.649                                                                                                          |
| 314        | HC1                                  | VN000000HC18         | 5.232.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.563.680                                                                              | 0                                                                                | 2.563.680                                                                                                           |
| 315        | HCO                                  | VN000000HCO6         | 12.229.534                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 316        | HD2                                  | VN000000HD28         | 8.962.353                                          | 50,0000000                                                                            | 4.481.176                                                                              | 5.200                                                                            | 4.475.976                                                                                                           |
| 317        | HD6                                  | VN000000HD69         | 15.120.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 318        | HD8                                  | VN000000HD85         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.400                                                                            | -2.400                                                                                                              |
| 319        | HDM                                  | VN000000HDM8         | 20.096.259                                         | 5,0000000                                                                             | 1.004.812                                                                              | 14.328                                                                           | 990.484                                                                                                             |
| 320        | HDO                                  | VN000000HDO4         | 16.959.879                                         | 49,0000000                                                                            | 8.310.340                                                                              | 74.132                                                                           | 8.236.208                                                                                                           |
| 321        | HDP                                  | VN000000HDP1         | 9.934.418                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 14.506                                                                           | -14.506                                                                                                             |
| 322        | HDW                                  | VN000000HDW7         | 31.882.470                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 12.300                                                                           | -12.300                                                                                                             |
| 323        | HEC                                  | VN000000HEC7         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 324        | HEJ                                  | VN000000HEJ2         | 4.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 325        | HEP                                  | VN000000HEP9         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.940.000                                                                              | 171.800                                                                          | 2.768.200                                                                                                           |
| 326        | HES                                  | VN000000HES3         | 9.294.650                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 327        | HFB                                  | VN000000HFB6         | 9.100.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 328        | HFC                                  | VN000000HFC4         | 10.198.105                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 329        | HFX                                  | VN000000HFX0         | 1.270.000                                          | 49,0000000                                                                            | 622.300                                                                                | 0                                                                                | 622.300                                                                                                             |
| 330        | HGT                                  | VN000000HGT6         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                             | 9.800.000                                                                        | 10.200.000                                                                                                          |
| 331        | HHB                                  | VN000000HHB2         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 332        | HHG                                  | VN000000HHG1         | 34.896.354                                         | 49,0000000                                                                            | 17.099.213                                                                             | 176.153                                                                          | 16.923.060                                                                                                          |
| 333        | HHI                                  | VN000000HHI7         | 8.805.631                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 11.968                                                                           | -11.968                                                                                                             |
| 334        | HHN                                  | VN000000HHN7         | 1.440.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 335        | HIO                                  | VN000000HIO3         | 42.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 21.000.000                                                                             | 7.900                                                                            | 20.992.100                                                                                                          |
| 336        | HJC                                  | VN000000HJC6         | 12.853.052                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 68.300                                                                           | -68.300                                                                                                             |
| 337        | HKB                                  | VN000000HKB6         | 51.599.999                                         | 49,0000000                                                                            | 25.283.999                                                                             | 406.845                                                                          | 24.877.154                                                                                                          |
| 338        | HLA                                  | VN000000HLA6         | 34.459.293                                         | 49,0000000                                                                            | 16.885.053                                                                             | 41.230                                                                           | 16.843.823                                                                                                          |
| 339        | HLB                                  | VN000000HLB4         | 3.090.000                                          | 51,0000000                                                                            | 1.575.900                                                                              | 954.900                                                                          | 621.000                                                                                                             |
| 340        | HLO                                  | VN000000HLO7         | 12.099.986                                         | 100,0000000                                                                           | 12.099.986                                                                             | 4.760.320                                                                        | 7.339.666                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 40<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 341        | HLS                                  | VN000000HLS8         | 11.169.125                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 342        | HLT                                  | VN000000HLT6         | 5.500.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 343        | HLY                                  | VN000000HLY6         | 1.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 490.000                                                                                | 9.626                                                                            | 480.374                                                                                                             |
| 344        | HMD                                  | VN000000HMD8         | 6.964.075                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 345        | HMG                                  | VN000000HMG1         | 9.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 346        | HMS                                  | VN000000HMS6         | 10.919.846                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.808                                                                            | -2.808                                                                                                              |
| 347        | HNB                                  | VN000000HNB0         | 9.500.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 32.700                                                                           | -32.700                                                                                                             |
| 348        | HNC                                  | VN000000HNC8         | 68.800.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 33.712.000                                                                             | 0                                                                                | 33.712.000                                                                                                          |
| 349        | HND                                  | VN000000HND6         | 500.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 71.700                                                                           | -71.700                                                                                                             |
| 350        | HNF                                  | VN000000HNF1         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 14.700.000                                                                             | 34.500                                                                           | 14.665.500                                                                                                          |
| 351        | HNG                                  | VN000000HNG9         | 1.108.553.895                                      | 50,0000000                                                                                  | 554.276.947                                                                            | 14.669.340                                                                       | 539.607.607                                                                                                         |
| 352        | HNI                                  | VN000000HNI5         | 23.778.900                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 170.300                                                                          | -170.300                                                                                                            |
| 353        | HNM                                  | VN000000HNM7         | 44.400.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 67.950                                                                           | -67.950                                                                                                             |
| 354        | HNP                                  | VN000000HNP0         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 202.300                                                                          | -202.300                                                                                                            |
| 355        | HNR                                  | VN000000HNR6         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.800.000                                                                              | 9.113.513                                                                        | 686.487                                                                                                             |
| 356        | HNS                                  | VN000000HNS4         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.960.000                                                                              | 0                                                                                | 1.960.000                                                                                                           |
| 357        | HOT                                  | VN000000HOT0         | 8.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.320                                                                            | -1.320                                                                                                              |
| 358        | HPB                                  | VN000000HPB5         | 3.880.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.901.200                                                                              | 2.910                                                                            | 1.898.290                                                                                                           |
| 359        | HPD                                  | VN000000HPD1         | 8.306.590                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.070.229                                                                              | 32.000                                                                           | 4.038.229                                                                                                           |
| 360        | HPH                                  | VN000000HPH2         | 8.400.000                                          | 50,0000000                                                                                  | 4.200.000                                                                              | 0                                                                                | 4.200.000                                                                                                           |
| 361        | HP1                                  | VN000000HP10         | 60.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 362        | HPO                                  | VN000000HPO8         | 5.807.417                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 363        | HPP                                  | VN000000HPP5         | 8.007.177                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.886.336                                                                        | -1.886.336                                                                                                          |
| 364        | HPT                                  | VN000000HPT7         | 11.542.319                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.655.736                                                                              | 381.314                                                                          | 5.274.422                                                                                                           |
| 365        | HPW                                  | VN000000HPW1         | 74.206.940                                         | 49,0000000                                                                                  | 36.361.400                                                                             | 103.600                                                                          | 36.257.800                                                                                                          |
| 366        | HRB                                  | VN000000HRB1         | 6.338.400                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 5.600                                                                            | -5.600                                                                                                              |
| 367        | HSA                                  | VN000000HSA1         | 7.872.727                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.857.636                                                                              | 100                                                                              | 3.857.536                                                                                                           |
| 368        | HSM                                  | VN000000HSM6         | 20.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 300                                                                              | -300                                                                                                                |
| 369        | HSP                                  | VN000000HSP9         | 12.027.086                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.893.272                                                                              | 354.560                                                                          | 5.538.712                                                                                                           |
| 370        | HSV                                  | VN000000HSV7         | 30.749.994                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 16.370                                                                           | -16.370                                                                                                             |
| 371        | HT9                                  | VN000000HT95         | 5.000.000                                          | 51,0000000                                                                                  | 2.550.000                                                                              | 0                                                                                | 2.550.000                                                                                                           |
| 372        | HTE                                  | VN000000HTE1         | 23.608.165                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 800                                                                              | -800                                                                                                                |
| 373        | HTM                                  | VN000000HTM4         | 220.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.525                                                                            | -1.525                                                                                                              |
| 374        | HTP                                  | VN000000HTP7         | 91.804.980                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.700                                                                            | -2.700                                                                                                              |
| 375        | HTS                                  | VN000000HTS1         | 14.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.860.000                                                                              | 0                                                                                | 6.860.000                                                                                                           |
| 376        | HTT                                  | VN000000HTT9         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.800.000                                                                              | 140.780                                                                          | 9.659.220                                                                                                           |
| 377        | HU3                                  | VN000000HU35         | 9.999.944                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.899.972                                                                              | 7.680                                                                            | 4.892.292                                                                                                           |
| 378        | HU4                                  | VN000000HU43         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.350.000                                                                              | 200                                                                              | 7.349.800                                                                                                           |
| 379        | HU6                                  | VN000000HU68         | 7.500.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.675.000                                                                              | 9.788                                                                            | 3.665.212                                                                                                           |
| 380        | HUG                                  | VN000000HUG4         | 19.511.389                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 381        | HVA                                  | VN000000HVA5         | 13.650.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.688.500                                                                              | 3.319.000                                                                        | 3.369.500                                                                                                           |
| 382        | HVX                                  | VN000000HVX7         | 41.525.250                                         | 47,1530000                                                                                  | 19.580.401                                                                             | 349.700                                                                          | 19.230.701                                                                                                          |
| 383        | HWI                                  | VN000000HWI6         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                                 | 1.000.000                                                                              | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 384        | HWS                                  | VN000000HWS5         | 87.600.000                                         | 100,0000000                                                                                 | 87.600.000                                                                             | 925.200                                                                          | 86.674.800                                                                                                          |
| 385        | IBC                                  | VN000000IBC1         | 83.150.661                                         | 31,0000000                                                                                  | 25.776.704                                                                             | 1.104.160                                                                        | 24.672.544                                                                                                          |
| 386        | IBD                                  | VN000000IBD9         | 9.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 387        | IBN                                  | VN000000IBN8         | 1.776.800                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 388        | ICC                                  | VN000000ICC9         | 3.800.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.862.000                                                                              | 4.041                                                                            | 1.857.959                                                                                                           |
| 389        | ICF                                  | VN000000ICF2         | 12.807.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 332.560                                                                          | -332.560                                                                                                            |
| 390        | ICI                                  | VN000000ICI6         | 4.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 391        | ICN                                  | VN000000ICN6         | 30.599.923                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.978                                                                            | -1.978                                                                                                              |
| 392        | IDP                                  | VN000000IDP9         | 61.804.472                                         | 100,0000000                                                                           | 61.804.472                                                                             | 8.215.810                                                                        | 53.588.662                                                                                                          |
| 393        | IFS                                  | VN000000IFS8         | 87.140.984                                         | 100,0000000                                                                           | 87.140.984                                                                             | 85.029.009                                                                       | 2.111.975                                                                                                           |
| 394        | ILA                                  | VN000000ILA4         | 19.641.431                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 972                                                                              | -972                                                                                                                |
| 395        | ILC                                  | VN000000ILC0         | 6.100.391                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 14.600                                                                           | -14.600                                                                                                             |
| 396        | ILS                                  | VN000000ILS6         | 36.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 397        | IME                                  | VN000000IME4         | 3.599.948                                          | 50,0000000                                                                            | 1.799.974                                                                              | 0                                                                                | 1.799.974                                                                                                           |
| 398        | IN4                                  | VN000000IN41         | 1.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 588.000                                                                                | 0                                                                                | 588.000                                                                                                             |
| 399        | IRC                                  | VN000000IRC7         | 17.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 400        | ISG                                  | VN000000ISG6         | 8.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 401        | ISH                                  | VN000000ISH4         | 45.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 69.200                                                                           | -69.200                                                                                                             |
| 402        | IST                                  | VN000000IST9         | 15.008.492                                         | 49,0000000                                                                            | 7.354.161                                                                              | 28.845                                                                           | 7.325.316                                                                                                           |
| 403        | ITA                                  | VN000000ITA7         | 938.463.607                                        | 49,0000000                                                                            | 459.847.167                                                                            | 3.712.226                                                                        | 456.134.941                                                                                                         |
| 404        | ITS                                  | VN000000ITS9         | 26.459.924                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 25.015                                                                           | -25.015                                                                                                             |
| 405        | JOS                                  | VN000000JOS8         | 15.322.723                                         | 49,0000000                                                                            | 7.508.134                                                                              | 40.920                                                                           | 7.467.214                                                                                                           |
| 406        | KCB                                  | VN000000KCB7         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                              | 14.517                                                                           | 3.905.483                                                                                                           |
| 407        | KGM                                  | VN000000KGM5         | 25.430.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 408        | KHD                                  | VN000000KHD2         | 3.262.818                                          | 50,0000000                                                                            | 1.631.409                                                                              | 0                                                                                | 1.631.409                                                                                                           |
| 409        | KHL                                  | VN000000KHL5         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.880.000                                                                              | 70.800                                                                           | 5.809.200                                                                                                           |
| 410        | KHW                                  | VN000000KHW2         | 28.599.996                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 411        | KHX                                  | VN000000KHX0         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 412        | KIP                                  | VN000000KIP4         | 9.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 413        | KNA                                  | VN000000KNA6         | 4.281.600                                          | 49,0000000                                                                            | 2.097.984                                                                              | 0                                                                                | 2.097.984                                                                                                           |
| 414        | KPF                                  | VN000000KPF0         | 60.867.241                                         | 49,0000000                                                                            | 29.824.948                                                                             | 86.224                                                                           | 29.738.724                                                                                                          |
| 415        | KSH                                  | VN000000KSH0         | 57.509.675                                         | 49,0000000                                                                            | 28.179.740                                                                             | 126.135                                                                          | 28.053.605                                                                                                          |
| 416        | KSQ                                  | VN000000KSQ1         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                             | 153.600                                                                          | 14.546.400                                                                                                          |
| 417        | KSS                                  | VN000000KSS7         | 49.432.500                                         | 49,0000000                                                                            | 24.221.925                                                                             | 634.636                                                                          | 23.587.289                                                                                                          |
| 418        | KTB                                  | VN000000KTBI         | 40.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 19.698.000                                                                             | 334.520                                                                          | 19.363.480                                                                                                          |
| 419        | KTC                                  | VN000000KTC9         | 36.473.833                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 420        | KTL                                  | VN000000KTL0         | 19.200.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 20.000                                                                           | -20.000                                                                                                             |
| 421        | KTT                                  | VN000000KTT3         | 2.955.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 18.405                                                                           | -18.405                                                                                                             |
| 422        | KVC                                  | VN000000KVC5         | 49.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 350.838                                                                          | -350.838                                                                                                            |
| 423        | L12                                  | VN000000L128         | 7.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.430.000                                                                              | 2.000                                                                            | 3.428.000                                                                                                           |
| 424        | L35                                  | VN000000L359         | 3.265.155                                          | 49,0000000                                                                            | 1.599.925                                                                              | 200                                                                              | 1.599.725                                                                                                           |
| 425        | L43                                  | VN000000L433         | 3.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.715.000                                                                              | 2.200                                                                            | 1.712.800                                                                                                           |
| 426        | L45                                  | VN000000L458         | 4.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.352.000                                                                              | 10.000                                                                           | 2.342.000                                                                                                           |
| 427        | L61                                  | VN000000L615         | 7.576.200                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 108                                                                              | -108                                                                                                                |
| 428        | L62                                  | VN000000L623         | 8.298.243                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 429        | L63                                  | VN000000L631         | 8.279.361                                          | 49,0000000                                                                            | 4.056.886                                                                              | 0                                                                                | 4.056.886                                                                                                           |
| 430        | LAI                                  | VN000000LAI4         | 27.359.969                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 431        | LAW                                  | VN000000LAW5         | 12.200.000                                         | 50,0000000                                                                            | 6.100.000                                                                              | 0                                                                                | 6.100.000                                                                                                           |
| 432        | LCC                                  | VN000000LCC3         | 5.838.999                                          | 49,0000000                                                                            | 2.861.109                                                                              | 0                                                                                | 2.861.109                                                                                                           |
| 433        | LCM                                  | VN000000LCM2         | 24.633.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.070.170                                                                             | 994.545                                                                          | 11.075.625                                                                                                          |
| 434        | LCS                                  | VN000000LCS9         | 7.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.724.000                                                                              | 800                                                                              | 3.723.200                                                                                                           |
| 435        | LDW                                  | VN000000LDW9         | 78.800.000                                         | 50,0000000                                                                            | 39.400.000                                                                             | 200                                                                              | 39.399.800                                                                                                          |
| 436        | LEC                                  | VN000000LEC9         | 26.100.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.789.000                                                                             | 732                                                                              | 12.788.268                                                                                                          |
| 437        | LG9                                  | VN000000LG94         | 5.026.600                                          | 49,0000000                                                                            | 2.463.034                                                                              | 0                                                                                | 2.463.034                                                                                                           |
| 438        | LIC                                  | VN000000LIC0         | 90.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 439        | LKW                                  | VN000000LKW4         | 2.500.000                                          | 9,5000000                                                                             | 237.500                                                                                | 73.726                                                                           | 163.774                                                                                                             |
| 440        | LLM                                  | VN000000LLM3         | 79.726.104                                         | 49,0000000                                                                            | 39.065.790                                                                             | 12.000                                                                           | 39.053.790                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 441        | LM3                                  | VN000000LM39         | 5.150.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 33.800                                                                           | -33.800                                                                                                             |
| 442        | LM7                                  | VN000000LM70         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 22.401                                                                           | 2.427.599                                                                                                           |
| 443        | LMC                                  | VN000000LMC2         | 1.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 444        | LMH                                  | VN000000LMH1         | 25.629.995                                         | 100,0000000                                                                           | 25.629.995                                                                             | 1.010                                                                            | 25.628.985                                                                                                          |
| 445        | LMI                                  | VN000000LMI9         | 5.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 65.900                                                                           | -65.900                                                                                                             |
| 446        | LNC                                  | VN000000LNC0         | 8.230.067                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 447        | LO5                                  | VN000000LO52         | 5.149.791                                          | 49,0000000                                                                            | 2.523.397                                                                              | 44.298                                                                           | 2.479.099                                                                                                           |
| 448        | LPT                                  | VN000000LPT9         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 449        | LQN                                  | VN000000LQN0         | 1.893.540                                          | 49,0000000                                                                            | 927.834                                                                                | 0                                                                                | 927.834                                                                                                             |
| 450        | LSG                                  | VN000000LSG0         | 90.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 30.000                                                                           | -30.000                                                                                                             |
| 451        | LTC                                  | VN000000LTC7         | 4.586.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.247.140                                                                              | 85.286                                                                           | 2.161.854                                                                                                           |
| 452        | LTG                                  | VN000000LTG8         | 100.741.465                                        | 49,0000000                                                                            | 49.363.317                                                                             | 33.745.237                                                                       | 15.618.080                                                                                                          |
| 453        | LTQ                                  | VN000000LTQ7         | 1.781.200                                          | 52,9700000                                                                            | 943.501                                                                                | 0                                                                                | 943.501                                                                                                             |
| 454        | LUT                                  | VN000000LUT9         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                              | 80.285                                                                           | 7.269.715                                                                                                           |
| 455        | M10                                  | VN000000M100         | 31.751.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 456        | MA1                                  | VN000000MA16         | 10.050.392                                         | 50,0000000                                                                            | 5.025.196                                                                              | 0                                                                                | 5.025.196                                                                                                           |
| 457        | MBN                                  | VN000000MBN0         | 5.750.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 458        | MBT                                  | VN000000MBT7         | 3.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 459        | MCG                                  | VN000000MCG2         | 57.510.000                                         | 49,0000000                                                                            | 28.179.900                                                                             | 69.440                                                                           | 28.110.460                                                                                                          |
| 460        | MDA                                  | VN000000MDA3         | 1.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 461        | MDD                                  | VN000000MDD7         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                              | 0                                                                                | 7.350.000                                                                                                           |
| 462        | MDF                                  | VN000000MDF2         | 55.113.595                                         | 49,0000000                                                                            | 27.005.661                                                                             | 0                                                                                | 27.005.661                                                                                                          |
| 463        | MEC                                  | VN000000MEC7         | 8.353.620                                          | 49,0000000                                                                            | 4.093.273                                                                              | 26.399                                                                           | 4.066.874                                                                                                           |
| 464        | MEF                                  | VN000000MEF0         | 4.135.097                                          | 49,0000000                                                                            | 2.026.197                                                                              | 260.265                                                                          | 1.765.932                                                                                                           |
| 465        | MES                                  | VN000000MES3         | 18.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.114.000                                                                              | 0                                                                                | 9.114.000                                                                                                           |
| 466        | MFS                                  | VN000000MFS0         | 7.062.979                                          | 49,0000000                                                                            | 3.460.859                                                                              | 713.813                                                                          | 2.747.046                                                                                                           |
| 467        | MGC                                  | VN000000MGC2         | 10.800.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 200                                                                              | -200                                                                                                                |
| 468        | MGG                                  | VN000000MGG3         | 8.999.622                                          | 49,0000000                                                                            | 4.409.814                                                                              | 0                                                                                | 4.409.814                                                                                                           |
| 469        | MGR                                  | VN000000MGR0         | 20.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 470        | MH3                                  | VN000000MH35         | 24.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 643.700                                                                          | -643.700                                                                                                            |
| 471        | MHL                                  | VN000000MHL1         | 5.430.923                                          | 49,0000000                                                                            | 2.661.152                                                                              | 21.370                                                                           | 2.639.782                                                                                                           |
| 472        | MIE                                  | VN000000MIE4         | 141.991.500                                        | 49,0000000                                                                            | 69.575.835                                                                             | 0                                                                                | 69.575.835                                                                                                          |
| 473        | MIRMB251                             | VNMIRMB2512          | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                             | 48.222                                                                           | 19.951.778                                                                                                          |
| 474        | MKP                                  | VN000000MKP6         | 25.545.867                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 60.672                                                                           | -60.672                                                                                                             |
| 475        | MLC                                  | VN000000MLC2         | 4.171.175                                          | 49,0000000                                                                            | 2.043.875                                                                              | 500                                                                              | 2.043.375                                                                                                           |
| 476        | MLS                                  | VN000000MLS8         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.960.000                                                                              | 58.500                                                                           | 1.901.500                                                                                                           |
| 477        | MMC                                  | VN000000MMC0         | 3.160.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.548.400                                                                              | 23.905                                                                           | 1.524.495                                                                                                           |
| 478        | MML                                  | VN000000MML1         | 345.109.429                                        | 100,0000000                                                                           | 345.109.429                                                                            | 4.137.078                                                                        | 340.972.351                                                                                                         |
| 479        | MNB                                  | VN000000MNB0         | 20.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 44.422                                                                           | -44.422                                                                                                             |
| 480        | MND                                  | VN000000MND6         | 2.194.475                                          | 49,0000000                                                                            | 1.075.292                                                                              | 0                                                                                | 1.075.292                                                                                                           |
| 481        | MPC                                  | VN000000MPC3         | 401.093.000                                        | 50,0000000                                                                            | 200.546.500                                                                            | 159.272.790                                                                      | 41.273.710                                                                                                          |
| 482        | MPT                                  | VN000000MPT7         | 17.107.164                                         | 49,0000000                                                                            | 8.382.510                                                                              | 54.708                                                                           | 8.327.802                                                                                                           |
| 483        | MPY                                  | VN000000MPY7         | 6.143.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 484        | MQB                                  | VN000000MQB3         | 3.675.675                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 485        | MQN                                  | VN000000MQN8         | 8.212.014                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 486        | MRF                                  | VN000000MRF2         | 6.796.172                                          | 50,0000000                                                                            | 3.398.086                                                                              | 1.025                                                                            | 3.397.061                                                                                                           |
| 487        | MSR                                  | VN000000MSR5         | 1.099.829.520                                      | 100,0000000                                                                           | 1.099.829.520                                                                          | 1.812.413                                                                        | 1.098.017.107                                                                                                       |
| 488        | MT9                                  | VN000000MT98         | 4.600.000                                          | 51,0000000                                                                            | 2.346.000                                                                              | 0                                                                                | 2.346.000                                                                                                           |
| 489        | MTA                                  | VN000000MTA9         | 110.113.591                                        | 49,0000000                                                                            | 53.955.659                                                                             | 7.502                                                                            | 53.948.157                                                                                                          |
| 490        | MTB                                  | VN000000MTB7         | 6.278.259                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 491        | MTG                                  | VN000000MTG6         | 10.450.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 89.235                                                                           | -89.235                                                                                                             |
| 492        | MTH                                  | VN000000MTH4         | 4.787.910                                          | 49,0000000                                                                            | 2.346.075                                                                              | 9.780                                                                            | 2.336.295                                                                                                           |
| 493        | MTL                                  | VN000000MTL6         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.940.000                                                                              | 100                                                                              | 2.939.900                                                                                                           |
| 494        | MTM                                  | VN000000MTM4         | 31.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 15.190.000                                                                             | 0                                                                                | 15.190.000                                                                                                          |
| 495        | MTP                                  | VN000000MTP7         | 7.455.406                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 6.026                                                                            | -6.026                                                                                                              |
| 496        | MTS                                  | VN000000MTS1         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 497        | MTV                                  | VN000000MTV5         | 5.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 498        | MVC                                  | VN000000MVC1         | 100.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 49.000.000                                                                             | 62.200                                                                           | 48.937.800                                                                                                          |
| 499        | MVN                                  | VN000000MVN8         | 1.200.588.000                                      | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 5.200                                                                            | -5.200                                                                                                              |
| 500        | MXC                                  | VN000000MXC7         | 700.938                                            | 100,0000000                                                                           | 700.938                                                                                | 0                                                                                | 700.938                                                                                                             |
| 501        | NAC                                  | VN000000NAC3         | 2.835.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.389.150                                                                              | 0                                                                                | 1.389.150                                                                                                           |
| 502        | NAS                                  | VN000000NAS9         | 8.315.764                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 68.200                                                                           | -68.200                                                                                                             |
| 503        | NAU                                  | VN000000NAU5         | 3.669.999                                          | 49,0000000                                                                            | 1.798.299                                                                              | 300                                                                              | 1.797.999                                                                                                           |
| 504        | NAW                                  | VN000000NAW1         | 37.385.983                                         | 49,0000000                                                                            | 18.319.131                                                                             | 300                                                                              | 18.318.831                                                                                                          |
| 505        | NBE                                  | VN000000NBE7         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 41.400                                                                           | 2.408.600                                                                                                           |
| 506        | NBT                                  | VN000000NBT5         | 29.400.000                                         | 50,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                             | 147.000                                                                          | 14.553.000                                                                                                          |
| 507        | NCG                                  | VN000000NCG0         | 119.784.325                                        | 50,0000000                                                                            | 59.892.162                                                                             | 9.900                                                                            | 59.882.262                                                                                                          |
| 508        | NCS                                  | VN000000NCS5         | 17.949.098                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.018.695                                                                        | -1.018.695                                                                                                          |
| 509        | ND2                                  | VN000000ND20         | 49.993.960                                         | 49,0000000                                                                            | 24.497.040                                                                             | 17.528.486                                                                       | 6.968.554                                                                                                           |
| 510        | NDC                                  | VN000000NDC7         | 5.964.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 123.700                                                                          | -123.700                                                                                                            |
| 511        | NDF                                  | VN000000NDF0         | 7.853.800                                          | 49,0000000                                                                            | 3.848.362                                                                              | 146.700                                                                          | 3.701.662                                                                                                           |
| 512        | NDP                                  | VN000000NDP9         | 11.100.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.700                                                                            | -3.700                                                                                                              |
| 513        | NDT                                  | VN000000NDT1         | 15.639.976                                         | 49,0000000                                                                            | 7.663.588                                                                              | 6.015                                                                            | 7.657.573                                                                                                           |
| 514        | NDW                                  | VN000000NDW5         | 34.311.748                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 515        | NED                                  | VN000000NED3         | 40.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 34.300                                                                           | -34.300                                                                                                             |
| 516        | NGC                                  | VN000000NGC0         | 2.299.854                                          | 49,0000000                                                                            | 1.126.928                                                                              | 308.708                                                                          | 818.220                                                                                                             |
| 517        | NHD                                  | VN000000NHD6         | 5.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 518        | NHP                                  | VN000000NHP0         | 27.576.490                                         | 49,0000000                                                                            | 13.512.480                                                                             | 56.300                                                                           | 13.456.180                                                                                                          |
| 519        | NHV                                  | VN000000NHV8         | 5.480.112                                          | 49,0000000                                                                            | 2.685.254                                                                              | 25.000                                                                           | 2.660.254                                                                                                           |
| 520        | NJC                                  | VN000000NJC4         | 5.224.917                                          | 50,0000000                                                                            | 2.612.458                                                                              | 1.620                                                                            | 2.610.838                                                                                                           |
| 521        | NLS                                  | VN000000NLS6         | 5.009.800                                          | 49,0000000                                                                            | 2.454.802                                                                              | 0                                                                                | 2.454.802                                                                                                           |
| 522        | NNT                                  | VN000000NNT0         | 9.490.841                                          | 50,0000000                                                                            | 4.745.420                                                                              | 15.500                                                                           | 4.729.920                                                                                                           |
| 523        | NOS                                  | VN000000NOS0         | 20.056.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 524        | NQB                                  | VN000000NQB1         | 17.230.204                                         | 49,0000000                                                                            | 8.442.799                                                                              | 0                                                                                | 8.442.799                                                                                                           |
| 525        | NQN                                  | VN000000NQN6         | 50.831.593                                         | 49,0000000                                                                            | 24.907.480                                                                             | 0                                                                                | 24.907.480                                                                                                          |
| 526        | NSG                                  | VN000000NSG6         | 8.639.208                                          | 49,0000000                                                                            | 4.233.211                                                                              | 0                                                                                | 4.233.211                                                                                                           |
| 527        | NSL                                  | VN000000NSL6         | 12.499.872                                         | 49,0000000                                                                            | 6.124.937                                                                              | 57.750                                                                           | 6.067.187                                                                                                           |
| 528        | NSS                                  | VN000000NSS1         | 10.263.942                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 529        | NTB                                  | VN000000NTB5         | 39.779.577                                         | 49,0000000                                                                            | 19.491.992                                                                             | 120.064                                                                          | 19.371.928                                                                                                          |
| 530        | NTF                                  | VN000000NTF6         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 531        | NTT                                  | VN000000NTT7         | 23.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 532        | NTW                                  | VN000000NTW1         | 10.000.000                                         | 14,9900000                                                                            | 1.499.000                                                                              | 6.788                                                                            | 1.492.212                                                                                                           |
| 533        | NUE                                  | VN000000NUE7         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 500                                                                              | -500                                                                                                                |
| 534        | NVP                                  | VN000000NVP1         | 10.963.000                                         | 3,6000000                                                                             | 394.668                                                                                | 0                                                                                | 394.668                                                                                                             |
| 535        | NWT                                  | VN000000NWT1         | 8.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.165.000                                                                              | 0                                                                                | 4.165.000                                                                                                           |
| 536        | NXT                                  | VN000000NXT9         | 6.600.000                                          | 50,0000000                                                                            | 3.300.000                                                                              | 6.000                                                                            | 3.294.000                                                                                                           |
| 537        | ODE                                  | VN000000ODE1         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 538        | OIL                                  | VN000000OIL5         | 1.034.229.500                                      | 6,6210000                                                                             | 68.476.335                                                                             | 1.845.681                                                                        | 66.630.654                                                                                                          |
| 539        | ONW                                  | VN000000ONW2         | 5.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 293.800                                                                          | -293.800                                                                                                            |
| 540        | PAI                                  | VN000000PAI5         | 4.235.290                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 7.200                                                                            | -7.200                                                                                                              |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 44<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 541        | PAP                                  | VN000000PAP0         | 357.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 542        | PAS                                  | VN000000PAS4         | 28.049.968                                         | 49,0000000                                                                                  | 13.744.484                                                                             | 497.122                                                                          | 13.247.362                                                                                                          |
| 543        | PAT                                  | VN000000PAT2         | 25.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 12.500.000                                                                             | 62.933                                                                           | 12.437.067                                                                                                          |
| 544        | PBC                                  | VN000000PBC6         | 116.698.448                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.378                                                                            | -1.378                                                                                                              |
| 545        | PBT                                  | VN000000PBT0         | 17.522.284                                         | 49,0000000                                                                                  | 8.585.919                                                                              | 0                                                                                | 8.585.919                                                                                                           |
| 546        | PCB                                  | VN000000PCB6         | 900.000.000                                        | 30,0000000                                                                                  | 270.000.000                                                                            | 72.550.246                                                                       | 197.449.754                                                                                                         |
| 547        | PCC                                  | VN000000PCC4         | 11.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 548        | PCF                                  | VN000000PCF7         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 17.300                                                                           | -17.300                                                                                                             |
| 549        | PCG                                  | VN000000PCG5         | 18.870.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.246.300                                                                              | 8.506.893                                                                        | 739.407                                                                                                             |
| 550        | PCM                                  | VN000000PCM3         | 4.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 551        | PDC                                  | VN000000PDC2         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 12.700                                                                           | -12.700                                                                                                             |
| 552        | PEG                                  | VN000000PEG1         | 248.877.470                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 553        | PEQ                                  | VN000000PEQ0         | 4.965.514                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 13                                                                               | -13                                                                                                                 |
| 554        | PFL                                  | VN000000PFL8         | 50.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 94.600                                                                           | -94.600                                                                                                             |
| 555        | PGB                                  | VN000000PGB7         | 732.702.236                                        | 30,0000000                                                                                  | 219.810.670                                                                            | 5.358                                                                            | 219.805.312                                                                                                         |
| 556        | PHH                                  | VN000000PHH2         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.800.000                                                                              | 87.919                                                                           | 9.712.081                                                                                                           |
| 557        | PHP                                  | VN000000PHP5         | 326.960.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 160.210.400                                                                            | 286.044                                                                          | 159.924.356                                                                                                         |
| 558        | PHS                                  | VN000000PHS9         | 200.009.819                                        | 100,0000000                                                                                 | 200.009.819                                                                            | 171.711.916                                                                      | 28.297.903                                                                                                          |
| 559        | PID                                  | VN000000PID9         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.960.000                                                                              | 0                                                                                | 1.960.000                                                                                                           |
| 560        | PIS                                  | VN000000PIS7         | 27.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 561        | PIV                                  | VN000000PIV1         | 17.324.942                                         | 49,0000000                                                                                  | 8.489.221                                                                              | 1.380                                                                            | 8.487.841                                                                                                           |
| 562        | PJS                                  | VN000000PJS5         | 9.000.000                                          | 25,0000000                                                                                  | 2.250.000                                                                              | 639.098                                                                          | 1.610.902                                                                                                           |
| 563        | PLA                                  | VN000000PLA9         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 564        | PLE                                  | VN000000PLE1         | 1.215.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 565        | PLO                                  | VN000000PLO0         | 7.192.550                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 566        | PMJ                                  | VN000000PMJ8         | 1.800.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.000                                                                            | -3.000                                                                                                              |
| 567        | PMT                                  | VN000000PMT7         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 5.000                                                                            | -5.000                                                                                                              |
| 568        | PMW                                  | VN000000PMW1         | 49.999.832                                         | 50,0000000                                                                                  | 24.999.916                                                                             | 100                                                                              | 24.999.816                                                                                                          |
| 569        | PND                                  | VN000000PND9         | 6.666.666                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 13.851                                                                           | -13.851                                                                                                             |
| 570        | PNG                                  | VN000000PNG2         | 9.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.410.000                                                                              | 0                                                                                | 4.410.000                                                                                                           |
| 571        | PNP                                  | VN000000PNP3         | 16.100.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 572        | PNT                                  | VN000000PNT5         | 9.282.802                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.548.572                                                                              | 10.100                                                                           | 4.538.472                                                                                                           |
| 573        | POB                                  | VN000000POB1         | 10.900.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 574        | POM                                  | VN000000POM8         | 279.676.336                                        | 50,0000000                                                                                  | 139.838.168                                                                            | 10.906.120                                                                       | 128.932.048                                                                                                         |
| 575        | POS                                  | VN000000POS5         | 45.999.965                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 128.544                                                                          | -128.544                                                                                                            |
| 576        | POV                                  | VN000000POV9         | 12.499.612                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.124.809                                                                              | 625                                                                              | 6.124.184                                                                                                           |
| 577        | PPH                                  | VN000000PPH5         | 74.670.891                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 14.150                                                                           | -14.150                                                                                                             |
| 578        | PPI                                  | VN000000PPI3         | 48.290.629                                         | 49,0000000                                                                                  | 23.662.408                                                                             | 243.536                                                                          | 23.418.872                                                                                                          |
| 579        | PQN                                  | VN000000PQN1         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 580        | PRO                                  | VN000000PRO7         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.470.000                                                                              | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 581        | PRT                                  | VN000000PRT6         | 300.000.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 147.000.000                                                                            | 1.200                                                                            | 146.998.800                                                                                                         |
| 582        | PSB                                  | VN000000PSB2         | 50.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 6.230                                                                            | -6.230                                                                                                              |
| 583        | PSG                                  | VN000000PSG1         | 35.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 17.150.000                                                                             | 21.000                                                                           | 17.129.000                                                                                                          |
| 584        | PSH                                  | VN000000PSH9         | 126.196.780                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 585        | PSL                                  | VN000000PSL1         | 11.812.500                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 11.926                                                                           | -11.926                                                                                                             |
| 586        | PSN                                  | VN000000PSN7         | 40.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 19.600.000                                                                             | 0                                                                                | 19.600.000                                                                                                          |
| 587        | PSP                                  | VN000000PSP2         | 40.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 19.600.000                                                                             | 300                                                                              | 19.599.700                                                                                                          |
| 588        | PTE                                  | VN000000PTE4         | 12.500.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.125.000                                                                              | 0                                                                                | 6.125.000                                                                                                           |
| 589        | PTG                                  | VN000000PTG9         | 4.996.185                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 590        | PTH                                  | VN000000PTH7         | 3.503.164                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 45<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 591        | PTK                                  | VN000000PTK1         | 21.600.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 10.584.000                                                                             | 79.770                                                                           | 10.504.230                                                                                                          |
| 592        | PTM                                  | VN000000PTM7         | 35.199.993                                         | 49,0000000                                                                                  | 17.247.996                                                                             | 1.000                                                                            | 17.246.996                                                                                                          |
| 593        | PTO                                  | VN000000PTO3         | 1.200.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 594        | PTP                                  | VN000000PTP0         | 6.800.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 5.100                                                                            | -5.100                                                                                                              |
| 595        | PTT                                  | VN000000PTT2         | 16.493.172                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 596        | PTV                                  | VN000000PTV8         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.800.000                                                                              | 1.000                                                                            | 9.799.000                                                                                                           |
| 597        | PVA                                  | VN000000PVA8         | 21.846.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 10.704.540                                                                             | 37.644                                                                           | 10.666.896                                                                                                          |
| 598        | PVE                                  | VN000000PVE0         | 25.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 177.938                                                                          | -177.938                                                                                                            |
| 599        | PVH                                  | VN000000PVH3         | 21.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 10.290.000                                                                             | 0                                                                                | 10.290.000                                                                                                          |
| 600        | PVL                                  | VN000000PVL5         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 24.500.000                                                                             | 187.291                                                                          | 24.312.709                                                                                                          |
| 601        | PVM                                  | VN000000PVM3         | 38.638.600                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.932.914                                                                             | 4.132                                                                            | 18.928.782                                                                                                          |
| 602        | PVO                                  | VN000000PVO9         | 8.900.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.215                                                                            | -2.215                                                                                                              |
| 603        | PVR                                  | VN000000PVR2         | 53.100.913                                         | 49,0000000                                                                                  | 26.019.447                                                                             | 50.580                                                                           | 25.968.867                                                                                                          |
| 604        | PVV                                  | VN000000PVV4         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 14.700.000                                                                             | 29.700                                                                           | 14.670.300                                                                                                          |
| 605        | PVX                                  | VN000000PVX0         | 400.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 526.726                                                                          | -526.726                                                                                                            |
| 606        | PVY                                  | VN000000PVY8         | 59.489.787                                         | 49,0000000                                                                                  | 29.149.995                                                                             | 313.765                                                                          | 28.836.230                                                                                                          |
| 607        | PWA                                  | VN000000PWA6         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.400                                                                            | -1.400                                                                                                              |
| 608        | PWS                                  | VN000000PWS8         | 38.363.579                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.798.153                                                                             | 13.700                                                                           | 18.784.453                                                                                                          |
| 609        | PX1                                  | VN000000PX16         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.800.000                                                                              | 0                                                                                | 9.800.000                                                                                                           |
| 610        | PXA                                  | VN000000PXA4         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.350.000                                                                              | 400                                                                              | 7.349.600                                                                                                           |
| 611        | PXC                                  | VN000000PXC0         | 28.068.900                                         | 49,0000000                                                                                  | 13.753.761                                                                             | 0                                                                                | 13.753.761                                                                                                          |
| 612        | PXI                                  | VN000000PXI7         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 49.660                                                                           | -49.660                                                                                                             |
| 613        | PXL                                  | VN000000PXL1         | 176.145.500                                        | 49,0000000                                                                                  | 86.311.295                                                                             | 1.235.380                                                                        | 85.075.915                                                                                                          |
| 614        | PXM                                  | VN000000PXM9         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.350.000                                                                              | 24.830                                                                           | 7.325.170                                                                                                           |
| 615        | PXS                                  | VN000000PXS6         | 60.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 6.317.756                                                                        | -6.317.756                                                                                                          |
| 616        | PXT                                  | VN000000PXT4         | 20.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 10.000.000                                                                             | 587.259                                                                          | 9.412.741                                                                                                           |
| 617        | QBS                                  | VN000000QBS0         | 69.329.928                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 70                                                                               | -70                                                                                                                 |
| 618        | QCC                                  | VN000000QCC2         | 1.500.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 11.500                                                                           | -11.500                                                                                                             |
| 619        | QHW                                  | VN000000QHW9         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.920.000                                                                              | 22.700                                                                           | 3.897.300                                                                                                           |
| 620        | QNC                                  | VN000000QNC9         | 60.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 9.261.350                                                                        | -9.261.350                                                                                                          |
| 621        | QNS                                  | VN000000QNS5         | 367.648.153                                        | 50,0000000                                                                                  | 183.824.076                                                                            | 34.006.252                                                                       | 149.817.824                                                                                                         |
| 622        | QNT                                  | VN000000QNT3         | 3.222.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 623        | QNU                                  | VN000000QNU1         | 6.800.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 624        | QNW                                  | VN000000QNW7         | 20.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 10.000.000                                                                             | 1.000                                                                            | 9.999.000                                                                                                           |
| 625        | QPH                                  | VN000000QPH3         | 18.583.100                                         | 49,0000000                                                                                  | 9.105.719                                                                              | 6.800                                                                            | 9.098.919                                                                                                           |
| 626        | QSP                                  | VN000000QSP0         | 10.792.275                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 135.100                                                                          | -135.100                                                                                                            |
| 627        | QTP                                  | VN000000QTP8         | 450.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.887.500                                                                        | -3.887.500                                                                                                          |
| 628        | RAT                                  | VN000000RAT8         | 5.921.841                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 46.801                                                                           | -46.801                                                                                                             |
| 629        | RBC                                  | VN000000RBC2         | 10.030.308                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 630        | RCC                                  | VN000000RCC0         | 32.064.749                                         | 49,0000000                                                                                  | 15.711.727                                                                             | 16.204                                                                           | 15.695.523                                                                                                          |
| 631        | RCD                                  | VN000000RCD8         | 5.300.062                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.597.030                                                                              | 7.010                                                                            | 2.590.020                                                                                                           |
| 632        | RDP                                  | VN000000RDP0         | 49.069.803                                         | 50,0000000                                                                                  | 24.534.901                                                                             | 174.237                                                                          | 24.360.664                                                                                                          |
| 633        | REN                                  | VN000000REN3         | 2.818.032                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.380.835                                                                              | 0                                                                                | 1.380.835                                                                                                           |
| 634        | RGG                                  | VN000000RGG2         | 220.000.000                                        | 50,0000000                                                                                  | 110.000.000                                                                            | 0                                                                                | 110.000.000                                                                                                         |
| 635        | RIC                                  | VN000000RIC7         | 28.708.169                                         | 49,0000000                                                                                  | 14.067.002                                                                             | 7.294.709                                                                        | 6.772.293                                                                                                           |
| 636        | RTB                                  | VN000000RTB6         | 87.945.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 800                                                                              | -800                                                                                                                |
| 637        | S12                                  | VN000000S123         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.450.000                                                                              | 722.900                                                                          | 1.727.100                                                                                                           |
| 638        | S27                                  | VN000000S271         | 1.572.833                                          | 49,0000000                                                                                  | 770.688                                                                                | 15.000                                                                           | 755.688                                                                                                             |
| 639        | S72                                  | VN000000S727         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 4.000                                                                            | -4.000                                                                                                              |
| 640        | S74                                  | VN000000S743         | 6.480.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 64.516                                                                           | -64.516                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 641        | S96                                  | VN000000S966         | 11.155.532                                         | 49,0000000                                                                            | 5.466.210                                                                              | 159.162                                                                          | 5.307.048                                                                                                           |
| 642        | SAC                                  | VN000000SAC2         | 4.050.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.150                                                                            | -1.150                                                                                                              |
| 643        | SAL                                  | VN000000SAL3         | 8.310.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 644        | SAS                                  | VN000000SAS8         | 133.481.310                                        | 49,0000000                                                                            | 65.405.841                                                                             | 380.393                                                                          | 65.025.448                                                                                                          |
| 645        | SB1                                  | VN000000SB19         | 10.500.000                                         | 50,0000000                                                                            | 5.250.000                                                                              | 10.441                                                                           | 5.239.559                                                                                                           |
| 646        | SB2                                  | VN000000SB22         | 87.524.536                                         | 100,0000000                                                                           | 87.524.536                                                                             | 5.400                                                                            | 87.519.136                                                                                                          |
| 647        | SBD                                  | VN000000SBD8         | 13.916.480                                         | 49,0000000                                                                            | 6.819.075                                                                              | 135.103                                                                          | 6.683.972                                                                                                           |
| 648        | SBH                                  | VN000000SBH9         | 124.225.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 649        | SBL                                  | VN000000SBL1         | 12.012.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 4.000                                                                            | -4.000                                                                                                              |
| 650        | SBM                                  | VN000000SBM9         | 45.044.953                                         | 49,0000000                                                                            | 22.072.026                                                                             | 200                                                                              | 22.071.826                                                                                                          |
| 651        | SBR                                  | VN000000SBR8         | 81.396.192                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.000                                                                            | -2.000                                                                                                              |
| 652        | SBS                                  | VN000000SBS6         | 146.607.600                                        | 100,0000000                                                                           | 146.607.600                                                                            | 1.496.222                                                                        | 145.111.378                                                                                                         |
| 653        | SCA                                  | VN000000SCA2         | 2.076.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.076.000                                                                              | 0                                                                                | 2.076.000                                                                                                           |
| 654        | SCC                                  | VN000000SCC8         | 4.884.900                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 22.900                                                                           | -22.900                                                                                                             |
| 655        | SCD                                  | VN000000SCD6         | 8.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.500.000                                                                              | 502.460                                                                          | 7.997.540                                                                                                           |
| 656        | SCJ                                  | VN000000SCJ3         | 57.839.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 66.748                                                                           | -66.748                                                                                                             |
| 657        | SCL                                  | VN000000SCL9         | 37.916.815                                         | 49,0000000                                                                            | 18.579.239                                                                             | 3.462                                                                            | 18.575.777                                                                                                          |
| 658        | SCO                                  | VN000000SCO3         | 4.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 659        | SD2                                  | VN000000SD25         | 14.423.536                                         | 49,0000000                                                                            | 7.067.532                                                                              | 861.988                                                                          | 6.205.544                                                                                                           |
| 660        | SD3                                  | VN000000SD33         | 15.999.356                                         | 49,0000000                                                                            | 7.839.684                                                                              | 5.683                                                                            | 7.834.001                                                                                                           |
| 661        | SD4                                  | VN000000SD41         | 10.300.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.047.000                                                                              | 39.133                                                                           | 5.007.867                                                                                                           |
| 662        | SD6                                  | VN000000SD66         | 34.771.611                                         | 49,0000000                                                                            | 17.038.089                                                                             | 99.259                                                                           | 16.938.830                                                                                                          |
| 663        | SD7                                  | VN000000SD74         | 10.600.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 43.983                                                                           | -43.983                                                                                                             |
| 664        | SD8                                  | VN000000SD82         | 2.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.372.000                                                                              | 307.300                                                                          | 1.064.700                                                                                                           |
| 665        | SDA                                  | VN000000SDA0         | 26.206.158                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 11.604                                                                           | -11.604                                                                                                             |
| 666        | SDB                                  | VN000000SDB8         | 11.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.390.000                                                                              | 27.000                                                                           | 5.363.000                                                                                                           |
| 667        | SDD                                  | VN000000SDD4         | 16.007.685                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 41.780                                                                           | -41.780                                                                                                             |
| 668        | SDE                                  | VN000000SDE2         | 1.751.092                                          | 49,0000000                                                                            | 858.035                                                                                | 2.993                                                                            | 855.042                                                                                                             |
| 669        | SDH                                  | VN000000SDH5         | 20.950.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.265.500                                                                             | 9.461.300                                                                        | 804.200                                                                                                             |
| 670        | SDK                                  | VN000000SDK9         | 3.119.988                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 32.177                                                                           | -32.177                                                                                                             |
| 671        | SDP                                  | VN000000SDP8         | 11.114.472                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.060                                                                            | -1.060                                                                                                              |
| 672        | SDT                                  | VN000000SDT0         | 42.732.311                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 261.695                                                                          | -261.695                                                                                                            |
| 673        | SDV                                  | VN000000SDV6         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 12.900                                                                           | -12.900                                                                                                             |
| 674        | SDX                                  | VN000000SDX2         | 2.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.225.000                                                                              | 0                                                                                | 1.225.000                                                                                                           |
| 675        | SDY                                  | VN000000SDY0         | 4.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.205.000                                                                              | 18.200                                                                           | 2.186.800                                                                                                           |
| 676        | SEA                                  | VN000000SEA8         | 125.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.746                                                                            | -1.746                                                                                                              |
| 677        | SEP                                  | VN000000SEP6         | 8.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 678        | SGB                                  | VN000000SGB1         | 360.819.732                                        | 30,0000000                                                                            | 108.245.919                                                                            | 49.549                                                                           | 108.196.370                                                                                                         |
| 679        | SGI                                  | VN000000SGI6         | 75.464.700                                         | 100,0000000                                                                           | 75.464.700                                                                             | 1.000                                                                            | 75.463.700                                                                                                          |
| 680        | SGO                                  | VN000000SGO4         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                              | 19.900                                                                           | 9.780.100                                                                                                           |
| 681        | SGP                                  | VN000000SGP1         | 216.294.961                                        | 49,0000000                                                                            | 105.984.530                                                                            | 1.335.191                                                                        | 104.649.339                                                                                                         |
| 682        | SGS                                  | VN000000SGS5         | 14.420.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.065.800                                                                              | 11.500                                                                           | 7.054.300                                                                                                           |
| 683        | SGV                                  | VN000000SGV9         | 6.101.493                                          | 49,0000000                                                                            | 2.989.731                                                                              | 0                                                                                | 2.989.731                                                                                                           |
| 684        | SHC                                  | VN000000SHC7         | 4.309.550                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 43.080                                                                           | -43.080                                                                                                             |
| 685        | SID                                  | VN000000SID3         | 100.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 88.400                                                                           | -88.400                                                                                                             |
| 686        | SIG                                  | VN000000SIG6         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 687        | SII                                  | VN000000SII2         | 64.522.104                                         | 50,0000000                                                                            | 32.261.052                                                                             | 24.518.627                                                                       | 7.742.425                                                                                                           |
| 688        | SIV                                  | VN000000SIV5         | 3.464.178                                          | 50,0000000                                                                            | 1.732.089                                                                              | 213.950                                                                          | 1.518.139                                                                                                           |
| 689        | SJC                                  | VN000000SJC3         | 7.226.082                                          | 49,0000000                                                                            | 3.540.780                                                                              | 20.382                                                                           | 3.520.398                                                                                                           |
| 690        | SJF                                  | VN000000SJF6         | 79.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 38.808.000                                                                             | 263.373                                                                          | 38.544.627                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 47                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 691        | SJG                                  | VN000000SJG4         | 449.537.112                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 692        | SJM                                  | VN000000SJM2         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 693        | SKH                                  | VN000000SKH0         | 33.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 15.200                                                                           | -15.200                                                                                                             |
| 694        | SKN                                  | VN000000SKN8         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 695        | SKV                                  | VN000000SKV1         | 23.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.800                                                                            | -3.800                                                                                                              |
| 696        | SLD                                  | VN000000SLD7         | 78.573.095                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 697        | SNC                                  | VN000000SNC5         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.100                                                                            | -3.100                                                                                                              |
| 698        | SNZ                                  | VN000000SNZ6         | 376.500.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 13.600                                                                           | -13.600                                                                                                             |
| 699        | SP2                                  | VN000000SP21         | 20.746.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 40.000                                                                           | -40.000                                                                                                             |
| 700        | SPB                                  | VN000000SPB2         | 13.300.087                                         | 49,0000000                                                                            | 6.517.042                                                                              | 757                                                                              | 6.516.285                                                                                                           |
| 701        | SPD                                  | VN000000SPD8         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.200                                                                            | -3.200                                                                                                              |
| 702        | SPH                                  | VN000000SPH9         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 703        | SPI                                  | VN000000SPI7         | 16.815.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.239.350                                                                              | 147.098                                                                          | 8.092.252                                                                                                           |
| 704        | SPP                                  | VN000000SPP2         | 25.120.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.120.000                                                                             | 437.756                                                                          | 24.682.244                                                                                                          |
| 705        | SPV                                  | VN000000SPV0         | 12.959.987                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 251.160                                                                          | -251.160                                                                                                            |
| 706        | SRB                                  | VN000000SRB8         | 8.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.165.000                                                                              | 59.316                                                                           | 4.105.684                                                                                                           |
| 707        | SSF                                  | VN000000SSF7         | 3.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.568.000                                                                              | 0                                                                                | 1.568.000                                                                                                           |
| 708        | SSG                                  | VN000000SSG5         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.500                                                                            | -2.500                                                                                                              |
| 709        | SSH                                  | VN000000SSH3         | 375.000.000                                        | 50,0000000                                                                            | 187.500.000                                                                            | 100                                                                              | 187.499.900                                                                                                         |
| 710        | SSN                                  | VN000000SSN1         | 39.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 19.404.000                                                                             | 19.029                                                                           | 19.384.971                                                                                                          |
| 711        | SST                                  | VN000000SST8         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                              | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 712        | STD                                  | VN000000STD0         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                              | 2.316.450                                                                        | 7.483.550                                                                                                           |
| 713        | STH                                  | VN000000STH1         | 19.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 714        | STL                                  | VN000000STL3         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                              | 4.778.300                                                                        | 2.571.700                                                                                                           |
| 715        | STS                                  | VN000000STS8         | 2.768.221                                          | 49,0000000                                                                            | 1.356.428                                                                              | 100                                                                              | 1.356.328                                                                                                           |
| 716        | STT                                  | VN000000STT6         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                              | 798.442                                                                          | 3.121.558                                                                                                           |
| 717        | STW                                  | VN000000STW0         | 15.863.133                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 718        | SVG                                  | VN000000SVG9         | 29.350.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.381.500                                                                             | 0                                                                                | 14.381.500                                                                                                          |
| 719        | SVH                                  | VN000000SVH7         | 14.820.662                                         | 49,0000000                                                                            | 7.262.124                                                                              | 0                                                                                | 7.262.124                                                                                                           |
| 720        | SWC                                  | VN000000SWC6         | 67.100.000                                         | 49,0000000                                                                            | 32.879.000                                                                             | 21.310                                                                           | 32.857.690                                                                                                          |
| 721        | SZE                                  | VN000000SZE5         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 10.000                                                                           | -10.000                                                                                                             |
| 722        | SZG                                  | VN000000SZG0         | 54.898.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 723        | TA6                                  | VN000000TA68         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.400                                                                            | -2.400                                                                                                              |
| 724        | TAB                                  | VN000000TAB2         | 6.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 725        | TAH                                  | VN000000TAH9         | 270.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 726        | TAN                                  | VN000000TAN7         | 1.613.690                                          | 100,0000000                                                                           | 1.613.690                                                                              | 0                                                                                | 1.613.690                                                                                                           |
| 727        | TAR                                  | VN000000TAR8         | 78.319.777                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 14.928                                                                           | -14.928                                                                                                             |
| 728        | TAW                                  | VN000000TAW8         | 5.000.000                                          | 50,0000000                                                                            | 2.500.000                                                                              | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 729        | TBD                                  | VN000000TBD6         | 32.486.392                                         | 51,0000000                                                                            | 16.568.059                                                                             | 1.473.485                                                                        | 15.094.574                                                                                                          |
| 730        | TBR                                  | VN000000TBR6         | 8.060.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 731        | TBT                                  | VN000000TBT2         | 1.656.470                                          | 49,0000000                                                                            | 811.670                                                                                | 0                                                                                | 811.670                                                                                                             |
| 732        | TBW                                  | VN000000TBW6         | 9.850.000                                          | 50,0000000                                                                            | 4.925.000                                                                              | 0                                                                                | 4.925.000                                                                                                           |
| 733        | TCD                                  | VN000000TCD4         | 335.820.641                                        | 49,0000000                                                                            | 164.552.114                                                                            | 1.776.468                                                                        | 162.775.646                                                                                                         |
| 734        | TCJ                                  | VN000000TCJ1         | 10.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 4.900.000                                                                              | 0                                                                                | 4.900.000                                                                                                           |
| 735        | TCK                                  | VN000000TCK9         | 23.850.000                                         | 49,0000000                                                                            | 11.686.500                                                                             | 0                                                                                | 11.686.500                                                                                                          |
| 736        | TCP                                  | VN000000TCP8         | 5.881.356                                          | 49,0000000                                                                            | 2.881.864                                                                              | 0                                                                                | 2.881.864                                                                                                           |
| 737        | TCW                                  | VN000000TCW4         | 19.991.020                                         | 5,0000000                                                                             | 999.551                                                                                | 999.551                                                                          | 0                                                                                                                   |
| 738        | TDB                                  | VN000000TDB6         | 8.230.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 7.900                                                                            | -7.900                                                                                                              |
| 739        | TDF                                  | VN000000TDF7         | 35.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 740        | TDS                                  | VN000000TDS0         | 12.225.393                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 41.510                                                                           | -41.510                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 48                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 741        | TED                                  | VN000000TED0         | 12.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.125.000                                                                              | 4.405.710                                                                        | 1.719.290                                                                                                           |
| 742        | TGG                                  | VN000000TGG8         | 27.299.990                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 19.050                                                                           | -19.050                                                                                                             |
| 743        | TGP                                  | VN000000TGP9         | 13.101.325                                         | 49,0000000                                                                            | 6.419.649                                                                              | 131                                                                              | 6.419.518                                                                                                           |
| 744        | TH1                                  | VN000000TH12         | 13.539.267                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.015                                                                            | -2.015                                                                                                              |
| 745        | THM                                  | VN000000THM4         | 12.152.800                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 746        | THN                                  | VN000000THN2         | 32.995.411                                         | 49,0000000                                                                            | 16.167.751                                                                             | 0                                                                                | 16.167.751                                                                                                          |
| 747        | THO                                  | VN000000THO0         | 2.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.225.000                                                                              | 0                                                                                | 1.225.000                                                                                                           |
| 748        | THP                                  | VN000000THP7         | 21.611.185                                         | 50,0000000                                                                            | 10.805.592                                                                             | 500                                                                              | 10.805.092                                                                                                          |
| 749        | THU                                  | VN000000THU7         | 3.297.790                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 750        | THW                                  | VN000000THW3         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 120.900                                                                          | 2.329.100                                                                                                           |
| 751        | TID                                  | VN000000TID1         | 200.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 752        | TIE                                  | VN000000TIE9         | 9.569.900                                          | 49,0000000                                                                            | 4.689.251                                                                              | 83.260                                                                           | 4.605.991                                                                                                           |
| 753        | TIN                                  | VN000000TIN0         | 91.178.331                                         | 50,0000000                                                                            | 45.589.165                                                                             | 1.016.961                                                                        | 44.572.204                                                                                                          |
| 754        | TIS                                  | VN000000TIS9         | 184.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 90.160.000                                                                             | 32.320                                                                           | 90.127.680                                                                                                          |
| 755        | TKA                                  | VN000000TKA3         | 3.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 756        | TKC                                  | VN000000TKC9         | 15.674.712                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 53.350                                                                           | -53.350                                                                                                             |
| 757        | TKD                                  | VN000000TKD7         | 1.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.500.000                                                                              | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 758        | TL4                                  | VN000000TL40         | 16.008.338                                         | 49,0000000                                                                            | 7.844.085                                                                              | 800                                                                              | 7.843.285                                                                                                           |
| 759        | TLP                                  | VN000000TLP9         | 236.600.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 760        | TLT                                  | VN000000TLT1         | 0                                                  | 50,0000000                                                                            | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 761        | TMG                                  | VN000000TMG6         | 18.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.820.000                                                                              | 2.004                                                                            | 8.817.996                                                                                                           |
| 762        | TMW                                  | VN000000TMW3         | 4.662.350                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 763        | TNA                                  | VN000000TNA7         | 49.576.264                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.057.957                                                                        | -1.057.957                                                                                                          |
| 764        | TNB                                  | VN000000TNB5         | 29.429.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 57.814                                                                           | -57.814                                                                                                             |
| 765        | TNM                                  | VN000000TNM2         | 5.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.842.000                                                                              | 0                                                                                | 2.842.000                                                                                                           |
| 766        | TNP                                  | VN000000TNP5         | 7.100.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 767        | TNS                                  | VN000000TNS9         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                              | 12.500                                                                           | 9.787.500                                                                                                           |
| 768        | TNV                                  | VN000000TNV3         | 23.700.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 769        | TNW                                  | VN000000TNW1         | 16.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.840.000                                                                              | 3.600.300                                                                        | 4.239.700                                                                                                           |
| 770        | TOP                                  | VN000000TOP3         | 25.350.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.421.500                                                                             | 311.600                                                                          | 12.109.900                                                                                                          |
| 771        | TOS                                  | VN000000TOS7         | 44.999.681                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 772        | TOW                                  | VN000000TOW9         | 7.978.150                                          | 50,0000000                                                                            | 3.989.075                                                                              | 795.100                                                                          | 3.193.975                                                                                                           |
| 773        | TPS                                  | VN000000TPS4         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 3.300                                                                            | -3.300                                                                                                              |
| 774        | TQW                                  | VN000000TQW4         | 8.933.200                                          | 49,0000000                                                                            | 4.377.268                                                                              | 0                                                                                | 4.377.268                                                                                                           |
| 775        | TR1                                  | VN000000TR10         | 4.592.490                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 776        | TRS                                  | VN000000TRS0         | 7.524.034                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 1.484                                                                            | -1.484                                                                                                              |
| 777        | TRT                                  | VN000000TRT8         | 11.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 778        | TRV                                  | VN000000TRV4         | 130.368.970                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 43.625                                                                           | -43.625                                                                                                             |
| 779        | TS3                                  | VN000000TS35         | 3.851.880                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 780        | TS4                                  | VN000000TS43         | 16.160.646                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 121.889                                                                          | -121.889                                                                                                            |
| 781        | TSD                                  | VN000000TSD0         | 1.300.000                                          | 49,0000000                                                                            | 637.000                                                                                | 25.300                                                                           | 611.700                                                                                                             |
| 782        | TSG                                  | VN000000TSG3         | 3.074.100                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 11.000                                                                           | -11.000                                                                                                             |
| 783        | TSJ                                  | VN000000TSJ7         | 74.800.000                                         | 49,0000000                                                                            | 36.652.000                                                                             | 0                                                                                | 36.652.000                                                                                                          |
| 784        | TST                                  | VN000000TST6         | 4.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.352.000                                                                              | 45.000                                                                           | 2.307.000                                                                                                           |
| 785        | TT6                                  | VN000000TT67         | 24.402.105                                         | 100,0000000                                                                           | 24.402.105                                                                             | 107                                                                              | 24.401.998                                                                                                          |
| 786        | TTB                                  | VN000000TTB2         | 101.509.583                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 17.811                                                                           | -17.811                                                                                                             |
| 787        | TTD                                  | VN000000TTD8         | 31.104.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 125.000                                                                          | -125.000                                                                                                            |
| 788        | TTG                                  | VN000000TTG1         | 3.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 131.600                                                                          | -131.600                                                                                                            |
| 789        | TTN                                  | VN000000TTN7         | 36.727.500                                         | 49,0000000                                                                            | 17.996.475                                                                             | 127.040                                                                          | 17.869.435                                                                                                          |
| 790        | TTS                                  | VN000000TTS6         | 50.800.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.700                                                                            | -2.700                                                                                                              |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 49                                                                                    | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                      |                      |                                                    | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 791        | TTZ                                  | VN000000TTZ1         | 7.570.444                                          | 49,0000000                                                                            | 3.709.517                                                                              | 978.701                                                                          | 2.730.816                                                                                                           |
| 792        | TUG                                  | VN000000TUG9         | 5.375.079                                          | 49,0000000                                                                            | 2.633.788                                                                              | 317.700                                                                          | 2.316.088                                                                                                           |
| 793        | TV1                                  | VN000000TV14         | 26.691.319                                         | 49,0000000                                                                            | 13.078.746                                                                             | 205.223                                                                          | 12.873.523                                                                                                          |
| 794        | TV6                                  | VN000000TV63         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                              | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 795        | TVA                                  | VN000000TVA0         | 6.300.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 30                                                                               | -30                                                                                                                 |
| 796        | TVG                                  | VN000000TVG7         | 2.029.589                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 797        | TVH                                  | VN000000TVH5         | 4.004.000                                          | 50,0000000                                                                            | 2.002.000                                                                              | 0                                                                                | 2.002.000                                                                                                           |
| 798        | TVM                                  | VN000000TVM5         | 2.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 799        | TVN                                  | VN000000TVN3         | 678.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 332.220.000                                                                            | 2.602.400                                                                        | 329.617.600                                                                                                         |
| 800        | TW3                                  | VN000000TW39         | 1.750.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 801        | UCT                                  | VN000000UCT8         | 5.344.345                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 802        | UDC                                  | VN000000UDC2         | 35.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 17.150.000                                                                             | 3.834.450                                                                        | 13.315.550                                                                                                          |
| 803        | UDJ                                  | VN000000UDJ7         | 16.500.000                                         | 50,0000000                                                                            | 8.250.000                                                                              | 792.800                                                                          | 7.457.200                                                                                                           |
| 804        | UDL                                  | VN000000UDL3         | 6.620.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 805        | UEM                                  | VN000000UEM9         | 2.438.100                                          | 49,0000000                                                                            | 1.194.669                                                                              | 516                                                                              | 1.194.153                                                                                                           |
| 806        | ULG                                  | VN000000ULG6         | 72.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 807        | UMC                                  | VN000000UMC3         | 1.841.617                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 808        | UPC                                  | VN000000UPC6         | 3.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 400                                                                              | -400                                                                                                                |
| 809        | UPH                                  | VN000000UPH5         | 13.294.641                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 810        | UPS                                  | VN000000UPS2         | 32.374.600                                         | 100,0000000                                                                           | 32.374.600                                                                             | 0                                                                                | 32.374.600                                                                                                          |
| 811        | USC                                  | VN000000USC0         | 5.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.695.000                                                                              | 0                                                                                | 2.695.000                                                                                                           |
| 812        | USD                                  | VN000000USD8         | 5.600.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 813        | UTT                                  | VN000000UTT2         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                              | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 814        | UXC                                  | VN000000UXC0         | 35.400.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 815        | V15                                  | VN000000V150         | 10.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 4.900.000                                                                              | 33.200                                                                           | 4.866.800                                                                                                           |
| 816        | V45                                  | VN000000V457         | 7.970.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.905.300                                                                              | 5.000                                                                            | 3.900.300                                                                                                           |
| 817        | VAF                                  | VN000000VAF9         | 37.665.348                                         | 49,0000000                                                                            | 18.456.020                                                                             | 6.244                                                                            | 18.449.776                                                                                                          |
| 818        | VAT                                  | VN000000VAT0         | 4.612.953                                          | 49,0000000                                                                            | 2.260.346                                                                              | 263.266                                                                          | 1.997.080                                                                                                           |
| 819        | VAV                                  | VN000000VAV6         | 47.999.995                                         | 50,0000000                                                                            | 23.999.997                                                                             | 1.243.550                                                                        | 22.756.447                                                                                                          |
| 820        | VBG                                  | VN000000VBG5         | 8.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.214.000                                                                              | 0                                                                                | 4.214.000                                                                                                           |
| 821        | VBH                                  | VN000000VBH3         | 2.900.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.421.000                                                                              | 9.800                                                                            | 1.411.200                                                                                                           |
| 822        | VBT                                  | VN000000VBT8         | 3.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 823        | VC5                                  | VN000000VC54         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 63.540                                                                           | 2.386.460                                                                                                           |
| 824        | VCE                                  | VN000000VCE8         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 825        | VCP                                  | VN000000VCP4         | 83.789.658                                         | 50,0000000                                                                            | 41.894.829                                                                             | 4.302                                                                            | 41.890.527                                                                                                          |
| 826        | VCR                                  | VN000000VCR0         | 210.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 102.900.000                                                                            | 11.100                                                                           | 102.888.900                                                                                                         |
| 827        | VCT                                  | VN000000VCT6         | 1.100.000                                          | 49,0000000                                                                            | 539.000                                                                                | 0                                                                                | 539.000                                                                                                             |
| 828        | VCX                                  | VN000000VCX8         | 26.530.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.999.700                                                                             | 10.510                                                                           | 12.989.190                                                                                                          |
| 829        | VDB                                  | VN000000VDB2         | 8.678.238                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 830        | VDG                                  | VN000000VDG1         | 7.254.992                                          | 50,0000000                                                                            | 3.627.496                                                                              | 1.917.340                                                                        | 1.710.156                                                                                                           |
| 831        | VDN                                  | VN000000VDN7         | 3.298.910                                          | 50,0000000                                                                            | 1.649.455                                                                              | 300                                                                              | 1.649.155                                                                                                           |
| 832        | VDT                                  | VN000000VDT4         | 1.965.440                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 833        | VE2                                  | VN000000VE29         | 2.158.880                                          | 49,0000000                                                                            | 1.057.851                                                                              | 15.520                                                                           | 1.042.331                                                                                                           |
| 834        | VE8                                  | VN000000VE86         | 1.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 882.000                                                                                | 3.900                                                                            | 878.100                                                                                                             |
| 835        | VE9                                  | VN000000VE94         | 12.523.613                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 2.054                                                                            | -2.054                                                                                                              |
| 836        | VEA                                  | VN000000VEA2         | 1.328.800.000                                      | 49,0000000                                                                            | 651.112.000                                                                            | 18.611.585                                                                       | 632.500.415                                                                                                         |
| 837        | VEC                                  | VN000000VEC8         | 43.800.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 10.000                                                                           | -10.000                                                                                                             |
| 838        | VEF                                  | VN000000VEF1         | 166.604.050                                        | 49,0000000                                                                            | 81.635.984                                                                             | 12.642                                                                           | 81.623.342                                                                                                          |
| 839        | VES                                  | VN000000VES4         | 49.426.166                                         | 100,0000000                                                                           | 49.426.166                                                                             | 24.608.096                                                                       | 24.818.070                                                                                                          |
| 840        | VET                                  | VN000000VET2         | 16.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 50<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 841        | VFC                                  | VN000000VFC5         | 34.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 16.660.000                                                                             | 15.191.398                                                                       | 1.468.602                                                                                                           |
| 842        | VFR                                  | VN000000VFR3         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.350.000                                                                              | 801                                                                              | 7.349.199                                                                                                           |
| 843        | VGG                                  | VN000000VGG4         | 44.100.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 21.609.000                                                                             | 6.633.848                                                                        | 14.975.152                                                                                                          |
| 844        | VGI                                  | VN000000VGI0         | 3.043.811.200                                      | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 453.912                                                                          | -453.912                                                                                                            |
| 845        | VGL                                  | VN000000VGL4         | 9.325.155                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.569.325                                                                              | 0                                                                                | 4.569.325                                                                                                           |
| 846        | VGR                                  | VN000000VGR1         | 82.224.959                                         | 49,0000000                                                                                  | 40.290.229                                                                             | 17.900.459                                                                       | 22.389.770                                                                                                          |
| 847        | VGТ                                  | VN000000VGТ7         | 500.000.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 245.000.000                                                                            | 70.190.470                                                                       | 174.809.530                                                                                                         |
| 848        | VGv                                  | VN000000VGv3         | 35.774.448                                         | 49,0000000                                                                                  | 17.529.479                                                                             | 2.476.100                                                                        | 15.053.379                                                                                                          |
| 849        | VHD                                  | VN000000VHD9         | 38.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 850        | VHF                                  | VN000000VHF4         | 21.500.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 10.535.000                                                                             | 0                                                                                | 10.535.000                                                                                                          |
| 851        | VHG                                  | VN000000VHG2         | 150.000.000                                        | 49,0000000                                                                                  | 73.500.000                                                                             | 227.675                                                                          | 73.272.325                                                                                                          |
| 852        | VHH                                  | VN000000VHH0         | 7.500.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.675.000                                                                              | 0                                                                                | 3.675.000                                                                                                           |
| 853        | VIE                                  | VN000000VIE5         | 5.061.244                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.480.009                                                                              | 5.324                                                                            | 2.474.685                                                                                                           |
| 854        | VIH                                  | VN000000VIH8         | 0                                                  | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 855        | VIM                                  | VN000000VIM8         | 1.250.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 10.810                                                                           | -10.810                                                                                                             |
| 856        | VIN                                  | VN000000VIN6         | 25.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 23.400                                                                           | -23.400                                                                                                             |
| 857        | VIR                                  | VN000000VIR7         | 8.240.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 1.100                                                                            | -1.100                                                                                                              |
| 858        | VIW                                  | VN000000VIW7         | 58.018.600                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 200                                                                              | -200                                                                                                                |
| 859        | VKC                                  | VN000000VKC5         | 20.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 10.000.000                                                                             | 136.914                                                                          | 9.863.086                                                                                                           |
| 860        | VKP                                  | VN000000VKP7         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 3.920.000                                                                              | 2.200                                                                            | 3.917.800                                                                                                           |
| 861        | VLB                                  | VN000000VLB5         | 46.921.600                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 5.900                                                                            | -5.900                                                                                                              |
| 862        | VLC                                  | VN000000VLC3         | 212.491.611                                        | 100,0000000                                                                                 | 212.491.611                                                                            | 203.024                                                                          | 212.288.587                                                                                                         |
| 863        | VLG                                  | VN000000VLG4         | 14.212.130                                         | 49,0000000                                                                                  | 6.963.943                                                                              | 43.100                                                                           | 6.920.843                                                                                                           |
| 864        | VLP                                  | VN000000VLP5         | 3.536.222                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 865        | VLS                                  | VN000000VLS9         | 24.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 866        | VLW                                  | VN000000VLW1         | 28.900.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 14.450.000                                                                             | 52.700                                                                           | 14.397.300                                                                                                          |
| 867        | VMA                                  | VN000000VMA5         | 2.700.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.323.000                                                                              | 1.016.300                                                                        | 306.700                                                                                                             |
| 868        | VMG                                  | VN000000VMG2         | 9.600.000                                          | 51,0000000                                                                                  | 4.896.000                                                                              | 68.500                                                                           | 4.827.500                                                                                                           |
| 869        | VMI                                  | VN000000VMI8         | 10.949.999                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.365.499                                                                              | 728.400                                                                          | 4.637.099                                                                                                           |
| 870        | VMK                                  | VN000000VMK4         | 7.909.952                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 871        | VMT                                  | VN000000VMT5         | 6.142.500                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 872        | VNA                                  | VN000000VNA3         | 33.999.960                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 594.529                                                                          | -594.529                                                                                                            |
| 873        | VNB                                  | VN000000VNB1         | 67.909.960                                         | 49,0000000                                                                                  | 33.275.880                                                                             | 722.600                                                                          | 32.553.280                                                                                                          |
| 874        | VNE                                  | VN000000VNE5         | 90.432.953                                         | 49,0000000                                                                                  | 44.312.146                                                                             | 392.492                                                                          | 43.919.654                                                                                                          |
| 875        | VNH                                  | VN000000VNH8         | 8.023.071                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 111.011                                                                          | -111.011                                                                                                            |
| 876        | VNI                                  | VN000000VNI6         | 10.559.996                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.174.398                                                                              | 4.113                                                                            | 5.170.285                                                                                                           |
| 877        | VNP                                  | VN000000VNP1         | 19.428.913                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 153.000                                                                          | -153.000                                                                                                            |
| 878        | VNX                                  | VN000000VNX5         | 3.227.644                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 879        | VNY                                  | VN000000VNY3         | 16.249.969                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.962.484                                                                              | 0                                                                                | 7.962.484                                                                                                           |
| 880        | VNZ                                  | VN000000VNZ0         | 29.726.465                                         | 47,9300000                                                                                  | 14.247.894                                                                             | 14.247.894                                                                       | 0                                                                                                                   |
| 881        | VPA                                  | VN000000VPA8         | 15.076.177                                         | 49,0000000                                                                                  | 7.387.326                                                                              | 52.400                                                                           | 7.334.926                                                                                                           |
| 882        | VPC                                  | VN000000VPC4         | 5.625.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.756.250                                                                              | 20.000                                                                           | 2.736.250                                                                                                           |
| 883        | VPR                                  | VN000000VPR2         | 10.067.078                                         | 49,0000000                                                                                  | 4.932.868                                                                              | 699.372                                                                          | 4.233.496                                                                                                           |
| 884        | VPW                                  | VN000000VPW2         | 11.168.676                                         | 3,2500000                                                                                   | 362.981                                                                                | 0                                                                                | 362.981                                                                                                             |
| 885        | VQC                                  | VN000000VQC2         | 3.599.580                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 139.498                                                                          | -139.498                                                                                                            |
| 886        | VRG                                  | VN000000VRG1         | 25.894.868                                         | 49,0000000                                                                                  | 12.688.485                                                                             | 45.490                                                                           | 12.642.995                                                                                                          |
| 887        | VSE                                  | VN000000VSE4         | 8.937.250                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.379.252                                                                              | 79.600                                                                           | 4.299.652                                                                                                           |
| 888        | VSF                                  | VN000000VSF1         | 500.000.000                                        | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 889        | VSG                                  | VN000000VSG9         | 11.044.000                                         | 49,0000000                                                                                  | 5.411.560                                                                              | 46.030                                                                           | 5.365.530                                                                                                           |
| 890        | VSN                                  | VN000000VSN5         | 80.905.100                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.319.920                                                                        | -3.319.920                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | 51<br>Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ<br>phiếu tối đa được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ<br>phiếu hiện đang<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                           | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 891        | VSP                                  | VN000000VSP0         | 38.084.489                                         | 49,0000000                                                                                  | 18.661.399                                                                             | 283.674                                                                          | 18.377.725                                                                                                          |
| 892        | VST                                  | VN000000VST2         | 68.999.337                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 3.215                                                                            | -3.215                                                                                                              |
| 893        | VTA                                  | VN000000VTA0         | 8.000.000                                          | 50,0000000                                                                                  | 4.000.000                                                                              | 13.990                                                                           | 3.986.010                                                                                                           |
| 894        | VTD                                  | VN000000VTD4         | 24.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 895        | VTE                                  | VN000000VTE2         | 15.600.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 896        | VTG                                  | VN000000VTG7         | 18.644.500                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 897        | VTI                                  | VN000000VTI3         | 3.500.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.715.000                                                                              | 0                                                                                | 1.715.000                                                                                                           |
| 898        | VTK                                  | VN000000VTK9         | 9.383.230                                          | 49,0000000                                                                                  | 4.597.782                                                                              | 31.069                                                                           | 4.566.713                                                                                                           |
| 899        | VTM                                  | VN000000VTM5         | 3.279.797                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 900        | VTQ                                  | VN000000VTQ6         | 17.081.791                                         | 100,0000000                                                                                 | 17.081.791                                                                             | 0                                                                                | 17.081.791                                                                                                          |
| 901        | VTR                                  | VN000000VTR4         | 66.494.410                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 902        | VTs                                  | VN000000VTS2         | 2.000.205                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 37.759                                                                           | -37.759                                                                                                             |
| 903        | VTX                                  | VN000000VTX2         | 20.972.321                                         | 30,0000000                                                                                  | 6.291.696                                                                              | 10                                                                               | 6.291.686                                                                                                           |
| 904        | VUA                                  | VN000000VUA8         | 200.000.000                                        | 100,0000000                                                                                 | 200.000.000                                                                            | 0                                                                                | 200.000.000                                                                                                         |
| 905        | VUG                                  | VN000000VUG5         | 134.483.869                                        | 50,0000000                                                                                  | 67.241.934                                                                             | 59.079.709                                                                       | 8.162.225                                                                                                           |
| 906        | VVN                                  | VN000000VVN9         | 55.000.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 907        | VW1                                  | VN000000VW19         | 1.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 490.000                                                                                | 0                                                                                | 490.000                                                                                                             |
| 908        | VW3                                  | VN000000VW35         | 2.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 2.000                                                                            | -2.000                                                                                                              |
| 909        | VWS                                  | VN000000VWS6         | 3.600.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 910        | VXB                                  | VN000000VXB0         | 4.049.006                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.984.012                                                                              | 700                                                                              | 1.983.312                                                                                                           |
| 911        | VXP                                  | VN000000VXP0         | 3.600.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.764.000                                                                              | 0                                                                                | 1.764.000                                                                                                           |
| 912        | VXT                                  | VN000000VXT2         | 6.011.932                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 913        | WSB                                  | VN000000WSB8         | 14.500.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 7.250.000                                                                              | 388.521                                                                          | 6.861.479                                                                                                           |
| 914        | WTC                                  | VN000000WTC4         | 17.500.000                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 6.100                                                                            | -6.100                                                                                                              |
| 915        | X26                                  | VN000000X263         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 2.450.000                                                                              | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 916        | X77                                  | VN000000X776         | 1.340.877                                          | 49,0000000                                                                                  | 657.029                                                                                | 0                                                                                | 657.029                                                                                                             |
| 917        | XDH                                  | VN000000XDH5         | 27.026.907                                         | 49,0000000                                                                                  | 13.243.184                                                                             | 0                                                                                | 13.243.184                                                                                                          |
| 918        | XHC                                  | VN000000XHC7         | 21.096.500                                         | 49,0000000                                                                                  | 10.337.285                                                                             | 900                                                                              | 10.336.385                                                                                                          |
| 919        | XLV                                  | VN000000XLV9         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 920        | XMC                                  | VN000000XMC7         | 71.405.689                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 15.873                                                                           | -15.873                                                                                                             |
| 921        | XMD                                  | VN000000XMD5         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                                  | 1.960.000                                                                              | 1.200                                                                            | 1.958.800                                                                                                           |
| 922        | XMP                                  | VN000000XMP9         | 15.000.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 7.500.000                                                                              | 32.100                                                                           | 7.467.900                                                                                                           |
| 923        | XPH                                  | VN000000XPH9         | 12.972.475                                         | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 8.200                                                                            | -8.200                                                                                                              |
| 924        | YBC                                  | VN000000YBC8         | 11.800.000                                         | 50,0000000                                                                                  | 5.900.000                                                                              | 2.800                                                                            | 5.897.200                                                                                                           |
| 925        | YTC                                  | VN000000YTC0         | 9.548.000                                          | 0,0000000                                                                                   | 0                                                                                      | 47.030                                                                           | -47.030                                                                                                             |
| Tổng (UPX) |                                      |                      | 54.225.041.953                                     |                                                                                             | 18.266.823.058                                                                         | 1.859.137.208                                                                    | 16.407.685.850                                                                                                      |